



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN**

**HỒ SƠ MỜI THẦU QUA MẠNG
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

Số hiệu gói thầu:	30268
Tên gói thầu:	Thi công sửa chữa các hạng mục xây dựng cho NCSP.
Thời gian phát hành:	Theo hệ thống đấu thầu qua mạng



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu qua mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư/Bên mời thầu/NCSP	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN
Tổng Công ty	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
Quy định của Tổng công ty	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn/
VND	Đồng Việt Nam

**** E-HSMT này được xây dựng dựa trên:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 15/12/2000 được ký kết giữa 3 Chủ đầu tư của NCSP.
- Quy định về Lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 4 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (PVGas);
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Các quy định pháp luật khác có liên quan.



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chi dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG và BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;

- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;

- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT, E-HSĐT trên Hệ thống và tải các file đính kèm lên hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ (nếu có) để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng (Theo Biểu mẫu hợp đồng)****Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (Theo Biểu mẫu hợp đồng)****Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn</p>



	<p>chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;</p> <p>h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây</p>
--	--



	<p>ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>5.1.1. Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty.</p> <p>5.1.2. Nhà thầu không thuộc Khoản 5.1.1 Mục này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p>



	<p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d và g Mục 5.1.2 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ</p>



	<p>thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSMT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và</p>



	<p>lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalogo...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu được Nhà thầu scan đính kèm lên hệ thống theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được Nhà thầu scan đính kèm lên hệ thống theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu được Nhà thầu scan đính kèm lên hệ thống theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV và scan, đính kèm các biểu mẫu lên hệ thống theo yêu cầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ



	thống trích xuất hoặc đính kèm lên hệ thống để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). Nhà thầu điền giá vào Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất (cơ sở cho Biên bản mở thầu) đồng thời scan Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 09 lên Hệ thống.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu; đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 09 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p>

	<p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào Bảng giá dự thầu và scan đính kèm lên hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh dịch vụ mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSĐT.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSĐT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của</p>



	<p>mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu</p>



	<p>theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).</p> <p>18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu bảo lãnh dự thầu tại Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo</p>
--	---



	<p>lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:</p> <p>a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;</p> <p>b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng. <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho</p>
--	--



	<p>phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>



<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu;



	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà</p>



	<p>thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ</p>



	<p>liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT đó nhằm làm cho E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ (Không áp dụng)</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ quy định tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh</p>



	<p>nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Chủ đầu tư, Bên mời thầu không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với</p>



	<p>trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu tại Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định</p>



	<p>tại Mục 29.3 hoặc Mục 29.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSMT đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá các nội dung: lịch sử hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Nhà thầu đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm để đánh giá. - Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương</p>
--	--



	<p>III và thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất).</p> <p>a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu không bao gồm VAT, nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm VAT thấp nhất.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà</p>
--	--



	<p>thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;</p> <p>c) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên</p>
--	---



	<p>webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, giá trị tài sản ròng đã được đánh giá là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
30. Đối chiếu tài liệu	<p>30.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>30.3. Bên mời thầu gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
31. Điều kiện xét duyệt	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p>



<p>trúng thầu</p>	<p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm, làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Tổng công ty hoặc thực hiện trái với quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Giá dự thầu/ đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định/ hướng dẫn tại Điều 131 Nghị định 24/2024/NĐ-CP; đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, đ và e Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo</p>



	đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 E-CDNT.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản</p>

	<p>khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 12 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>



<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần – Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Thi công sửa chữa các hạng mục xây dựng cho NCSP. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh (Áp dụng Quy định về lựa chọn nhà thầu Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.)
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN. - Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của Hệ thống https://muasamcong.mpi.gov.vn/
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 60 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 24.300.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu ba trăm đồng chẵn). Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ít nhất 90 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.



E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu (không yêu cầu dịch vụ liên quan).
E-CDNT 28.2	Cách tính ưu đãi: Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt - Đánh giá về tài chính: áp dụng phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 29.3(d)	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT , sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0% Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng; - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.
E-CDNT 38.2	- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099 Người nhận: Vũ Thị Mỹ Hồng – Chuyên viên Mua sắm Phòng Hợp đồng & Cung ứng Vật tư Email: hong.vu@ncsp.com.vn C/c: Nguyễn Đắc Diệu Phương – Trưởng nhóm Hợp đồng & Cung ứng vật tư. Email: Phuong.Nguyen@ncsp.com.vn



E-CDNT 39	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099 Người nhận: Nguyễn Đắc Diệu Phương – Trưởng nhóm Hợp đồng & Cung ứng vật tư Email: Phuong.Nguyen@ncsp.com.vn C/c Nguyễn Đình Định – Trưởng phòng Kinh doanh Email: Dinh.Nguyen@ncsp.com.vn</p>
------------------	--



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT
2. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

3. Giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

4. Thời gian có hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu của Mục CDNT 17.1;

5. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo mẫu Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 09 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

7. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

8. Nhà thầu có cam kết mở bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Dự thảo hợp đồng (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.



Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

CÁC TIÊU CHÍ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM			CÁC YÊU CẦU CẦN TUÂN THỦ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	YÊU CẦU	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Có cam kết theo đơn dự thầu
3	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: <ul style="list-style-type: none">- Có tính chất tương tự: Thi công, cải tạo, sửa chữa xây dựng trong các cơ sở công nghiệp- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 246.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT) (Nhà thầu cung cấp bản chụp các hợp đồng, hóa đơn VAT, biên bản nghiệm thu,.. để chứng minh hợp đồng tương ứng với yêu cầu).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu 05A



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được đính kèm trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn
1	Performing Authority (PA – Người chịu trách nhiệm công việc) đã được NCSP đào tạo và chứng nhận theo quy trình “OPS-3000-MP-1014 Hệ thống kiểm soát công việc NCSP” (*) Trong trường hợp nhà thầu sử dụng PA do NCSP cấp, nhà thầu phải ghi rõ vào mục này là “Sử dụng PA của NCSP”	01		Thẻ PA do NCSP cấp còn hạn (**).
2	Nhân sự phụ trách giám thi công xây dựng	01		Có chứng chỉ giám sát thi công xây dựng do Cơ quan nhà nước cấp còn hạn (**)



Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu chưa có nhân sự PA được NCSP đào tạo và chứng nhận hoặc thẻ PA đã hết hạn, nhà thầu có thể:

- Thuê lại PA theo danh sách các PA đã được NCSP đào tạo và chứng nhận. (NCSP sẽ cung cấp danh sách các PA này khi nhà thầu yêu cầu). Chi phí thuê PA sẽ do nhà thầu chịu; hoặc
- NCSP sẽ cung cấp PA cho nhà thầu thực hiện công việc nhưng giá đánh giá của nhà thầu sẽ phải cộng thêm vào khoản tiền tương ứng với chi phí để thuê nhân công PA là 84 triệu VNĐ (đã bao gồm VAT).

Nhà thầu phải ghi rõ trong hồ sơ dự thầu về khả năng huy động nhân sự PA.

(**) Hiệu lực của chứng chỉ phải tính đến hết quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng. Trong trường hợp nhà thầu có cung cấp chứng chỉ còn hiệu lực tại thời điểm đóng thầu nhưng sẽ hết hạn trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc chứng chỉ hết hạn trước thời điểm đóng thầu không quá 30 ngày, nhà thầu phải cam kết nếu trúng thầu nhà thầu sẽ cung cấp chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện công việc.

Lưu ý: Nếu chứng chỉ không ghi thời hạn hiệu lực thì coi như luôn còn hạn. Còn chứng chỉ có thời hạn hiệu lực thì sẽ dựa vào thời hạn ghi trên chứng chỉ để xác định là chứng chỉ còn hạn hay không

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, nhà thầu bị phạt hợp đồng.



Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật E-HSDT của nhà thầu như quy định trong bảng sau:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	<p>BIỆN PHÁP THI CÔNG (BPTC): Nhà thầu trình bày BPTC cho các công tác chính thi công (Trong Phần 2 – Chương 5. Yêu cầu kỹ thuật) trong đó tối thiểu phải nêu được các nội dung chính như sau:</p> <p>1/ Liệt kê các bước chính thi công. 2/ Trình bày cách thức thi công, biện pháp thực hiện chi tiết cho từng bước chính đã liệt kê. 3/ Liệt kê các vật tư, vật liệu, hóa chất sẽ sử dụng. 4/ Liệt kê máy móc, thiết bị sẽ sử dụng. 5/ Các biện pháp kiểm soát an toàn cho công việc.</p>	<p>Đáp ứng cả 02 yêu cầu về BPTC như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> BPTC nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung, và; BPTC hợp lý, đáp ứng các yêu cầu công việc và yêu cầu đảm bảo an toàn tại hiện trường. 	<p>KHÔNG đáp ứng bất kỳ 01 trong 02 yêu cầu về BPTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> BPTC nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung, và; BPTC hợp lý, đáp ứng các yêu cầu công việc và yêu cầu đảm bảo an toàn tại hiện trường.
2	<p>TIẾN ĐỘ: Nhà thầu cung cấp bảng tiến độ thi công chi tiết</p>	<p>Bảng tiến độ thi công chi tiết, hợp lý cho các công việc và tổng thời gian thi công không quá 90 ngày tính từ ngày ký kết hợp đồng, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ</p>	<p>Không cung cấp bảng tiến độ thi công chi tiết, hoặc có cung cấp nhưng không hợp lý hoặc có tổng thời gian thi công quá 90 ngày tính từ ngày ký kết hợp đồng, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ</p>
3	<p>Cam kết Tất cả nhân sự tham gia làm việc phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thẻ An toàn lao động được cấp cho đối tượng tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 phù hợp với công việc thực hiện tại NCSP theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Nghị định 140/2018/NĐ-CP. 	<p>Có văn bản cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung như yêu cầu.</p>	<p>Không có văn bản cam kết hoặc có văn bản cam kết nhưng không đầy đủ.</p>



TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
4	<p>CAM KẾT AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG: Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường của NCSP theo tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> HSE-3000-MP-0044 Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP (bản mới nhất) 	Có văn bản cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	Không có văn bản cam kết hoặc có văn bản cam kết nhưng không đầy đủ.
5	<p>CAM KẾT BẢO HÀNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH: Nhà thầu cam kết bảo hành ít nhất 12 tháng cho chất lượng thi công công trình kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình. Với các sản phẩm, trang thiết bị, vật tư có chính sách bảo hành từ phía nhà sản xuất lớn hơn 12 tháng thì thời gian bảo hành lấy theo nhà sản xuất.</p>	Có văn bản cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	Không có văn bản cam kết hoặc có văn bản cam kết nhưng không đầy đủ.
	KẾT LUẬN	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		Tất cả nội dung yêu cầu trên được đánh giá là “Đạt”	Có bất kì nội dung yêu cầu trên được đánh giá là “Không đạt”



Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu **không bao gồm thuế VAT**;

Bước 2. Sửa lỗi theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại ghi chú (2)

Bước 4. Xác định giá dự thầu **không bao gồm thuế VAT** sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có)

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu **không bao gồm thuế VAT** sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong E-HSMT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;

c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b khoản này;

d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong E-HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục (2) dưới đây;

đ) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:

(a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn:

Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong E-HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm c khoản này để so sánh, xếp hạng E-HSMT.

Trường hợp hạng mục công việc nêu trong E-HSMT không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong E-HSMT và được hiệu chỉnh sai lệch



theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các E-HSDT. Hạng mục công việc nêu trong E-HSMT được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của E-HSMT được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong E-HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

- (3) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.
- (4) Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 2 nêu trên vẫn được xếp hạng thứ nhất và hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).

- (5) Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT.



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
6	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
11	Mẫu số 08. Bảng tiến độ thực hiện			X
12	Mẫu số 09. Bảng giá dự thầu			X
13	Mẫu số 10. Bản cam kết thực hiện gói thầu			X



Mẫu số 01 (Scan và đính kèm)**PHẠM VI CUNG CẤP**

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Thi công đường ống thoát nước cho khu vực MCD Workshop			Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	90 ngày
1	Đào đất thi công hố thăm, hố thu, mương đường ống thoát, đào kiểm chứng cao độ...	m3	108,61		
2	Phá dỡ nền bê tông cốt thép thi công mương đường ống thoát	m3	1,00		
3	Thi công đổ bê tông lót đá 4x6 M100 hố thăm, hố thu	m3	0,61		
4	Gia công lắp đặt cốt thép hố thăm, hố thu	tấn	0,65		
5	Gia công lắp đặt ván khuôn hố thăm, hố thu	m2	40,02		
6	Thi công đổ bê tông đá 1x2 M300 hố thăm, hố thu	m3	4,64		
7	Gia công, lắp đặt nắp gang hố thu, hố thăm	cái	3,00		
8	Sơn phủ nắp gang hố thu, hố thăm	cái	3,00		
9	Lấp đất, đầm chặt đất K95 mương đường ống thoát	m3	108,61		
10	Khoan rút lõi thành mương thoát nước	mũi	1,00		
11	Lắp đặt ống thoát nước HDPE D114	m	65,00		
12	Cung cấp lắp đặt ống thoát nước PVC D48/3 thoát nước máy lạnh	m	7,00		
13	Cung cấp lắp đặt ống thoát nước PVC D90/3 thoát nước bồn tự hoại	m	15,00		
14	Thi công, lắp đặt gói ống thoát nước HDPE D114	cái	34,00		
15	Thi công lớp đá 4*6 đầm chặt lót gói ống	m3	0,82		
16	Thi công rải băng cảnh báo công trình ngầm	khoản	1,00		
17	Rải bạt nilong chống mất nước đổ bê tông tái lập nền	m2	2,40		
18	Đổ bê tông đá 1*2 M300 tái lập nền	m3	1,00		
19	Thi công lắp đặt mốc cảnh báo bê tông đá 1*2 M200	cái	7,00		
II	Cải tạo, sửa chữa Phòng thư viện MCD				
1	Cạo bỏ lớp sơn, bột trét cũ ngoại thất	m2	175,14		
2	Bả bột trét vào tường, cột, dầm, trần	m2	175,14		
3	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	175,14		
4	Đục tường gạch thi công ống thoát hơi cho bồn cầu	m3	0,10		
5	Cung cấp lắp đặt ống thoát hơi PVC D48/3 cho bồn cầu	m	4,00		
6	Tô trát vữa xi măng M75 tái lập tường	m2	0,60		
7	Vệ sinh, dọn dẹp WC Phòng thư viện MCD	khoản	1,00		
III	Thi công hố cát và sân xả đơn				
1	Đào đất thi công hố cát	m3	13,82		
2	Thi công bó vỉa bê tông cốt thép đá 1*2 M300	m3	2,30		
3	Gia công lắp đặt cốt thép bó vỉa hố cát	tấn	0,50		
4	Gia công lắp đặt ván khuôn bó vỉa hố cát	m2	22,96		
5	Thi công lớp đá 4*6 hố cát	m3	2,80		
6	Thi công lớp đá 1*2 hố cát	m3	3,50		
7	Thi công lớp cát chọn lọc	m3	4,90		
8	Thi công lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa các lớp vật liệu	m2	48,00		

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
9	Cung cấp lắp đặt ống PVC D42/3 khoan lỗ, quản vải địa thoát nước cho hồ cát	m	14,00		
10	Đào đất thi công sân xà đơn	m3	3,27		
11	Thi công lớp bê tông lót đá 1*2 M100 sân xà đơn	m3	1,09		
12	Thi công sân xà đơn bê tông cốt thép đá 1*2 M300	m3	2,05		
13	Gia công lắp đặt cốt thép sân xà đơn	tấn	0,30		
14	Gia công lắp đặt ván khuôn sân xà đơn	m2	3,96		
15	Thi công đổ sikagrout chân trụ xà đơn	m3	0,01		
16	Gia công sản xuất xà đơn	tấn	0,20		
17	Làm sạch kết cấu thép xà đơn	m2	5,00		
18	Mạ kẽm các kết cấu thép xà đơn	tấn	0,20		
19	Lắp đặt các kết cấu thép xà đơn	tấn	0,20		
20	Cung cấp, lắp đặt bu lông neo mạ kẽm nhúng, cấp độ bền 8.8	bộ	12,00		
21	Cung cấp, lắp đặt nắp chụp bằng mã xà đơn	bộ	3,00		
22	Sơn epoxy kết cấu thép xà đơn	m2	5,00		
IV	Thay mới công thép MCD bằng hàng rào lưới B40				
1	Tháo dỡ công thép khu nhà xưởng MCD cũ, vận chuyển về kho rác kim loại.	khoản	1,00		
2	Phá dỡ nền bê tông cốt thép móng công cũ	khoản	1,00		
3	Đào đất thi công móng trụ hàng rào, đà kiềng trụ hàng rào mới mới	m3	1,40		
4	Rải bạt nilong chống mất nước đồ bê tông móng và trụ hàng rào mới	m2	10,72		
5	Gia công, lắp đặt trụ hàng rào mạ kẽm nhúng nóng thay cho công thép cũ đã tháo ra	tấn	0,10		
6	Cung cấp lắp đặt lưới B40 bọc nhựa	m2	24,00		
7	Cung cấp lắp đặt kẽm gai	m	33,00		
8	Cung cấp lắp đặt cáp thép D4 bọc nhựa căng lưới B40	m	33,00		
9	Cung cấp lắp đặt bu lông mắt M10 mạ kẽm	khoản	1,00		
10	Cung cấp lắp đặt ốc siết cáp D4 mạ kẽm	khoản	1,00		
11	Sơn epoxy Jotun chống rỉ cho ốc siết cáp, bu lông mắt...	m2	2,00		
12	Đổ bê tông đá 1*2 M300 móng, đà kiềng	m3	0,99		
V	Gia công, lắp đặt cửa trượt tự động Eurowindow tại tòa nhà hành chính				
1	Tháo dỡ cửa đi kính cường lực hiện hữu (bao gồm cả khung cửa, cửa, phụ kiện cửa....)	m2	14,58		
2	Cắt, đục tường gạch thi công chôn ống luồn cáp điện, đế âm...	khoản	1,00		
3	Trám trét tường, dầm, lỗ bần lè sàn... bằng vữa xi măng M75	khoản	1,00		
4	Cung cấp, lắp đặt bộ cửa trượt tự động Eurowindow (bao gồm cửa và toàn bộ các phụ kiện đi kèm: motor, ray, nút nhấn khẩn cấp, nút chuyển chế độ vận hành, bảng điều khiển, khóa....)	bộ	1,00		
5	Cung cấp, lắp đặt dây đơn 1x2,5 mm2 cấp nguồn cho cửa trượt	m	20,00		
6	Cung cấp, lắp đặt ống nhựa D20 luồn cáp điện và phụ kiện luồn cáp điện	m	10,00		
7	Cung cấp, lắp đặt đế âm, đế nổi, hộp nổi	cái	3,00		
8	Cung cấp, lắp đặt công tắc 2 hạt	cái	2,00		

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
9	Cung cấp, lắp đặt MCB-2P-10A cấp nguồn cho cửa trượt	cái	1,00		
10	Cung cấp lắp đặt thảm văn phòng	m2	1,62		
11	Bả bột trét vào tường	m2	16,20		
12	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	16,20		

Ghi chú: Chi tiết công việc, yêu cầu kỹ thuật và bản vẽ thiết kế được quy định tại Chương V



Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: ___ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ___ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;



9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



Mẫu số 03 (webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- *Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.*
- [- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 09 Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.



Mẫu số 04A (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng



tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết



hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 05A (Scan đính kèm lên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các thông tin khác (nếu có)]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.



Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



Mẫu số 06A (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		



Mẫu số 06B (Scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Mẫu số 06C (Scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Mẫu số 07 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phân việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



Mẫu số 08 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Thi công đường ống thoát nước cho khu vực MCD Workshop					
1	Đào đất thi công hố thăm, hố thu, mương đường ống thoát, đào kiểm chứng cao độ...	m3	108,61			
2	Phá dỡ nền bê tông cốt thép thi công mương đường ống thoát	m3	1,00			
3	Thi công đổ bê tông lót đá 4x6 M100 hố thăm, hố thu	m3	0,61			
4	Gia công lắp đặt cốt thép hố thăm, hố thu	tấn	0,65			
5	Gia công lắp đặt ván khuôn hố thăm, hố thu	m2	40,02			
6	Thi công đổ bê tông đá 1x2 M300 hố thăm, hố thu	m3	4,64			
7	Gia công, lắp đặt nắp gang hố thu, hố thăm	cái	3,00			
8	Sơn phủ nắp gang hố thu, hố thăm	cái	3,00			
9	Lấp đất, đầm chặt đất K95 mương đường ống thoát	m3	108,61			
10	Khoan rút lõi thành mương thoát nước	mũi	1,00			
11	Lắp đặt ống thoát nước HDPE D114	m	65,00			
12	Cung cấp lắp đặt ống thoát nước PVC D48/3 thoát nước máy lạnh	m	7,00			
13	Cung cấp lắp đặt ống thoát nước PVC D90/3 thoát nước bồn tự hoại	m	15,00			
14	Thi công, lắp đặt gói ống thoát nước HDPE D114	cái	34,00			
15	Thi công lớp đá 4*6 đầm chặt lót gói ống	m3	0,82			
16	Thi công rải băng cảnh báo công trình ngầm	khoản	1,00			
17	Rải bạt nilong chống mất nước đổ bê tông tái lập nền	m2	2,40			
18	Đổ bê tông đá 1*2 M300 tái lập nền	m3	1,00			
19	Thi công lắp đặt mốc cảnh báo bê tông đá 1*2 M200	cái	7,00			
II	Cải tạo, sửa chữa Phòng thư viện MCD					
1	Cạo bỏ lớp sơn, bột trét cũ ngoài thất	m2	175,14			
2	Bả bột trét vào tường, cột, dầm, trần	m2	175,14			
3	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	175,14			
4	Đục tường gạch thi công ống thoát hơi cho bồn cầu	m3	0,10			
5	Cung cấp lắp đặt ống thoát hơi PVC D48/3 cho bồn cầu	m	4,00			
6	Tô trát vữa xi măng M75 tái lập tường	m2	0,60			
7	Vệ sinh, dọn dẹp WC Phòng thư viện MCD	khoản	1,00			
III	Thi công hố cát và sân xà đơn					
1	Đào đất thi công hố cát	m3	13,82			
2	Thi công bó vỉa bê tông cốt thép đá 1*2 M300	m3	2,30			
3	Gia công lắp đặt cốt thép bó vỉa hố cát	tấn	0,50			
4	Gia công lắp đặt ván khuôn bó vỉa hố cát	m2	22,96			
5	Thi công lớp đá 4*6 hố cát	m3	2,80			
6	Thi công lớp đá 1*2 hố cát	m3	3,50			
7	Thi công lớp cát chọn lọc	m3	4,90			
8	Thi công lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa các lớp vật liệu	m2	48,00			

Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn
Tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

90 ngày



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
9	Cung cấp lắp đặt ống PVC D42/3 khoan lỗ, quần vải địa thoát nước cho hồ cát	m	14,00			
10	Đào đất thi công sân xà đơn	m3	3,27			
11	Thi công lớp bê tông lót đá 1*2 M100 sân xà đơn	m3	1,09			
12	Thi công sân xà đơn bê tông cốt thép đá 1*2 M300	m3	2,05			
13	Gia công lắp đặt cốt thép sân xà đơn	tấn	0,30			
14	Gia công lắp đặt ván khuôn sân xà đơn	m2	3,96			
15	Thi công đổ sikagrout chân trụ xà đơn	m3	0,01			
16	Gia công sản xuất xà đơn	tấn	0,20			
17	Làm sạch kết cấu thép xà đơn	m2	5,00			
18	Mạ kẽm các kết cấu thép xà đơn	tấn	0,20			
19	Lắp đặt các kết cấu thép xà đơn	tấn	0,20			
20	Cung cấp, lắp đặt bu lông neo mạ kẽm nhúng, cấp độ bền 8.8	bộ	12,00			
21	Cung cấp, lắp đặt nắp chụp bằng mã xà đơn	bộ	3,00			
22	Sơn epoxy kết cấu thép xà đơn	m2	5,00			
V	Thay mới công thép MCD bằng hàng rào lưới B40					
1	Tháo dỡ công thép khu nhà xưởng MCD cũ, vận chuyển về kho rác kim loại.	khoản	1,00			
2	Phá dỡ nền bê tông cốt thép móng công cũ	khoản	1,00			
3	Đào đất thi công móng trụ hàng rào, đà kiềng trụ hàng rào mới mới	m3	1,40			
4	Rải bạt nilong chống mất nước đổ bê tông móng và trụ hàng rào mới	m2	10,72			
5	Gia công, lắp đặt trụ hàng rào mạ kẽm nhúng nóng thay cho công thép cũ đã tháo ra	tấn	0,10			
6	Cung cấp lắp đặt lưới B40 bọc nhựa	m2	24,00			
7	Cung cấp lắp đặt kẽm gai	m	33,00			
8	Cung cấp lắp đặt cáp thép D4 bọc nhựa căng lưới B40	m	33,00			
9	Cung cấp lắp đặt bu lông mắt M10 mạ kẽm	khoản	1,00			
10	Cung cấp lắp đặt ốc siết cáp D4 mạ kẽm	khoản	1,00			
11	Sơn epoxy Jotun chống rỉ cho ốc siết cáp, bu lông mắt...	m2	2,00			
12	Đổ bê tông đá 1*2 M300 móng, đà kiềng	m3	0,99			
VI	Gia công, lắp đặt cửa trượt tự động Eurowindow tại tòa nhà hành chính					
1	Tháo dỡ cửa đi kính cường lực hiện hữu (bao gồm cả khung cửa, cửa, phụ kiện cửa...)	m2	14,58			
2	Cắt, đục tường gạch thi công chôn ống luồn cáp điện, đế âm...	khoản	1,00			
3	Trám trét tường, dầm, lỗ bần lè sàn... bằng vữa xi măng M75	khoản	1,00			
4	Cung cấp, lắp đặt bộ cửa trượt tự động Eurowindow (bao gồm cửa và toàn bộ các phụ kiện đi kèm: motor, ray, nút nhấn khẩn cấp, nút chuyển chế độ vận hành, bảng điều khiển, khóa...)	bộ	1,00			
5	Cung cấp, lắp đặt dây đơn 1x2,5 mm2 cáp nguồn cho cửa trượt	m	20,00			
6	Cung cấp, lắp đặt ống nhựa D20 luồn cáp điện và phụ kiện luồn cáp điện	m	10,00			
7	Cung cấp, lắp đặt đế âm, đế nổi, hộp nổi	cái	3,00			
8	Cung cấp, lắp đặt công tắc 2 hạt	cái	2,00			

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
9	Cung cấp, lắp đặt MCB-2P-10A cấp nguồn cho cửa trượt	cái	1,00			
10	Cung cấp lắp đặt thảm văn phòng	m2	1,62			
11	Bà bột trét vào tường	m2	16,20			
12	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	16,20			

Ghi chú:

- Cột (7): Nhà thầu điền



Mẫu số 09 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Thi công đường ống thoát nước cho khu vực MCD Workshop					
1	Đào đất thi công hố thăm, hố thu, mương đường ống thoát, đào kiểm chứng cao độ...	m3	108,61			
2	Phá dỡ nền bê tông cốt thép thi công mương đường ống thoát	m3	1,00			Ống thoát nước máy lạnh, thoát nước bồn tự hoại
3	Thi công đổ bê tông lót đá 4x6 M100 hố thăm, hố thu	m3	0,61			
4	Gia công lắp đặt cốt thép hố thăm, hố thu	tấn	0,65			
5	Gia công lắp đặt ván khuôn hố thăm, hố thu	m2	40,02			
6	Thi công đổ bê tông đá 1x2 M300 hố thăm, hố thu	m3	4,64			
7	Gia công, lắp đặt nắp gang hố thu, hố thăm	cái	3,00			
8	Sơn phủ nắp gang hố thu, hố thăm	cái	3,00			Lớp lót: Jotamastic 90, dày 50µm Lớp trung gian: Jotamastic 90, dày 2x125µm Lớp phủ: Jotun Hardtop XP, dày 50µm Dung môi: Jotun Thinner No. 17, Jotun Thinner No. 10
9	Lấp đất, đầm chặt đất K95 mương đường ống thoát	m3	108,61			
10	Khoan rút lõi thành mương thoát nước	mũi	1,00			
11	Lắp đặt ống thoát nước HDPE D114	m	65,00			Ống do NCSP cung cấp, nhà thầu gia công hàn, cắt và lắp đặt
12	Cung cấp lắp đặt ống thoát nước PVC D48/3 thoát nước máy lạnh	m	7,00			Đã bao gồm phụ kiện PVC
13	Cung cấp lắp đặt ống thoát nước PVC D90/3 thoát nước bồn tự hoại	m	15,00			
14	Thi công, lắp đặt gối ống thoát nước HDPE D114	cái	34,00			
15	Thi công lớp đá 4*6 đầm chặt lót gối ống	m3	0,82			
16	Thi công rải băng cảnh báo công trình ngầm	khoản	1,00			
17	Rải bạt nilong chống mất nước đổ bê tông tái lập nền	m2	2,40			
18	Đổ bê tông đá 1*2 M300 tái lập nền	m3	1,00			
19	Thi công lắp đặt mốc cảnh báo bê tông đá 1*2 M200	cái	7,00			NCSP cung cấp sứ cảnh báo
II	Cải tạo, sửa chữa Phòng thư viện MCD					
1	Cạo bỏ lớp sơn, bột trét cũ ngoại thất	m2	175,14			
2	Bả bột trét vào tường, cột, dầm, trần	m2	175,14			Bột trét 2 lớp Dulux Putty cao cấp nội ngoại thất, có kiểm tra độ ẩm bằng máy đo, có kiểm tra độ phẳng bằng cách rọi đèn.



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
3	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	175,14			Sơn lót 1 lớp Dulux WeatherShield chống kiềm, mã A936 Sơn phủ 2 lớp Dulux WeatherShield bề mặt mờ, mã BJ8 Có kiểm tra độ ẩm bằng máy đo, có kiểm tra độ phẳng bằng cách rọi đèn.
4	Đục tường gạch thi công ống thoát hơi cho bồn cầu	m3	0,10			
5	Cung cấp lắp đặt ống thoát hơi PVC D48/3 cho bồn cầu	m	4,00			Đã bao gồm phụ kiện PVC
6	Tô trát vữa xi măng M75 tái lập tường	m2	0,60			
7	Vệ sinh, dọn dẹp WC Phòng thư viện MCD	khoản	1,00			
III	Thi công hồ cát và sân xà đơn					
1	Đào đất thi công hồ cát	m3	13,82			
2	Thi công bó vỉa bê tông cốt thép đá 1*2 M300	m3	2,30			
3	Gia công lắp đặt cốt thép bó vỉa hồ cát	tấn	0,50			
4	Gia công lắp đặt ván khuôn bó vỉa hồ cát	m2	22,96			
5	Thi công lớp đá 4*6 hồ cát	m3	2,80			
6	Thi công lớp đá 1*2 hồ cát	m3	3,50			
7	Thi công lớp cát chọn lọc	m3	4,90			Cát được sàng lọc bỏ tạp chất
8	Thi công lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa các lớp vật liệu	m2	48,00			Vải địa kỹ thuật loại không dệt, cường độ chịu kéo $\geq 25\text{KN/m}^2$
9	Cung cấp lắp đặt ống PVC D42/3 khoan lỗ, quấn vải địa thoát nước cho hồ cát	m	14,00			Vải địa kỹ thuật loại không dệt, cường độ chịu kéo $\geq 25\text{KN/m}^2$
10	Đào đất thi công sân xà đơn	m3	3,27			
11	Thi công lớp bê tông lót đá 1*2 M100 sân xà đơn	m3	1,09			
12	Thi công sân xà đơn bê tông cốt thép đá 1*2 M300	m3	2,05			
13	Gia công lắp đặt cốt thép sân xà đơn	tấn	0,30			
14	Gia công lắp đặt ván khuôn sân xà đơn	m2	3,96			
15	Thi công đổ sikagrout chân trụ xà đơn	m3	0,01			Sikagrout 214-11, vát mép 45 độ các cạnh vữa sau khi đổ.
16	Gia công sản xuất xà đơn	tấn	0,20			Thép đen, Mác thép tương đương SS400, chi phí đã bao gồm công tác MPI các mối hàn
17	Làm sạch kết cấu thép xà đơn	m2	5,00			Độ sạch SA2.5, TCVN 8790 : 2011
18	Mạ kẽm các kết cấu thép xà đơn	tấn	0,20			Phương pháp mạ tuân thủ theo ASTM A123
19	Lắp đặt các kết cấu thép xà đơn	tấn	0,20			
20	Cung cấp, lắp đặt bu lông neo mạ kẽm nhúng, cấp độ bền 8.8	bộ	12,00			Bộ bu lông bao gồm cả long đèn và đai ốc
21	Cung cấp, lắp đặt nắp chụp bằng mã xà đơn	bộ	3,00			Nắp chụp bằng nhựa hoặc cao su
22	Sơn epoxy kết cấu thép xà đơn	m2	5,00			



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
IV	Thay mới công thép MCD bằng hàng rào lưới B40					
1	Tháo dỡ công thép khu nhà xưởng MCD cũ, vận chuyển về kho rác kim loại.	khoản	1,00			
2	Phá dỡ nền bê tông cốt thép móng công cũ	khoản	1,00			
3	Đào đất thi công móng trụ hàng rào, đà kiềng trụ hàng rào mới mới	m3	1,40			
4	Rải bạt nilong chống mất nước đồ bê tông móng và trụ hàng rào mới	m2	10,72			
5	Gia công, lắp đặt trụ hàng rào mạ kẽm nhúng nóng thay cho công thép cũ đã tháo ra	tấn	0,10			Thép đen, Mác thép tương đương SS400 Phương pháp mạ tuân thủ theo ASTM A123
6	Cung cấp lắp đặt lưới B40 bọc nhựa	m2	24,00			Đường kính sợi lưới tối thiểu 3.7mm, kích thước ô lưới tối đa 60*60mm.
7	Cung cấp lắp đặt kẽm gai	m	33,00			Kẽm gai mạ điện, sợi đôi xoắn, đường kính sợi kẽm tối thiểu 2.7mm, nút 4 gai nhọn, khoảng cách nút 100mm
8	Cung cấp lắp đặt cáp thép D4 bọc nhựa căng lưới B40	m	33,00			
9	Cung cấp lắp đặt bu lông mắt M10 mạ kẽm	khoản	1,00			
10	Cung cấp lắp đặt ốc siết cáp D4 mạ kẽm	khoản	1,00			
11	Sơn epoxy Jotun chống rỉ cho ốc siết cáp, bu lông mắt...	m2	2,00			Lớp lót: Jotun Penguard Primer, dày 50µm Lớp phủ: Jotun Hardtop XP, dày 50µm Dung môi: Jotun Thinner No. 17, Jotun Thinner No. 10
12	Đổ bê tông đá 1*2 M300 móng, đà kiềng	m3	0,99			
V	Gia công, lắp đặt cửa trượt tự động Eurowindow tại tòa nhà hành chính					
1	Tháo dỡ cửa đi kính cường lực hiện hữu (bao gồm cả khung cửa, cửa, phụ kiện cửa....)	m2	14,58			
2	Cắt, đục tường gạch thi công chôn ống luồn cáp điện, đế âm...	khoản	1,00			
3	Trám trét tường, dầm, lỗ bán lẻ sàn... bằng vữa xi măng M75	khoản	1,00			Đóng lưới chống nứt tại các vị trí yêu cầu
4	Cung cấp, lắp đặt bộ cửa trượt tự động Eurowindow (bao gồm cửa và toàn bộ các phụ kiện đi kèm: motor, ray, nút nhấn khẩn cấp, nút chuyển chế độ vận hành, bảng điều khiển, khóa....)	bộ	1,00			Khung nhôm profile Eurowindow dày tối thiểu 1.4mm, sơn tĩnh điện màu xanh lá cây Kính ghép an toàn dày tối thiểu 10.38mm Phụ kiện kim khí đồng bộ Goăng cao su EPDM đồng bộ Và các phụ kiện khác...



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
5	Cung cấp, lắp đặt dây đơn 1x2,5 mm ² cấp nguồn cho cửa trượt	m	20,00			Dây đồng đơn mềm lõi bện xoắn 7 sợi, cách điện PVC 600/1000 VAC, màu dây được ghi chú trên bản vẽ Hãng sản xuất: Cadivi hoặc tương đương
6	Cung cấp, lắp đặt ống nhựa D20 luồn cáp điện và phụ kiện luồn cáp điện	m	10,00			Sino hoặc tương đương
7	Cung cấp, lắp đặt đế âm, đế nổi, hộp nổi	cái	3,00			Sino hoặc tương đương
8	Cung cấp, lắp đặt công tắc 2 hạt	cái	2,00			Công tắc đèn 220-240VAC 10A, thương hiệu Legrand dòng Mallia
9	Cung cấp, lắp đặt MCB-2P-10A cấp nguồn cho cửa trượt	cái	1,00			Schneider, dùng DIN rail, tiêu chuẩn IEC 60898, C curve, dòng cắt Ics 6 KA trở lên
10	Cung cấp lắp đặt thảm văn phòng	m ²	1,62			Thảm văn phòng SkyWalk, mã SK401
11	Bả bột trét vào tường	m ²	16,20			Bột trét 2 lớp Dulux Putty cao cấp nội ngoại thất, mã A502 Có kiểm tra độ ẩm bằng máy đo, có kiểm tra độ phẳng bằng cách rọi đèn.
12	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m ²	16,20			Sơn lót 1 lớp Dulux WeatherShield chống kiềm, mã A936 Sơn phủ 2 lớp Dulux WeatherShield bề mặt mờ, mã BJ8 Có kiểm tra độ ẩm bằng máy đo, có kiểm tra độ phẳng bằng cách rọi đèn.
Tổng cộng trọn gói (chưa bao gồm thuế GTGT)						(M*)
Thuế GTGT 8%						
Tổng cộng giá dự thầu trọn gói (đã bao gồm thuế GTGT)						

Ghi chú:

- Các cột từ (5) đến (6): Nhà thầu điền.

- Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Tổng hợp giá dự thầu (chưa bao gồm VAT 8%) (M*) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế VAT. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thuế suất VAT sẽ được điều chỉnh theo qui định thuế hiện hành tại thời điểm xuất hoá đơn.

- Nhà thầu phải chào giá đúng theo Biểu giá chào như trên và phải điền đầy đủ vào cột đơn giá và thành tiền. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ chi phí của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

- Giá chào là giá trọn gói. Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát lại khối lượng theo thực tế hiện trường. Nếu có sai khác, nhà thầu cần báo lại NCSP trước khi chào giá.



- Nhà thầu có trách nhiệm dự trù tất cả chi phí cho công việc liên quan vào báo giá. NCSP không chấp nhận báo giá phát sinh cho các công việc không được liệt kê ở đây.
- Trong quá trình thi công, nếu có phát sinh công việc, đơn giá này sẽ là căn cứ để nhà thầu trình báo giá phát sinh. Mọi sự thay đổi về đơn giá nhà thầu phải giải trình và được sự đồng ý của NCSP.
- NCSP có quyền thay đổi các trang thiết bị vật tư (mẫu mã, quy cách, chủng loại) trong quá trình thực hiện công việc trong đó đơn giá vật tư mới tương đương với đơn giá vật tư cũ đã đề xuất. Trong trường hợp đơn giá vật tư mới cao hơn hoặc thấp hơn đơn giá vật tư cũ, đơn giá mới sẽ được 2 bên thương lượng. Mọi sự thay đổi về thiết bị vật tư sẽ được ghi nhận trong các bản sửa đổi đơn hàng được hai bên đồng ý. Mọi sự chậm trễ do thay đổi trang thiết bị vật tư sẽ không tính vào tiến độ gói thầu.



Mẫu số 10 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết:

1. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
4. Thực hiện dịch vụ tại Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn, Tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Công việc được triển khai thực hiện và hoàn thành trong vòng tối đa 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ.
5. Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của hợp đồng (nếu có).
6. Tuân thủ tiến độ thực hiện theo yêu cầu tại PHẠM VI CUNG CẤP.
7. Cam kết tất cả nhân sự tham gia làm việc đều có Thẻ An toàn lao động được cấp cho đối tượng tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 phù hợp với công việc thực hiện tại NCSP theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Nghị định 140/2018/NĐ-CP.
8. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường và của NCSP theo tài liệu:
 - HSE-3000-MP-0044 Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP (bản mới nhất)
9. Cam kết bảo hành ít nhất 12 tháng cho chất lượng thi công công trình kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình. Với các sản phẩm, trang thiết bị, vật tư có chính sách bảo hành từ phía nhà sản xuất lớn hơn 12 tháng thì thời gian bảo hành lấy theo nhà sản xuất.



Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(xem tài liệu đính kèm)



PR30268 – THI CÔNG SỬA CHỮA CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

Description	Very low	Low	Medium	High
Initial Risk Identification	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Justification	<ul style="list-style-type: none"> – Va chạm đường ống khí hydrocarbon khi đào; – Điện giật khi sử dụng điện cho các thiết bị cầm tay; – Chấn thương khi sử dụng máy cắt, máy đục, máy khoan, máy hàn nhiệt, dao sủi, thang...; – Vận chuyển vật nặng, cồng kênh; – Đào đất. – Bụi – Không gian hạn chế nếu 02 hố thăm sâu hơn 1,2m có tồn tại các mối nguy hiểm hợp lý và thực tế có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong cho người tham gia công việc bên trong hố (WCS). 			

Mục lục

I	GIỚI THIỆU CHUNG	4
1	Thông tin chung.....	4
2	Tiêu chuẩn áp dụng.....	4
II	HIỆN TRẠNG, PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT.....	6
1	Hiện trạng và yêu cầu	6
1.1	Thi công đường ống thoát nước cho khu vực MCD Workshop	6
1.2	Cải tạo, sửa chữa Phòng thư viện MCD	7
1.3	Thi công hố cát và sân xà đơn.....	7
1.4	Thay mới cổng thép MCD bằng hàng rào lưới B40	9
1.5	Gia công, lắp đặt cửa trượt tự động Eurowindow tại tòa nhà hành chính	9
2	Yêu cầu về công tác tổ chức kỹ thuật thi công.....	11
3	Yêu cầu kỹ thuật của các công tác chính.....	12
3.1	Công tác đất	12
3.2	Công tác ván khuôn	13
3.3	Công tác cốt thép	13
3.4	Công tác bê tông	14
3.5	Công tác xây	15
3.6	Công tác tô trát tường	15
3.7	Công tác sơn nước.....	15
3.8	Công tác chế tạo, lắp dựng kết cấu thép	16
4	Yêu cầu về máy móc, thiết bị thi công	16
5	Yêu cầu về vật tư, vật liệu	17
6	Yêu cầu về công tác nghiệm thu.....	18
7	Yêu cầu về tiến độ	18

8	Yêu cầu về bảo hành công trình	19
9	Yêu cầu nhân sự.....	19
III	YÊU CẦU AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG	20
IV	TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN	20
1	Trách nhiệm của nhà thầu.....	20
2	Trách nhiệm của NCSP	21
V	CÁC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM.....	22



I GIỚI THIỆU CHUNG

1 Thông tin chung

Tài liệu này nhằm mô tả hiện trạng, yêu cầu công việc, yêu cầu kỹ thuật và chỉ dẫn nhà thầu tham gia gói thầu “**PR30268 – THI CÔNG SỬA CHỮA CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG**”. Chi tiết yêu cầu công việc được trình bày trong mục II.

Chủ đầu tư: Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP).

Tên gói thầu: **PR30268 – THI CÔNG SỬA CHỮA CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG**

Địa điểm thực hiện: Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2 Tiêu chuẩn áp dụng

- Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là Quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành.
- Một số tiêu chuẩn áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

STT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
1	Kết cấu gạch đá. Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
2	Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Qui phạm thi công và nghiệm thu Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng Phần 2: Công tác trát trong xây dựng Phần 3: Công tác ốp trong xây dựng	TCVN 9377:2012
3	Cửa đi, cửa sổ. Yêu cầu kỹ thuật chung	TCN 9366:2012
4	Sơn tường dạng nhũ tương. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8652:2020

- Một số tiêu chuẩn áp dụng cho việc tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

STT	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
1	Tổ chức thi công	TCVN 4055 : 2012
2	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252-2012
3	Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5637 : 1991
4	Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản.	TCVN 5637- 1991

- Một số quy định khác:

- TCVN 5308-1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
- QCVN 18:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng



II HIỆN TRẠNG, PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

1 Hiện trạng và yêu cầu

1.1 Thi công đường ống thoát nước cho khu vực MCD Workshop

Phạm vi công việc của nhà thầu đã bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau:

- Đào đất, đục nền bê tông chôn ống thoát nước
- Thi công hố thăm, hố thu bằng bê tông cốt thép.
- Gia công lắp đặt nắp gang hố thăm, hố thu
- Lắp đặt ống thoát nước HDPE, ống PVC (ống do NCSP cung cấp)
- Thi công gói ống thoát nước HDPE, băng cảnh báo, mốc cảnh báo công trình ngầm (băng và sứ cảnh báo do NCSP cung cấp)
- Lắp đất, đổ bê tông tái lập nền.

Chi tiết thi công vui lòng xem bản vẽ và bảng tổng hợp khối lượng đính kèm.



Hình 1 – Ảnh hiện trạng ngập nước tại MCD workshop

1.2 Cải tạo, sửa chữa Phòng thư viện MCD

Phạm vi công việc của nhà thầu đã bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau:

- Cạo lớp sơn cũ
- Bả bột trét, sơn 1 lớp lót và 2 lớp sơn phủ ngoại thất
- Thi công ống thoát hơi cho WC của phòng thư viện.

Chi tiết thi công xem Bản vẽ và Bảng tổng hợp khối lượng đính kèm.



Hình 2 - Ảnh hiện trạng tường ngoại thất phòng thư viện MCD

1.3 Thi công hồ cát và sân xà đơn

Phạm vi công việc của nhà thầu đã bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau:

- Hồ cát:

- Đào đất thi công hố cát
- Thi công lớp đá 4*6, lớp đá 1*2, lớp cát (có rải vải địa kỹ thuật phân cách giữa các lớp vật liệu)
- Thi công bó vỉa bê tông cốt thép
- Thi công ống thoát nước cho hố cát.
- Sân xà đơn:
 - Đào đất thi công sân
 - Thi công lớp bê tông lót sân
 - Thi công sân xà đơn bê tông cốt thép, cây bu lông neo
 - Gia công và lắp đặt trụ xà đơn

Chi tiết thi công xem Bản vẽ và Bảng tổng hợp khối lượng đính kèm.



Hình 3 - Ảnh hiện trạng vị trí thi công hố cát và sân xà đơn

1.4 Thay mới cổng thép MCD bằng hàng rào lưới B40

Phạm vi công việc của nhà thầu đã bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau:

- Tháo dỡ cổng thép khu nhà xưởng MCD cũ, vận chuyển về kho rác kim loại.
- Gia công, lắp đặt trụ, hàng rào lưới B40 thay cho cổng thép cũ đã tháo ra.

Chi tiết thi công xem Bản vẽ và Bảng tổng hợp khối lượng đính kèm.



Hình 4 - Ảnh hiện trạng cổng thép MCD sẽ được thay mới bằng hàng rào lưới B40

1.5 Gia công, lắp đặt cửa trượt tự động Eurowindow tại tòa nhà hành chính

Phạm vi công việc của nhà thầu đã bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau:

- Tháo dỡ cửa kính hiện hữu tại sảnh lễ tân tòa nhà hành chính (Vận chuyển, thải bỏ về kho rác thải MCD theo quy định của NCSP)
- Cắt, đục, tô, trát...hoàn thiện cạnh cửa.

- Gia công và lắp đặt cửa trượt tự động khung nhôm kính Eurowindow theo bản vẽ thi công đính kèm và bảng thông kê bên dưới:

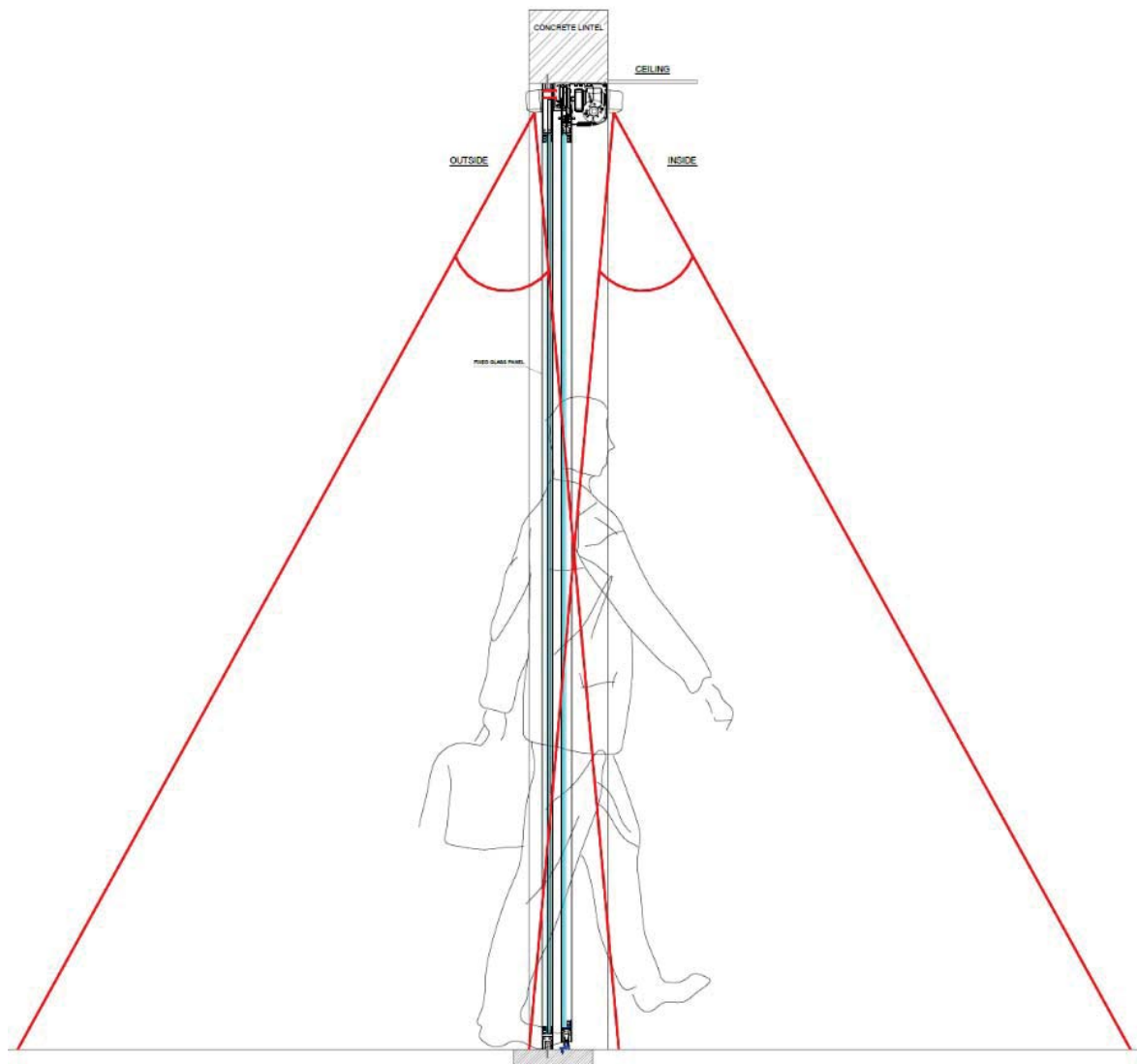
Stt	Khu vực	Tên cửa	Cao (mm)	Rộng (mm)	Diện tích (m ²)	SL	Loại cửa
1	Admin	1301	2700	5400	14.58	1	Cửa trượt tự động dạng Vách kính khung nhôm

- Thi công lắp đặt phần điện, điều khiển cho hệ cửa trượt tự động:
 - Đục tường chôn đế âm, ống luồn cáp
 - Lắp đặt đế âm, ống luồn cáp
 - Luồn cáp điện, cáp điều khiển....
 - Lắp đặt CB, công tắc đèn
 - Lắp đặt các nút nhấn, khóa...
- Tô trát, dặm vá, sơn nước, lắp thảm văn phòng... hoàn thiện các mép cửa, cạnh cửa.

Chú ý:

- Nhà thầu đệ trình bản vẽ gia công cửa để NCSP phê duyệt trước khi tiến hành sản xuất.
- Cửa phải được gia công và lắp đặt bởi đội ngũ kỹ thuật của Eurowindow (đối với cửa kính)
- Phần thi công Phim an toàn và decal UV 3M dán cửa trượt tự động không thuộc phạm vi công việc của nhà thầu.
- Các yêu cầu liên quan tới vận hành cửa trượt tự động Eurowindow như sau:
 - Cửa được khóa cứng sau khi hết giờ làm việc hành chính và ngày cuối tuần hoặc ngày lễ (ổ khóa lắp ở phía ngoài)
 - Khi mất điện yêu cầu cửa vẫn phải vận hành được bằng tay
 - Nguồn cấp cho cửa là 240V AC, không cần dùng nguồn từ UPS, lấy nguồn từ nhánh ổ cắm tại lễ tân.
 - Cửa có nút nhấn khẩn cấp dạng phá kính (lắp ở phía trong). Trong tình huống khẩn cấp, khi nhấn nút cửa sẽ mở và giữ nguyên vị trí mở.

- Cửa có nút chuyển chế độ vận hành tự động – vận hành bằng tay (lắp đặt ở phía trong, trên cao).
- Cửa Profile eurowindow, khung nhôm dày >1.4mm, sơn tĩnh điện màu xanh lá cây, phụ kiện đồng bộ, gioăng cao su epdm, kính cường lực dán an toàn dày >10.38mm.
- Bộ cảm ứng chuyển động có khả năng quét bao phủ khu vực như hình minh họa bên dưới:



2 Yêu cầu về công tác tổ chức kỹ thuật thi công

- Nhà thầu sẽ phải đề ra phương án, kế hoạch thi công theo đúng tiến độ yêu cầu. Nhà thầu cần đảm bảo tính hợp lý và khả thi của các giải pháp, biện pháp thi công. Phương án thi công phải được NCSP xem xét, phê duyệt mới được tiến hành.

- Nhà thầu cần có phương án và kế hoạch chi tiết đảm bảo giảm thiểu ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Nhân viên NCSP làm việc trong tòa nhà. Với các công tác phát sinh tiếng ồn và bụi (như khoan tường, cắt tường...) nhà thầu ưu tiên sắp xếp công việc, bố trí thi công ngoài giờ làm việc của nhân viên trực.
- Nhà thầu bố trí thi công theo từng cụm khu vực, không bố trí thi công dàn trải tránh kéo dài thời gian thi công ảnh hưởng tới quá trình làm việc bình thường của nhân viên.
- Nhà thầu đảm bảo rằng sẽ có sự phối hợp tất cả các hoạt động thi công giữa các nhà thầu khác (nếu có).
- Nhà thầu phải cử nhân viên thường trực giám sát thi công xây lắp tại hiện trường. Khi có vướng mắc trong thi công cần phải có trao đổi thiết kế thì nhà thầu phải xem xét, khẩn trương có biện pháp thay đổi thiết kế cho phù hợp và đảm bảo chất lượng công trình. Việc thay đổi thiết kế phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế.

3 Yêu cầu kỹ thuật của các công tác chính

3.1 Công tác đất

Công tác đất phải tuân thủ theo “TCVN 4447-2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu” và những quy định dưới đây:

- Biện pháp tổ chức thi công đào đắp do Nhà thầu tự lựa chọn và được sự chấp thuận của NCSP. Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo an toàn, ổn định cho các công trình lân cận, đảm bảo an toàn cho người, thiết bị trong quá trình thi công.
- Với công tác đào nhà thầu phải xác định cụ thể những trường hợp cần thiết phải gia cố tạm thời vách đứng của hố đào, hoặc phải đào có mái dốc, tùy thuộc vào chiều sâu hố đào, tình hình địa chất công trình (loại đất, trạng thái tự nhiên của đất, mực nước ngầm...) tính chất tải trọng tạm thời trên mép hố đào và lưu lượng nước thấm vào trong hố đào. Ngoài ra nhà thầu cần có biện pháp chống nước ngầm và nước mặt, phải đảm bảo hố đào luôn khô ráo. Với các hố đào được NCSP xác định là không gian hạn chế, các nhân sự trực tiếp thi công dưới hố đào phải có thể an toàn làm việc trong không gian hạn chế còn hạn.
- Hình dạng, kích thước, cao độ hố đào phải theo đúng thiết kế và phải được kiểm tra trước khi chuyển bước thi công. Mặt bằng đáy hố đào phải được dọn sạch sẽ, bằng phẳng và khô ráo. Độ chặt của đáy hố đào phải đúng theo yêu cầu của thiết kế.



- Công việc đào đất sâu hơn 15cm phải có chứng chỉ đào bới với sự phê duyệt của của các kỹ sư NCSP, đi kèm là các bản vẽ mặt bằng, vị trí chính xác, hình ảnh hiện trạng do nhà thầu chuẩn bị.
- Vật liệu đắp phải tuân thủ theo đúng yêu cầu trong bản vẽ thi công.

3.2 Công tác ván khuôn

Công tác ván khuôn phải tuân thủ theo TCVN 4453-1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu và những quy định dưới đây.

- Cốt pha đà giáo chỉ được tháo dỡ khi bê tông đạt cường độ cần thiết để kết cấu chịu được trọng lượng bản thân và các tải trọng tác động khác trong giai đoạn thi công sau. Khi tháo dỡ cốt pha, đà giáo, cần tránh không gây ứng suất đột ngột hoặc va chạm mạnh làm hư hại đến kết cấu bê tông.
- Các bộ phận cốt pha đà giáo không còn chịu lực sau khi bê tông đã đóng rắn (như cốt pha thành bên của dầm, cột, tường) có thể được tháo dỡ khi bê tông đạt cường độ 50 daN/cm².
- Đối với cốt pha đà giáo chịu lực của các kết cấu (đáy dầm, sàn, cột chống), nếu không có các chỉ dẫn đặc biệt của thiết kế thì được tháo dỡ khi bê tông đạt các giá trị cường độ ghi trong bảng 3 TCVN 4453-1995.
- Các kết cấu ô văng, công xôn, sêno chỉ được tháo cột chống và cốt pha đáy khi cường độ bê tông đạt đủ mức thiết kế và đã có đối trọng chống lật.

3.3 Công tác cốt thép

Công tác cốt thép phải tuân thủ theo TCVN 4453-1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu và những quy định dưới đây.

- Nhà thầu cần cung cấp đầy đủ chứng nhận nguồn gốc và chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất thép.
- Cốt thép cần phải được lấy mẫu kiểm tra đúng theo TCVN 197:2002 và TCVN 198 : 2008. Việc lấy mẫu và thí nghiệm thép phải được thực hiện bởi 1 phòng thí nghiệm có tư cách pháp nhân thực hiện. Kết quả thí nghiệm thép phải trình NCSP trước khi thực hiện công tác cốt thép.
- Giám sát của nhà thầu phải kiểm tra sự chính xác trong việc lắp ráp và cố định cốt thép cũng như vệ sinh cốt thép trước khi báo cho NCSP kiểm tra.

3.4 Công tác bê tông

Công tác bê tông phải tuân thủ theo TCVN 4453-1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu và những quy định dưới đây.

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp thiết kế cấp phối bê tông phù hợp với nguồn gốc vật liệu thực tế và cường độ bê tông theo thiết kế. Việc thiết kế cấp phối bê tông phải do 1 phòng thí nghiệm có tư cách pháp nhân thực hiện. Kết quả cấp phối bê tông thiết kế phải được trình cho NCSP trước khi thực hiện công tác bê tông.
- Trình tự thực hiện và phương pháp đổ bê tông phải trình cho NCSP xem xét kỹ trước khi bắt đầu đổ bê tông. Không đổ bê tông khi chưa có sự cho phép của NCSP.
- Việc đầm bê tông phải đảm bảo sao cho sau khi đầm, bê tông đạt độ chặt, không bị rỗ. Trong mọi trường hợp không để đầm đụng vào cốt thép hoặc ván khuôn.
- Việc bảo dưỡng phải liên tục không dưới 7 ngày sau khi đổ bê tông. Khi nhiệt độ xung quanh cao hơn 30°C bê tông sẽ được bảo dưỡng theo các chỉ dẫn dưới đây.
 - Bê tông sẽ được che lại bằng vải bố mềm, cát ướt hay tấm phủ Plastic và luôn luôn giữ ẩm. Các bề mặt lộ thiên có thể bảo dưỡng bằng cách cho ngập nước hay phun sương liên tục.
 - Không cho phép đi lại hay đẩy xe lên trên mặt bê tông từ lúc đổ bê tông cho đến khi tuổi bê tông đạt được ít nhất 36 giờ. Phải có rào cản thích hợp và có băng ngăn cấm hay báo hiệu khác để ngăn cản các tải trọng trên phần bê tông mới đổ.
- Các cấu kiện liên kết với bê tông như bu lông, khuyến khích nhà thầu neo trực tiếp vào bê tông trong quá trình đổ bê tông, hạn chế khoan, đục vào bê tông.
- Kiểm tra chất lượng bê tông:
 - Việc lấy mẫu, kiểm tra và nghiệm thu bê tông phải tuân theo TCVN 4453-1995 và TCVN 5724-1993.
 - Nhà thầu phải thực hiện kiểm tra chất lượng vật liệu và thành phần trong suốt thời gian cung cấp bê tông cho công trình.
 - Nhà thầu phải cung cấp lao động, dịch vụ vật liệu và chịu các chi phí để thực hiện các thử nghiệm về bê tông và vật liệu cho hỗn hợp bê tông. Mọi công việc lấy mẫu, xử lý và thử nghiệm phải được thử nghiệm tại phòng thí nghiệm có tư cách pháp nhân và được sự chấp thuận của NCSP.

3.5 Công tác xây

Công tác xây tô phải tuân thủ theo TCVN 4085: 2011 (Kết cấu gạch đá. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu) và những quy định dưới đây:

- Vật liệu theo quy định là gạch ống 8x8x18cm, gạch thẻ 4x8x18cm tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 1450: 2009 (Gạch rỗng đất sét nung). Gạch phải được tưới nước giữ ẩm trước khi xây.
- Không được xây trùng mạch, phải chừa mỏ neo khi có mạch dừng hoặc ở chỗ tường giao nhau. Chỉ được dùng râu sắt chõ tại vị trí tiếp giáp giữa tường và bê tông.
- Trong quá trình xây phải chừa sẵn các lỗ, rãnh, đường ống nước, đường thông hơi, chỗ trang trí...những chỗ cho công tác lắp đặt sau này.
- Tường phải xây 05 hàng gạch thẻ ở phần tiếp xúc với sàn trở lên. Vị trí má cửa phải xây gạch thẻ hoặc bố trí các cục bê tông tại các vị trí lắp bản lề cửa.
- Tường xây xong sau 06 giờ phải phun nước bảo dưỡng mạch vữa mới xây để tránh rạn nứt khi vữa ninh kết.

3.6 Công tác tô trát tường

Công tác tô trát phải tuân thủ theo TCVN 9377-2:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu, Phần 2: Công tác trát trong xây dựng và những quy định dưới đây:

- Chỉ được tô tường sau khi xây ít nhất 1 ngày và phải được sự đồng ý của NCSP. Tường tô xong sau 8 giờ phải phun nước bảo dưỡng cho lớp vữa mới tô.
- Đóng lưới liên kết giữa tường gạch với vách, đà, trụ bê tông và các vị trí đi ống âm tường trước khi tô.
- Phải tưới ẩm tường trước khi tô. Kết cấu bê tông cốt thép phải được đóng lưới liên kết và trét qua một lớp hồ dầu xi măng nguyên chất ngay trước khi tô để đảm bảo độ dính kết.
- Trát liên tục một lần xong một bức tường, để tránh hiện tượng giáp mí do hai lần trát. Bề mặt lớp vữa phẳng nhẵn.
- Chân tường tô trát phải thẳng, phẳng, đúng góc vuông. Mặt sàn nơi chân tường sạch sẽ, không dính vữa rơi vãi. Chân tường, cạnh tường là vị trí liên quan đến chất lượng công

3.7 Công tác sơn nước

- Sơn bả theo đúng quy trình khuyến cáo của nhà sản xuất. Sử dụng máy đo độ ẩm để kiểm tra bề mặt trước khi bả hoặc sơn. Trình mã màu để NCSP phê duyệt trước khi sơn.

- Sơn nước được sử dụng cho tường, trần, cột, ... khi lớp hồ tô các bộ phận này đảm bảo đã khô và đủ cứng.
- Bả bột trét thật kỹ, chà giấy nhám thật phẳng cho đến khi dùng đèn rọi kiểm tra không còn vết gợn thì mới tiến hành sơn phủ. Trong quá trình sơn, phải tiếp tục dùng đèn kiểm tra ở mọi góc độ.
- Bề mặt sau khi sơn phải đảm bảo thật bằng phẳng, mịn màng không lồi lõm. Màu sơn đồng nhất không có tỳ vết, hoen ố hoặc vết sơn chảy đọng.
- Cần có biện pháp che chắn phần sơn đã hoàn thiện ở những nơi có nhiều người đi lại hoặc thao tác công tác khác để tránh các vết bẩn do tay chân hoặc làm vật liệu khác bám vào.

3.8 Công tác chế tạo, lắp dựng kết cấu thép

- Nhà thầu soạn thảo kế hoạch kiểm tra và thử nghiệm (ITP – Inspection Testing Plan) gửi đến NCSP phê duyệt trước khi chế tạo.
- Nhà thầu thông báo đến NCSP bằng văn bản để kiểm tra và phê duyệt vật tư trước khi thực hiện. Báo cáo quá trình chế tạo tại xưởng nhà thầu cho tất cả các công đoạn bằng nhật kí thi công.
- 100% mỗi hàn phải được kiểm tra bằng mắt (visual – fit up inspection) và thực hiện MPI bởi kiểm định viên NDT có chứng chỉ kiểm tra thử nghiệm tương ứng dưới sự chứng kiến của NCSP. Cung cấp báo cáo này đến NCSP trước khi lắp đặt tại công trường.
- Các kết cấu thép sau khi chế tạo được bắn cát và sơn phủ theo NCSP coating specification. Cung cấp báo cáo quá trình sơn phủ (coating application report) đến NCSP trước khi vận chuyển đến công trường.
- Sau khi hoàn thiện công tác sơn, nhà thầu đóng gói và vận chuyển các cấu kiện thép tới công trường. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo không được trầy xước, biến dạng và ảnh hưởng tới bề mặt sản phẩm.
- Quá trình lắp dựng cần có biện pháp kiểm soát đảm bảo an toàn. Nhà thầu có trách nhiệm sơn dặm vá những vị trí bị trầy xước trong quá trình lắp dựng, bôi mỡ chống ăn mòn cho bu lông sau khi hoàn thành.

4 Yêu cầu về máy móc, thiết bị thi công

- Nhà thầu cung cấp toàn bộ các máy móc và thiết bị để thực hiện thi công theo yêu cầu cụ thể từng hạng mục công việc.

- Tất cả các thiết bị, máy móc phục vụ cho quá trình thi công phải còn tốt, được kiểm tra/ hiệu chuẩn/ kiểm định theo quy định của pháp luật (nếu có) đồng thời sẽ được kiểm tra bởi NCSP và phải đảm bảo còn hạn kiểm tra trong suốt quá trình làm việc tại NCSP (xem thêm trong quy trình HSE-3000-MP-0044).
- Nhà thầu phải cung cấp nhân lực, thiết bị và chịu các chi phí để thực hiện các thử nghiệm, kiểm định cho các các trang thiết bị áp lực cao như máy nén khí, hệ thống ống dẫn, van an toàn... (nếu có yêu cầu).

5 Yêu cầu về vật tư, vật liệu

- Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ các vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng của công trình. Tất cả các vật liệu phải được trình duyệt NCSP về quy cách, mẫu mã, chủng loại... trước khi tiến hành mua sắm, thi công và lắp đặt.
- Tất cả các vật tư sử dụng tại công trường đều là sản phẩm mới (từ năm 2025 trở lại đây) chưa qua sử dụng, phải có chứng chỉ chứng nhận sản phẩm chính hãng từ nhà sản xuất bao gồm nhưng không giới hạn các giấy tờ sau đây: CO, CQ, giấy xuất kho, hóa đơn mua hàng, giấy bảo hành...
- Khi vận chuyển đến công trường phải còn nguyên niêm phong của nhà sản xuất. Trên bao bì vật liệu phải có nhãn mác, ghi rõ tên nhà sản xuất. Tất cả các vật tư không nhãn mác, không chứng minh được xuất xứ sẽ không được phép sử dụng.
- Tất cả các vật tư chính sử dụng tại công trường phải được NCSP nghiệm thu trước khi đưa vào gia công, lắp đặt. Trường hợp không thông báo, NCSP có quyền từ chối nghiệm thu.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm cho việc bảo dưỡng, an toàn và duy trì tất cả các vật liệu cho tới khi các vật liệu này được chấp nhận bởi NCSP.
- Chủng loại một số vật tư thiết bị chính:



STT	Vật liệu	Đặc tính kỹ thuật
1	Cát bê tông, cát xây tô	Tóc Tiên loại 1
2	Gạch xây	Mỹ Xuân
3	Xi măng	Hà Tiên, Insee (Holcim cũ)
4	Cốt thép	Cốt thép AI, $\Phi < 10$ có $R_a = 2300$ [kG/cm ²] Cốt thép AII, $\Phi \geq 10$ có $R_a = 2800$ [kG/cm ²] Mô đun đàn hồi $E_s = 21.000.000$ [T/m ²] Thương hiệu: Hòa Phát
5	Thép hình, thép tấm	Giới hạn chảy $F_y = 24.500$ [T/m ²]; Giới hạn kéo đứt $F_u = 40.000$ [T/m ²]; Mô đun đàn hồi $E_s = 21.000.000$ [T/m ²]
6	Que hàn	Độ bền kéo đứt tiêu chuẩn: 420 N/mm ² . Cường độ tính toán: 200 N/mm ² .
7	Bu lông	Bu lông cường độ cao, cấp độ bền 8.8, Cường độ tính toán chịu kéo: 400 N/mm ² . Cường độ tính toán chịu cắt: 320 N/mm ² .

Các yêu cầu vật tư, vật liệu khác xem trong Bảng tổng hợp khối lượng.

6 Yêu cầu về công tác nghiệm thu

- Tất cả các vật tư chính sử dụng tại công trường phải được NCSP nghiệm thu trước khi đưa vào gia công, lắp đặt. Trường hợp không thông báo nghiệm thu, NCSP có quyền từ chối nghiệm thu.
- Nhà thầu phải thông báo cho NCSP kiểm tra mỗi khi chuyển bước thi công. Trường hợp không thông báo, NCSP có quyền từ chối nghiệm thu.
- Nhà thầu phải cử nhân viên của mình tham gia quá trình nghiệm thu ở các vị trí, giai đoạn cần thiết.
- Tất cả các thiết bị, vật tư, hạng mục được thi công với chất lượng kém, thiếu sót hoặc bị từ chối nghiệm thu phải được sửa chữa bằng kinh phí của Nhà thầu và không được thanh toán bất cứ khoản nào có liên quan tới việc sửa chữa.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm cho việc bảo quản đảm bảo an toàn và duy trì tình trạng tốt của tất cả các vật tư cho tới khi được chấp nhận bởi Chủ đầu tư.

7 Yêu cầu về tiến độ

- Thời gian hoàn thành của gói thầu này tối đa là 90 ngày tính từ ngày ký kết hợp đồng, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ.



- Nhà thầu được khuyến khích bố trí công việc khoa học, các phương pháp nâng cao để hoàn thành công việc an toàn, chất lượng và rút ngắn tiến độ. Nhà thầu phải xác định các vấn đề chính yếu có thể ảnh hưởng đến sự thành công của hợp đồng.
- Thời gian làm việc trong ngày của nhà thầu tại NCSP là từ 8h00 đến 17h00, từ thứ hai đến thứ sáu. Tại NCSP, mọi công việc thi công đều phải được cấp giấy phép thì mới có thể tiến hành ngoài hiện trường, thời gian xin cấp giấy phép vào buổi sáng khoảng 30 phút và trả giấy phép vào buổi chiều khoảng 15 phút, do đó thời gian thực tế thi công là từ 8h30 đến 16h45.
- Khi nhà thầu có yêu cầu làm việc thêm vào các ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ thì cần thông báo trước và phải có sự đồng ý của Kỹ sư phụ trách của NCSP.

8 Yêu cầu về bảo hành công trình

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành toàn bộ công trình (bao gồm cả các trang thiết bị, vật tư) không được ít hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.
- Với các sản phẩm, trang thiết bị, vật tư có chính sách bảo hành từ phía nhà sản xuất lớn hơn 12 tháng thì thời gian bảo hành lấy theo nhà sản xuất.
- Trong thời hạn bảo hành, nếu phát sinh sự cố liên quan đến việc thi công không đúng kỹ thuật hoặc do chất lượng công trình thì nhà thầu phải có trách nhiệm cử nhân sự đến hiện trường để xem xét tìm nguyên nhân và khắc phục trong vòng 03 ngày.

9 Yêu cầu nhân sự

Nhà thầu phải cung cấp nhân lực có kinh nghiệm và tay nghề phù hợp cho từng công việc, trong đó tối thiểu phải huy động được các nhân lực như sau:

- 01 nhân sự phụ trách giám thi công xây dựng, có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng do cơ quan nhà nước cấp.
- 01 nhân sự đã được NCSP đào tạo và công nhận là Performing Authority (PA) theo quy trình “OPS-3000-MP-1014 Hệ thống kiểm soát công” của NCSP, có thể PA còn hiệu lực.

Trường hợp nhà thầu chưa có nhân sự PA được NCSP đào tạo và chứng nhận với vai trò là PA hoặc thẻ PA đã hết hạn, nhà thầu có thể:

- Thuê lại PA theo danh sách các PA đã được NCSP đào tạo và chứng nhận. (NCSP sẽ cung cấp danh sách các PA này khi nhà thầu yêu cầu). Chi phí thuê PA sẽ do nhà thầu chịu và bao gồm trong giá dự thầu; hoặc
- NCSP sẽ cung cấp PA cho nhà thầu thực hiện công việc nhưng giá đánh giá của nhà thầu sẽ phải cộng thêm vào khoản tiền tương ứng với chi phí để thuê nhân công PA là 84 triệu VNĐ (đã bao gồm VAT).

III YÊU CẦU AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

Nhà thầu có trách nhiệm đọc hiểu và tuân thủ toàn bộ yêu cầu trong tài liệu “**HSE-3000-MP-0044 - Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP**”. Ngoài các yêu cầu chung, nhà thầu cần đọc kỹ hơn các mục:

- 3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu;
- 6.1 Yêu cầu của thiết bị điện;
- 6.5 Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới
- 6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại.

Các mục còn lại vẫn sẽ được áp dụng nếu có việc thi công của nhà thầu có liên quan đến.

Tất cả nhân sự tham gia làm việc phải có:

- Thẻ An toàn lao động được cấp cho đối tượng tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 phù hợp với công việc thực hiện tại NCSP theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Nghị định 140/2018/NĐ-CP.

IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1 Trách nhiệm của nhà thầu

- Lập hồ sơ đề xuất kỹ thuật theo đúng các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá trong hồ sơ yêu cầu này của NCSP;
- Tìm hiểu và nắm rõ các yêu cầu về an ninh, an toàn, quy trình quản lý giấy phép tại NCSP. Nhà thầu tham khảo các tài liệu:
 - HSE-3000-MP-0044 Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP (phiên bản cập nhật mới nhất);
 - OPS-3000-MP-1014 Hệ thống kiểm soát công việc NCSP

- Sau khi trúng thầu, nhà thầu phải tuân thủ theo đúng các điều khoản trong hợp đồng;
- Dựa trên biện pháp thi công đã trình trong “Hồ sơ đề xuất”, khảo sát lại chi tiết yêu cầu và phạm vi công việc, lập biện pháp thi công sát với thực tế trình NCSP phê duyệt trước khi làm thủ tục cấp phép thi công.
- Trong quá trình thi công nếu phát sinh bất kỳ công việc, hoạt động nào khác hoặc không thuộc phạm vi “Biện pháp thi công” đã được phê duyệt thì Giám sát Nhà thầu phải dừng ngay công việc, báo cho Bộ phận cấp phép và quản lý công trình của NCSP.
- Cung cấp nhân sự đúng yêu cầu của NCSP: các vị trí nhân sự chủ chốt phải đúng như đã trình trong “Hồ sơ đề xuất”. Trong trường hợp thay đổi nhân sự chủ chốt phải có văn bản thông báo chính thức và phải được NCSP chấp thuận. Danh sách nhân viên và thiết bị thi công của Nhà thầu gửi đến NCSP theo Bảng 1 và Bảng 2 trong Quy trình HSE-3000-MP-0044.
- Bố trí nhân sự trực tiếp giám sát công việc (kỹ thuật và an toàn) tại hiện trường và tham dự cuộc họp cấp giấy phép;
- Tự trang bị dây cảnh báo, bảng cảnh báo... để phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn thi công.
- Rác thải /phế liệu phát sinh từ hoạt động thi công, tháo dỡ của Nhà thầu phải được thu gom, vận chuyển tới điểm tập kết của NCSP.
- Tự cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động (PPE) phù hợp với tính chất công việc và yêu cầu trong giấy phép làm việc cho nhân viên của mình, bao gồm nhưng không giới hạn: quần áo, giày, nón, kính bảo hộ, găng tay cao su, mặt nạ hóa chất...
- Lập và gửi nhật kí thi công hằng ngày.
- Lập và gửi bản vẽ hoàn công.

2 Trách nhiệm của NCSP

- Cùng khảo sát hiện trường với nhà thầu.
- Cung cấp các hồ sơ liên quan đến yêu cầu công việc.
- Cung cấp các vật tư thi công cho Nhà thầu đối với các hạng mục công việc có ghi chú vật tư do NCSP cung cấp
- Hỗ trợ nhà thầu trong việc đào tạo an toàn, chuẩn bị giấy phép để thực hiện công việc.
- Phối hợp giám sát công việc tại hiện trường.

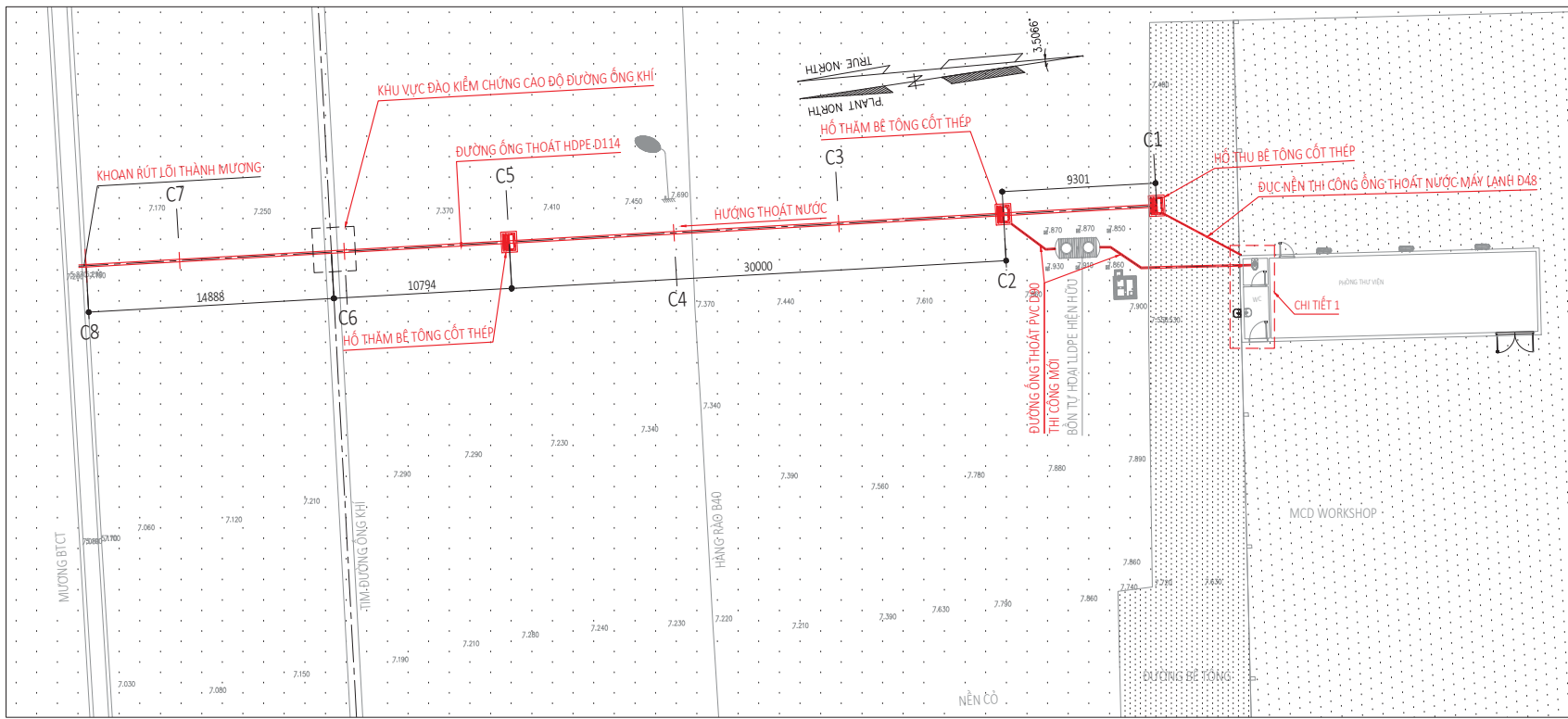


- Hỗ trợ giàn giáo cho nhà thầu với những công việc có yêu cầu giàn giáo.
- Hỗ trợ nguồn điện, nguồn nước cho các vị trí thi công.

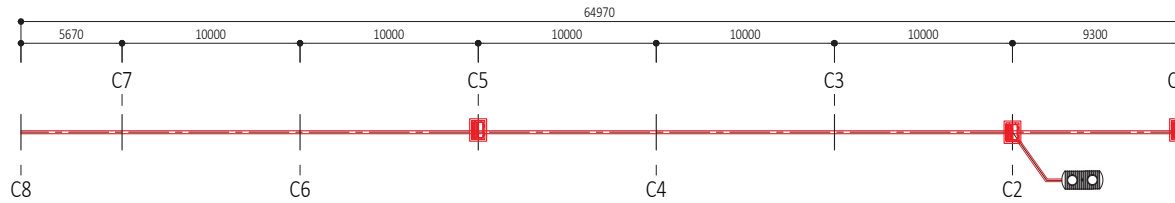
V CÁC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

- Bảng tổng hợp khối lượng và chào giá.
- Bản vẽ kỹ thuật thi công.

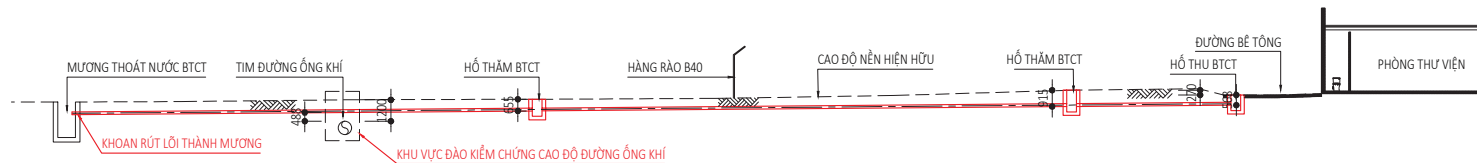




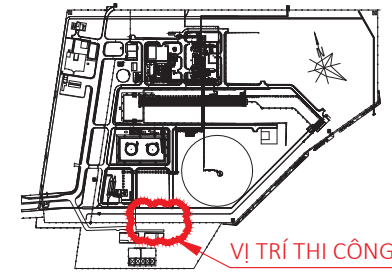
BÌNH ĐỒ TÌM ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



MẶT BẰNG TÌM ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC



CẮT ĐỌC TÌM ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC



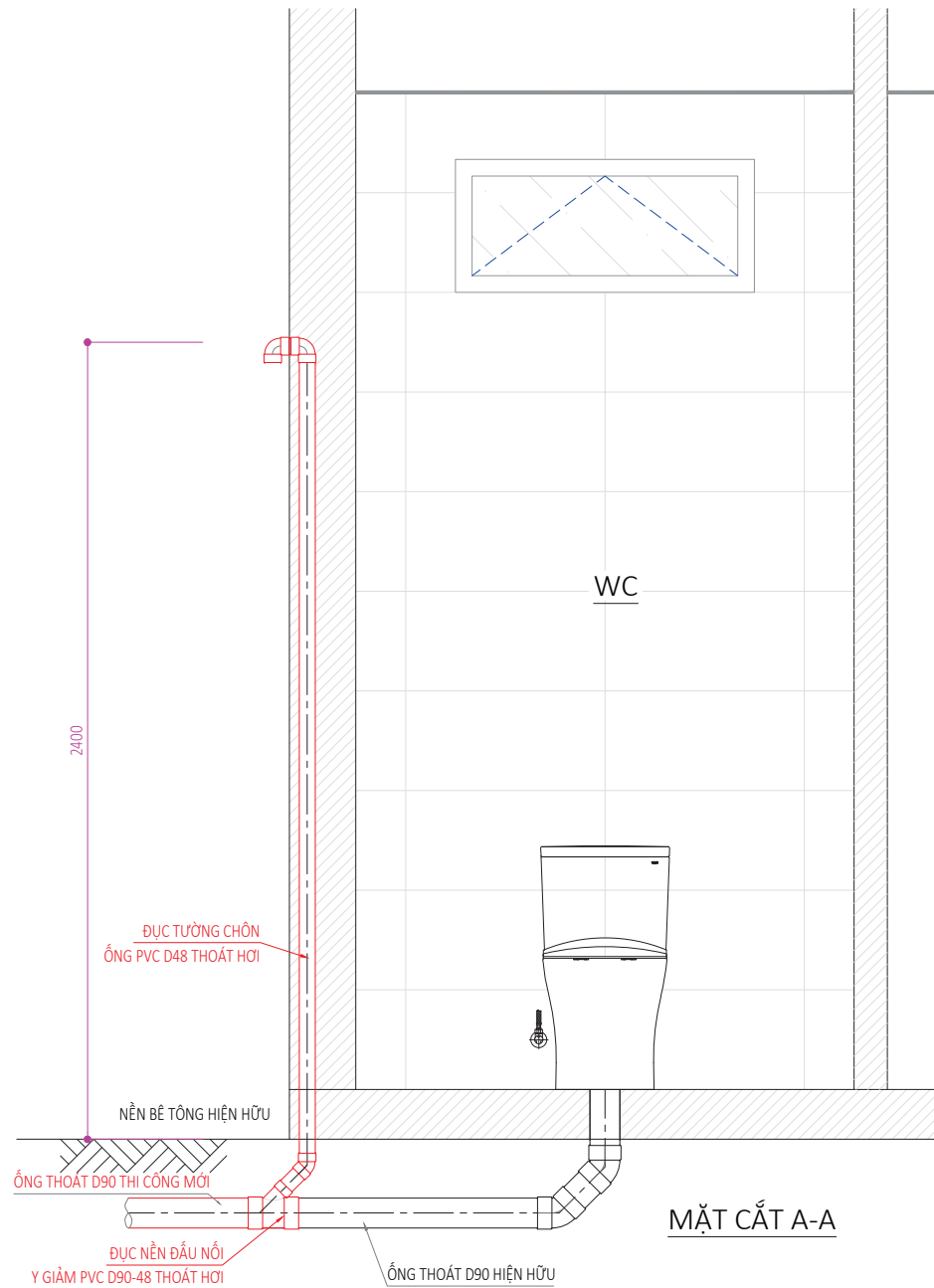
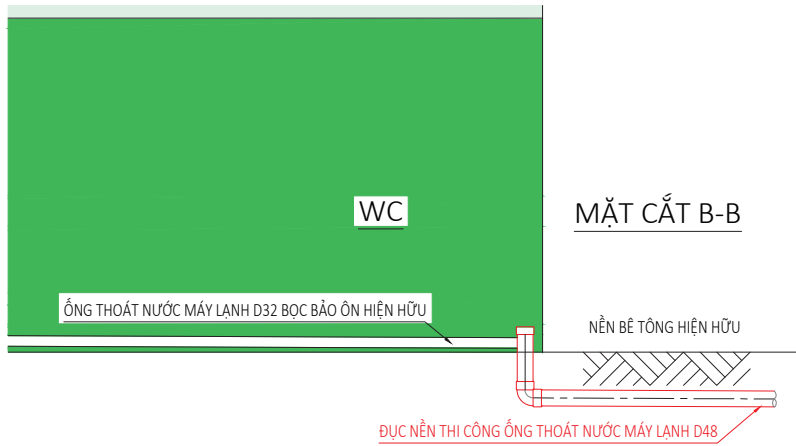
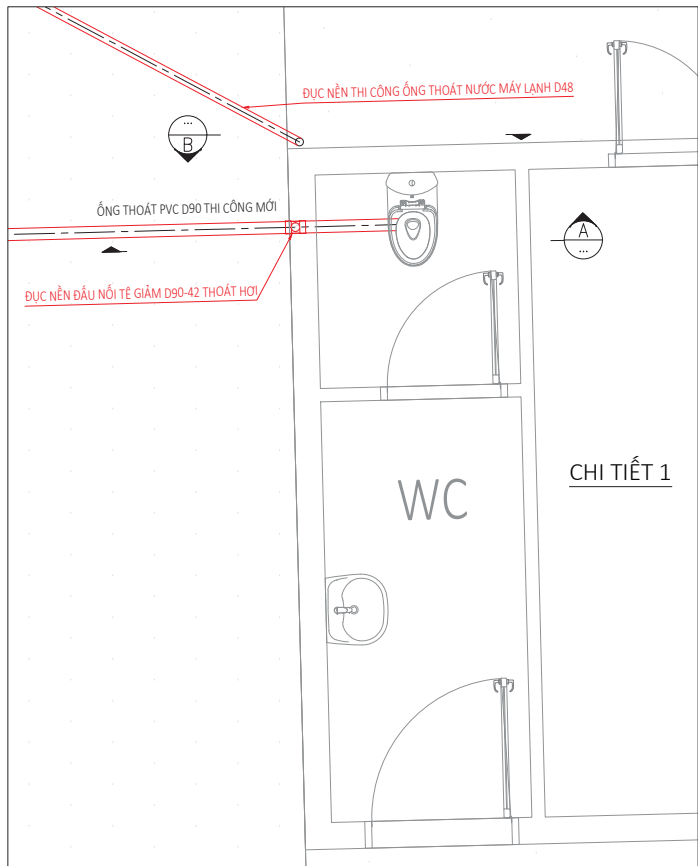
ẢNH HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÔNG NƯỚC TẠI MCD WORKSHOP




ẢNH MINH HỌA ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC TẠI MCD WORKSHOP

NOTES:											NAM CON SON PIPELINE	
											BINH ĐỒ TÌM ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	
REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT DRN	HLAT CHK	HLAT ENG	PNV LEAD	DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2	Văn bản này được xác thực tại https://nos.sureportal.vn/module/viet-so-dinh-danh	D1	2025	ISSUE OF CONSTRUCTION				PNV	2025	N/A	8382-XXXX	D1




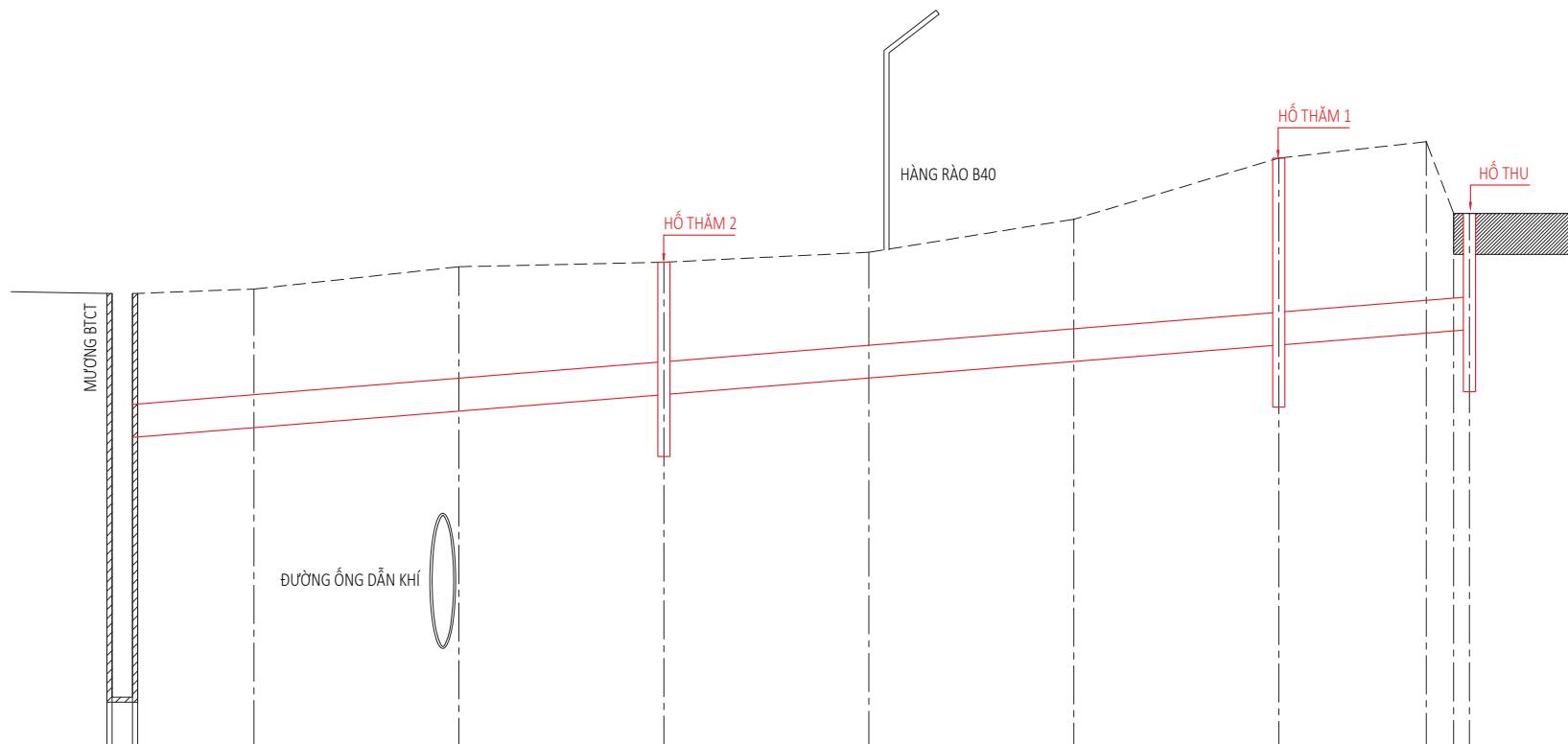


NOTES:




REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT DRN	HLAT CHK	HLAT ENG	PNV LEAD ENG.
		D1	2025	ISSUE OF CONSTRUCTION				
<p>Văn bản này được xác thực tại https://pcas.sureportal.vn/module/verify với số định danh: NCS-25-1892</p>								

		NAM CON SON PIPELINE	
CHI TIẾT 1			
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2025	N/A	8382-XXXX	D1



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.16 5.19 5.19 7.16	7.18	7.29	7.31	7.36	7.52	7.82	7.90 7.55 7.53							
CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG	6.42	6.47	6.55	6.63	6.72	6.80	6.88	6.96							
CAO ĐỘ ĐÁY HỒ GA	6.12	6.17	6.25	6.33	6.42	6.50	6.58	6.66							
ĐỘ DỐC		1%	1%	1%	1%	1%	1%	1%							
CỰ LY CỘNG ĐỒN KHOẢNG CÁCH LỀ	64.97	5.67	59.3	10.00	49.3	10.00	39.3	10.00	29.3	10.00	19.3	10.00	9.3	9.30	0.00
TÊN CỌC	C8	C7	C6	C5	C4	C3	C2	C1							

NOTES:

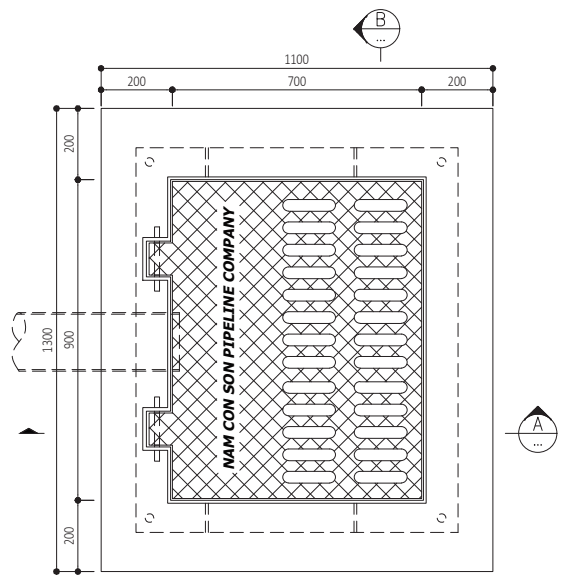


REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT DRN	HLAT CHK	HLAT ENG	PNV LEAD ENG.
		D1	2025					

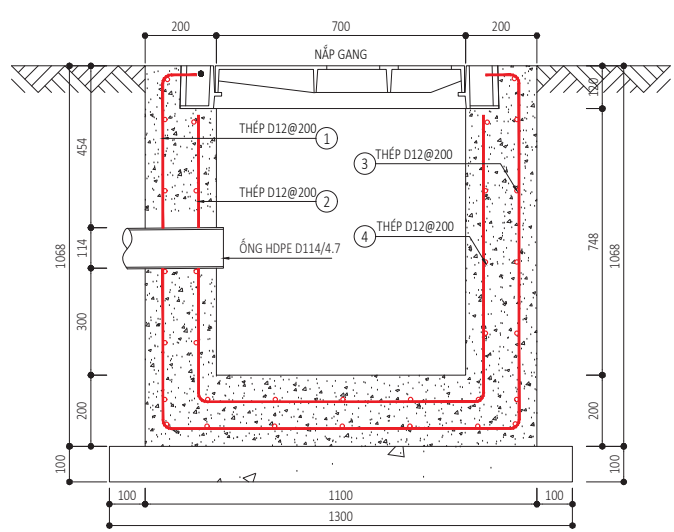
NAM CON SON PIPELINE
Đường Cao Sơn Pipeline

TRẮC DỌC CỐNG

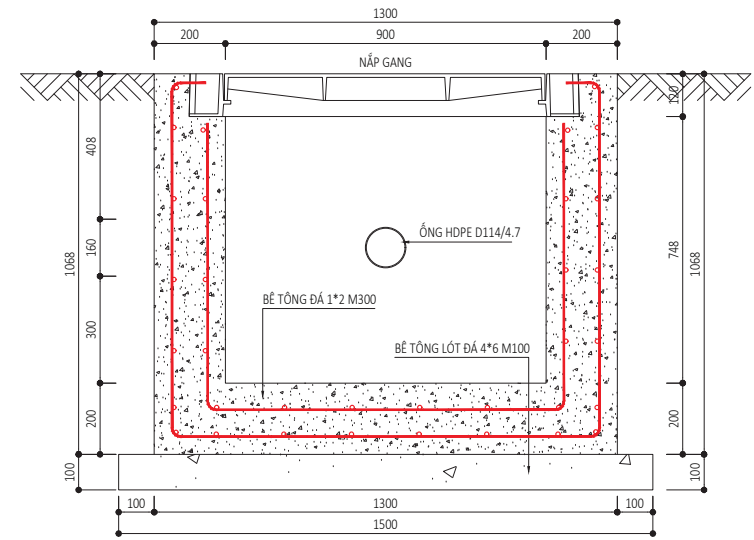
DATE: 2025 SCALE: N/A DRAWING No.: 8382-XXXX REV: D1



MẶT BẰNG HỒ THU 1



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

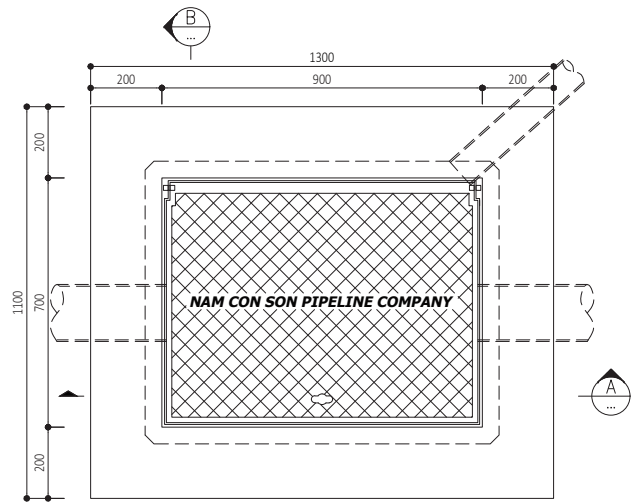
NOTES:

1	2	3	4

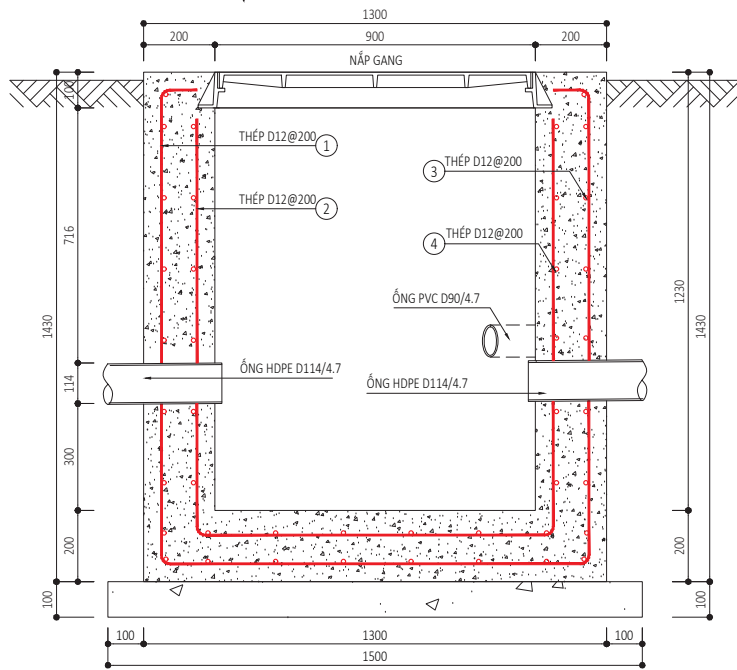
REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
D1	2025				DRN	CHK	ENG	LEAD
								ENG.

NAM CON SON PIPELINE		CẤU TẠO HỒ THU 1	
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2025	N/A	8382-XXXX	D1

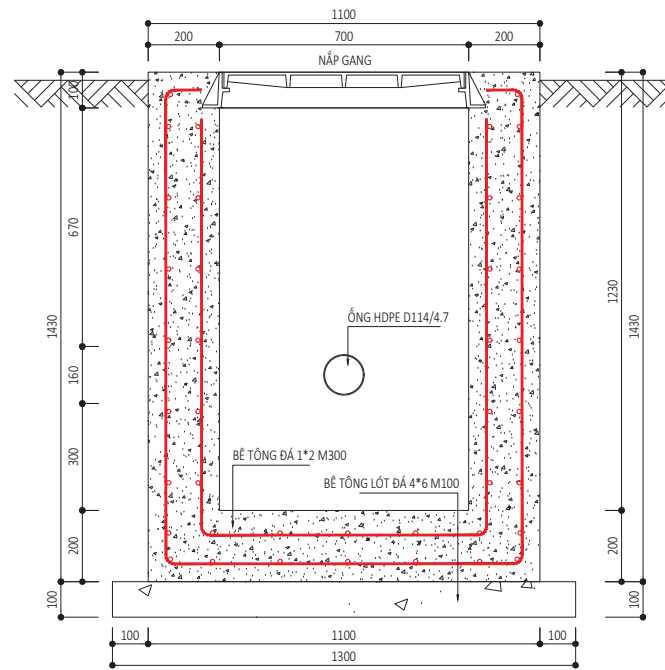
Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module/verify> với số định danh: NCS-25-1892



MẶT BẰNG HỒ THĂM 1



MẶT CẮT A-A



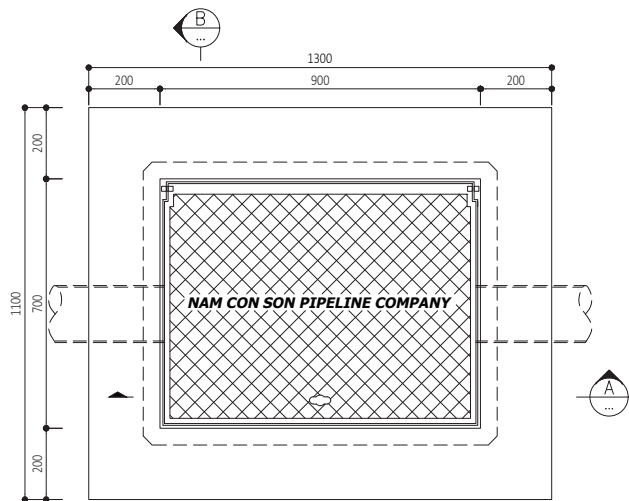
MẶT CẮT B-B

NOTES:

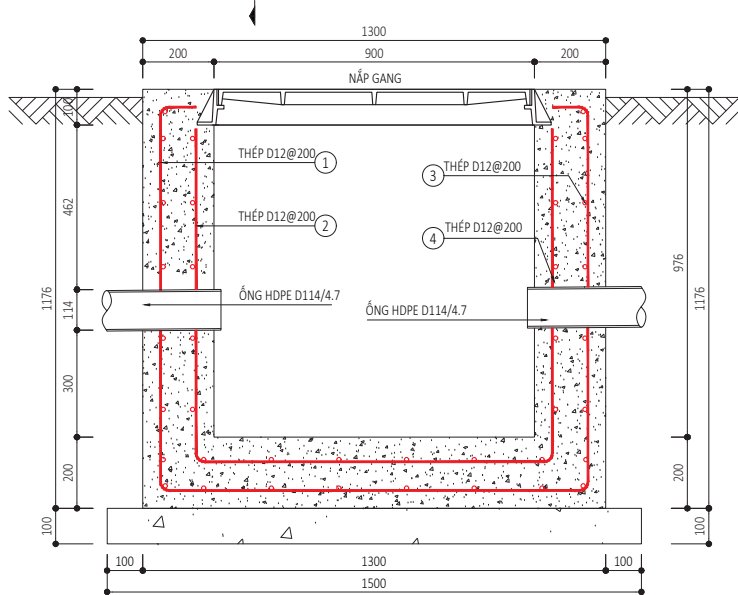
1	2	3	4
---	---	---	---

REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
		D1	2025	ISSUE OF CONSTRUCTION	DRN	CHK	ENG	LEAD ENG.
<p>Văn bản này được xác thực tại https://ncs.sureportal.vn/module/verify với số định danh: NCS-25-1892</p>								

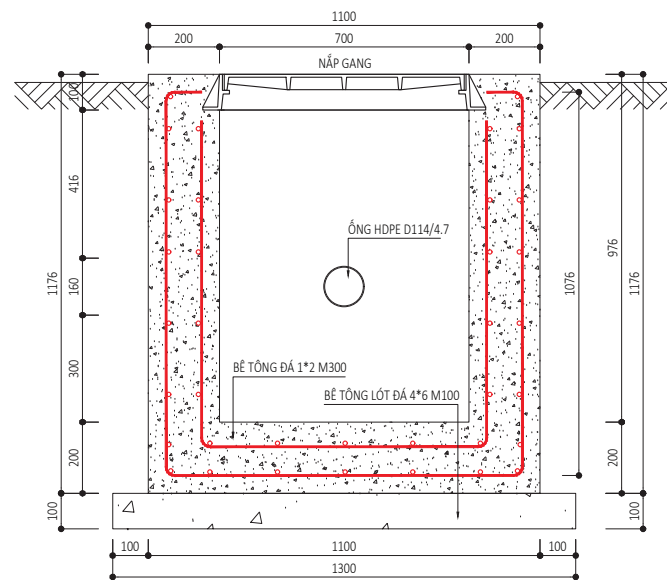
		NAM CON SON PIPELINE	
<p>CẤU TẠO HỒ THĂM 1</p>			
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2025	N/A	8382-XXXX	D1



MẶT BẰNG HỒ THẮM 2



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

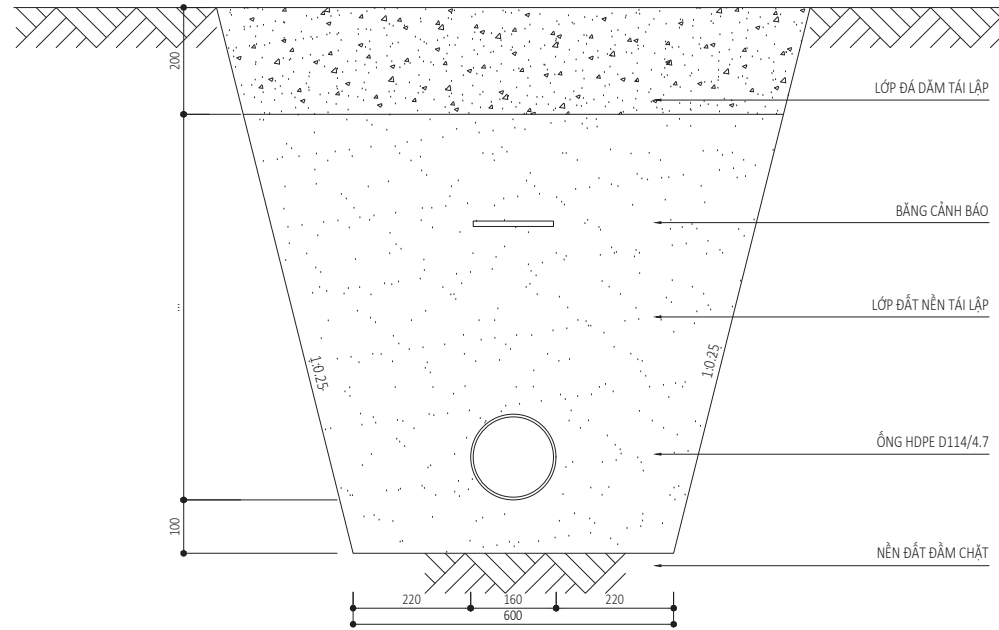
NOTES:

1	2	3	4

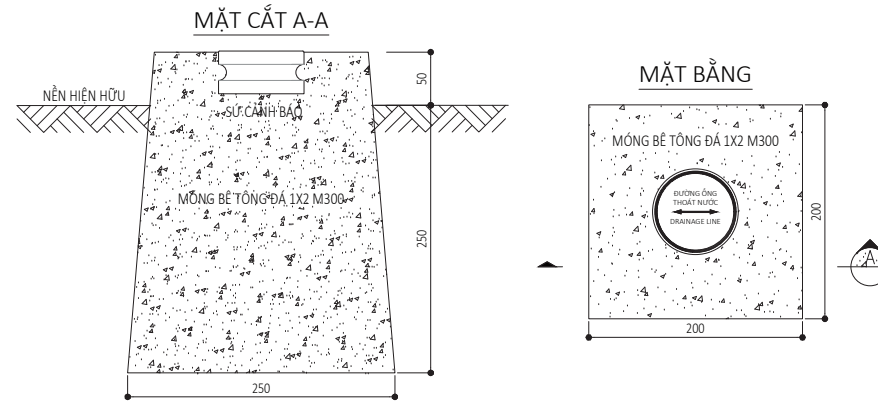
REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT DRN	HLAT CHK	HLAT ENG	PNV LEAD
D1	2025							

NAM CON SON PIPELINE		CẦU TẠO HỒ THẮM 2	
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2025	N/A	8382-XXXX	D1

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module/verify> với số định danh: NCS-25-1892



MẶT CẮT NGANG CỐNG



CHI TIẾT LẮP ĐẶT SỬ CẢNH BÁO
SỐ LƯỢNG: 05 MỘC

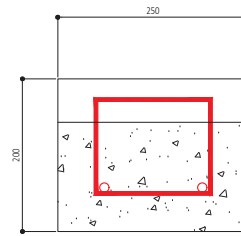
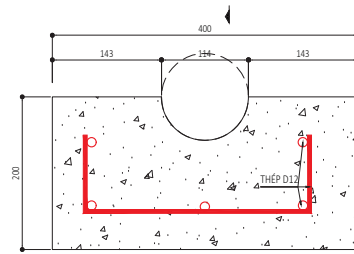
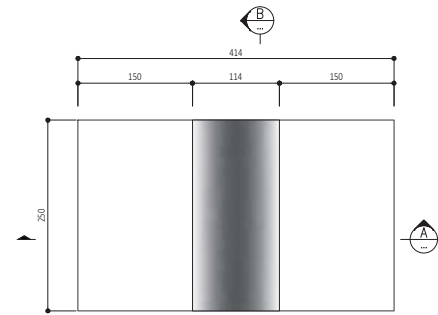
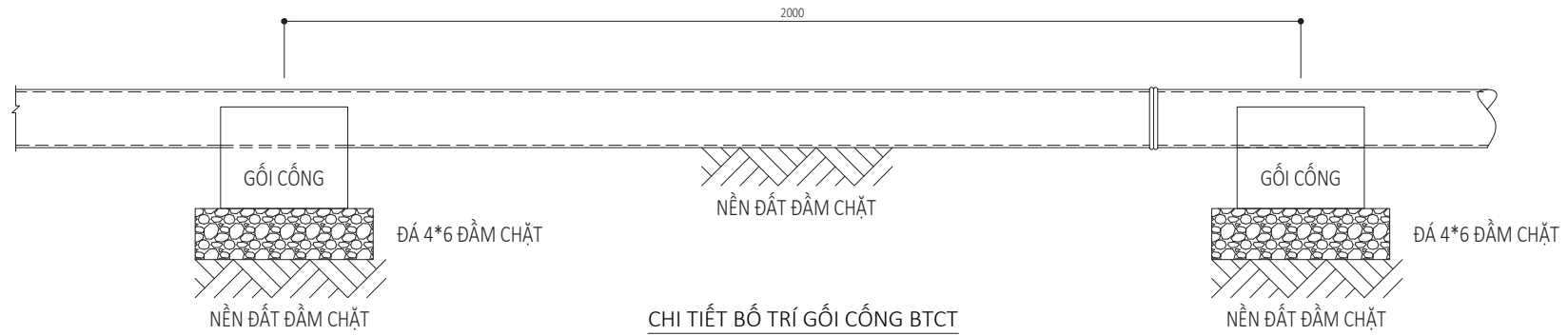
NOTES:



REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
		D1	2025		DRN	CHK	ENG	LEAD ENG.

NAM CON SON PIPELINE			
MẶT CẮT NGANG CỐNG			
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2025	N/A	8382-XXXX	D1

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module/verify> với số định danh: NCS-25-1892



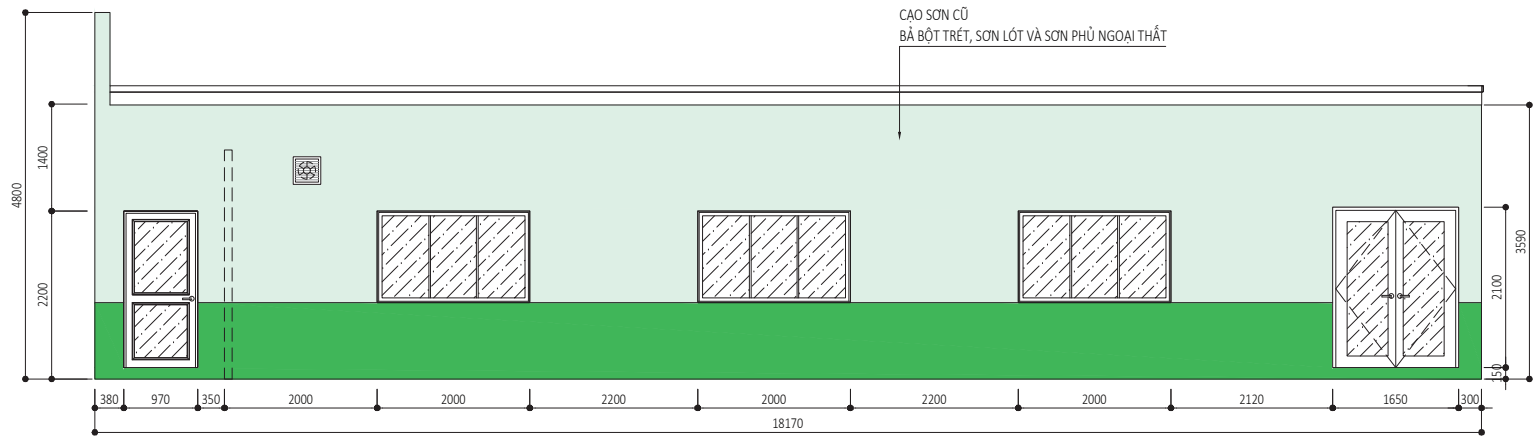
CHI TIẾT CẤU TẠO GỐI CỔNG BTCT

NOTES:

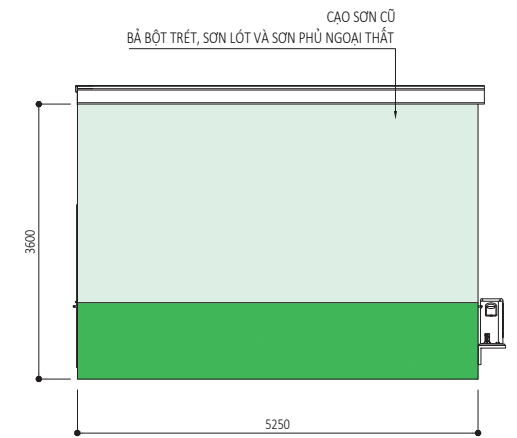
REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
		D1	2025		DRN	CHK	ENG	LEAD ENG.

NAM CON SON PIPELINE			
CHI TIẾT GỐI CỔNG			
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2025	N/A	8382-XXXX	D1

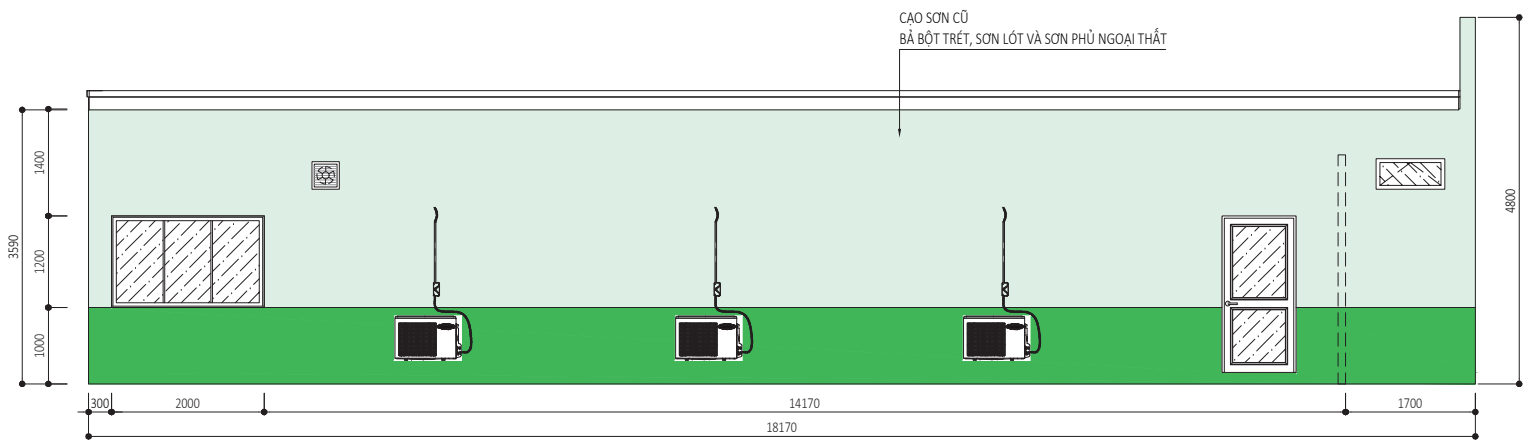




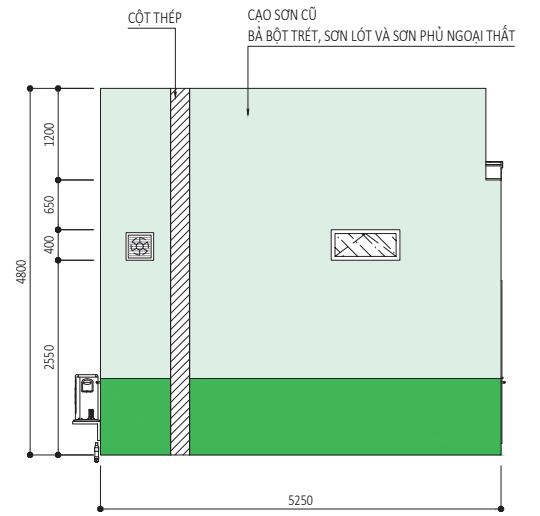
MẶT TRƯỚC



MẶT BÊN




MẶT SAU



MẶT BÊN

NOTES:

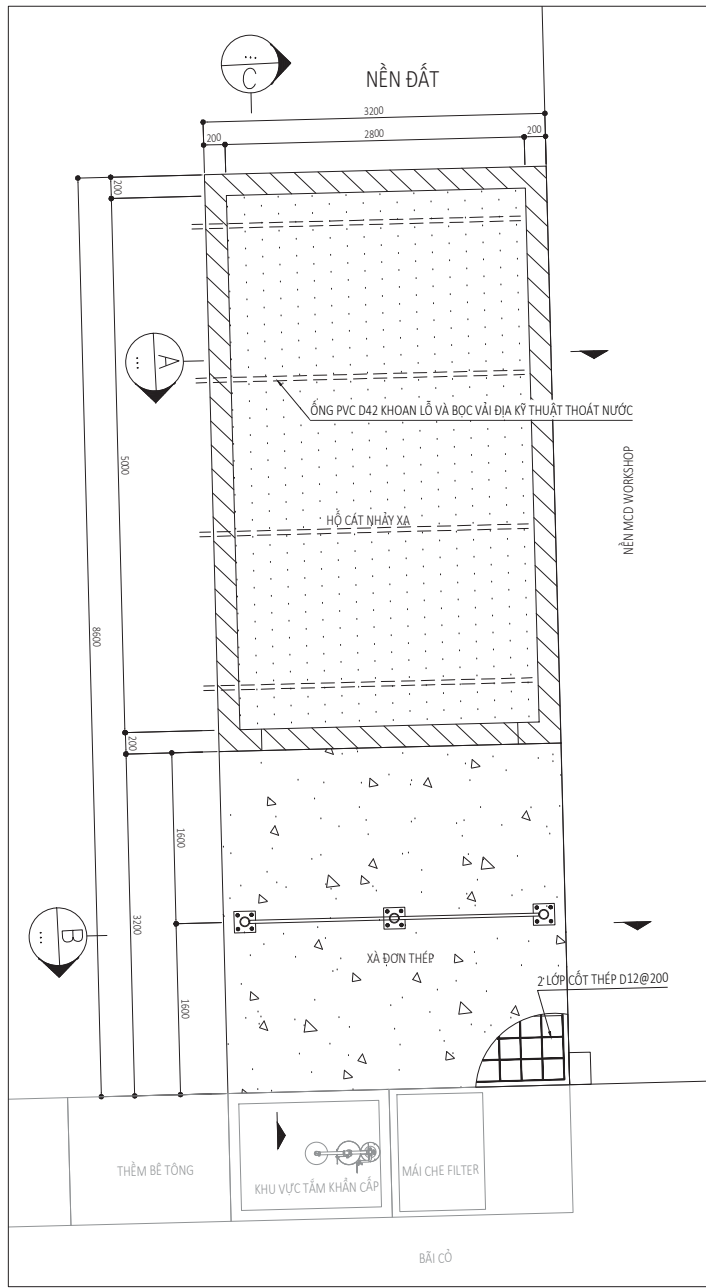


REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT DRN	HLAT CHK	HLAT ENG	PNV LEAD ENG.
		D1	2025	ISSUE OF CONSTRUCTION				

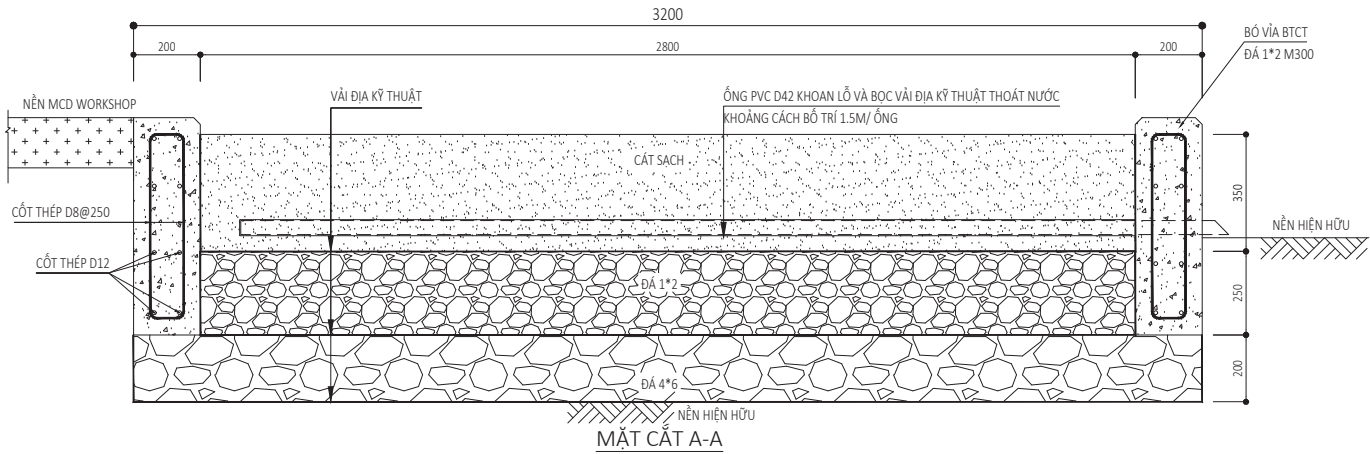
NAM CON SON PIPELINE

BẢN VẼ SƠN NƯỚC CẢI TẠO PHÒNG THƯ VIỆN

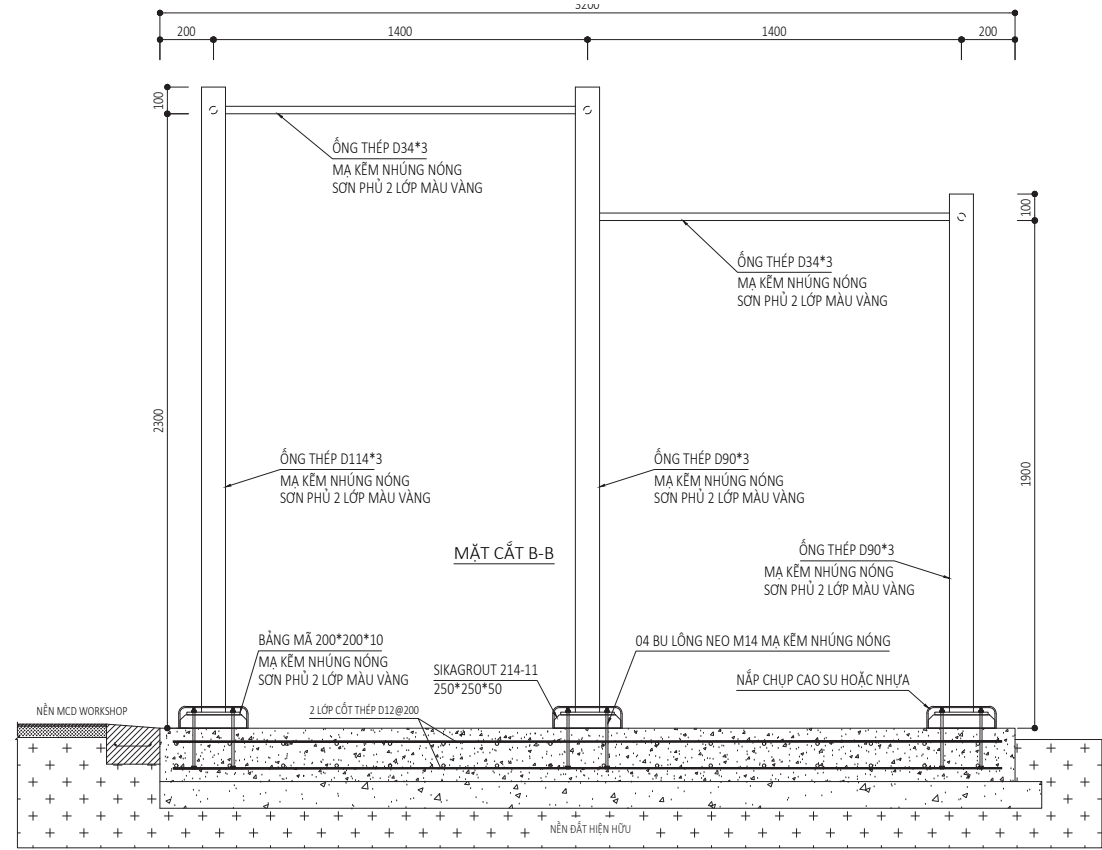
DATE: 2025 SCALE: N/A DRAWING No.: 8382-XXXX REV: D1



MẶT BẰNG THI CÔNG HỔ CÁT VÀ XÀ ĐƠN




MẶT CẮT A-A



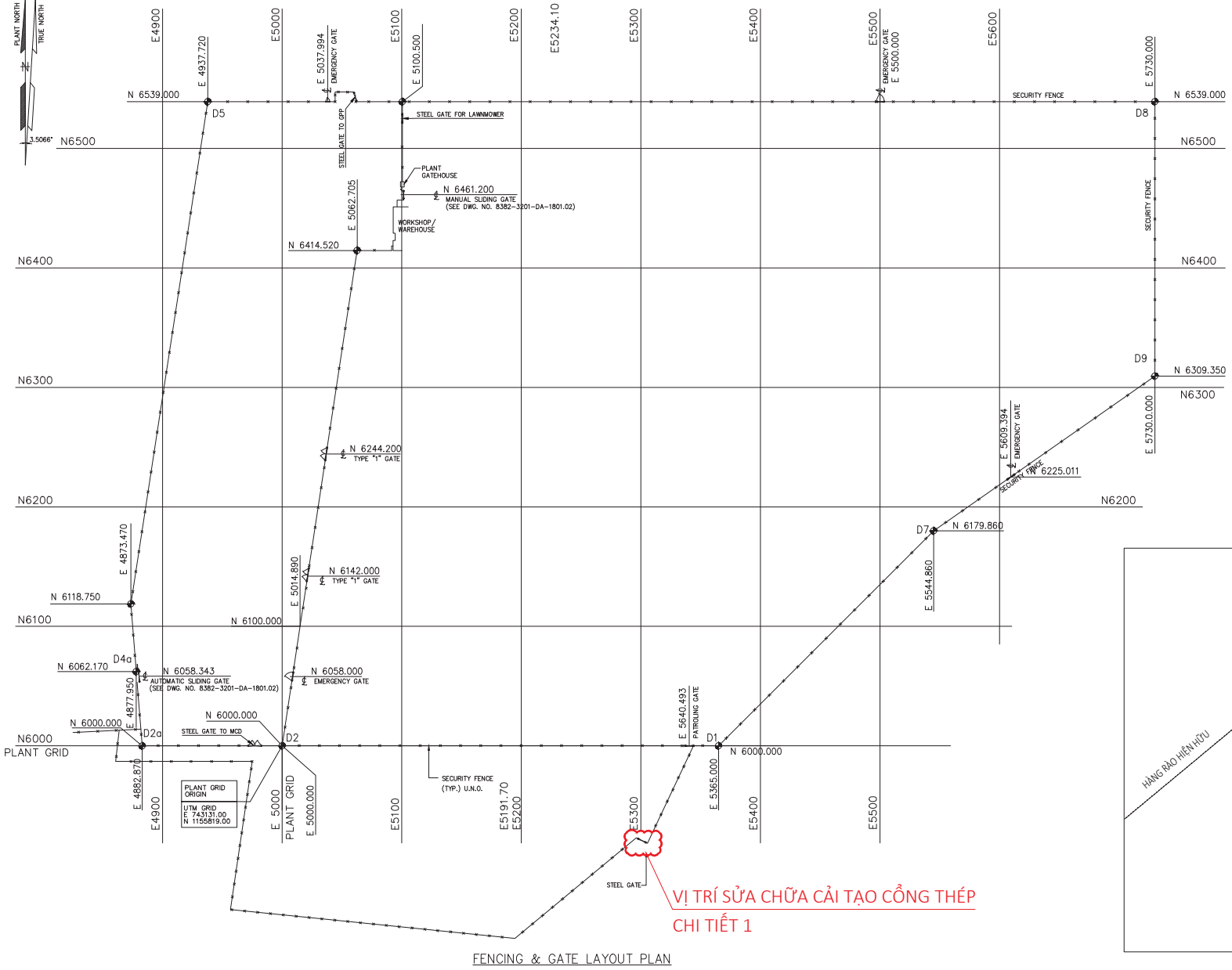
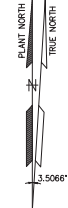
MẶT CẮT B-B

NOTES:

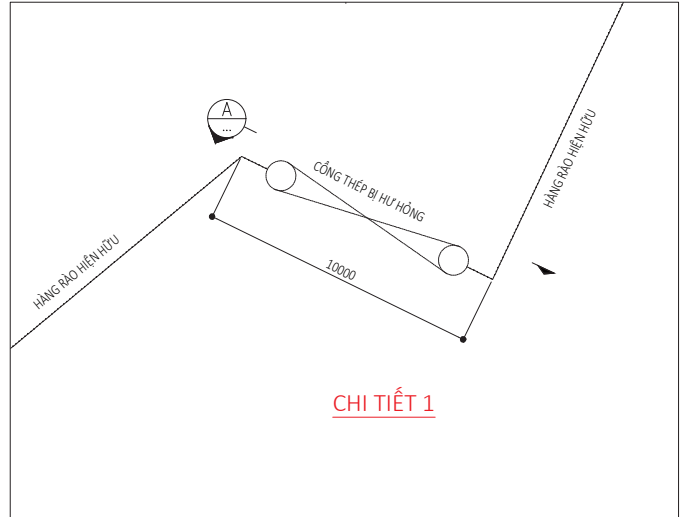
REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
2	3	D1	2025	ISSUE OF CONSTRUCTION	DRN	CHK	ENG	LEAD ENG.
<p>Văn bản này được xác thực tại https://ncs.sureportal.vn/module/verify với số định danh: NCS-25-1892</p>				DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.	
				2025	N/A	8382-XXXX	D1	


NAM CON SON PIPELINE
 BẢN VẼ THI CÔNG HỔ CÁT VÀ XÀ ĐƠN (2/3)
 DATE: 2025 | SCALE: N/A | DRAWING No.: 8382-XXXX | REV.: D1





ẢNH HIỆN TRẠNG CỔNG THÉP



CHI TIẾT 1

VỊ TRÍ SỬA CHỮA CẢI TẠO CỔNG THÉP
CHI TIẾT 1

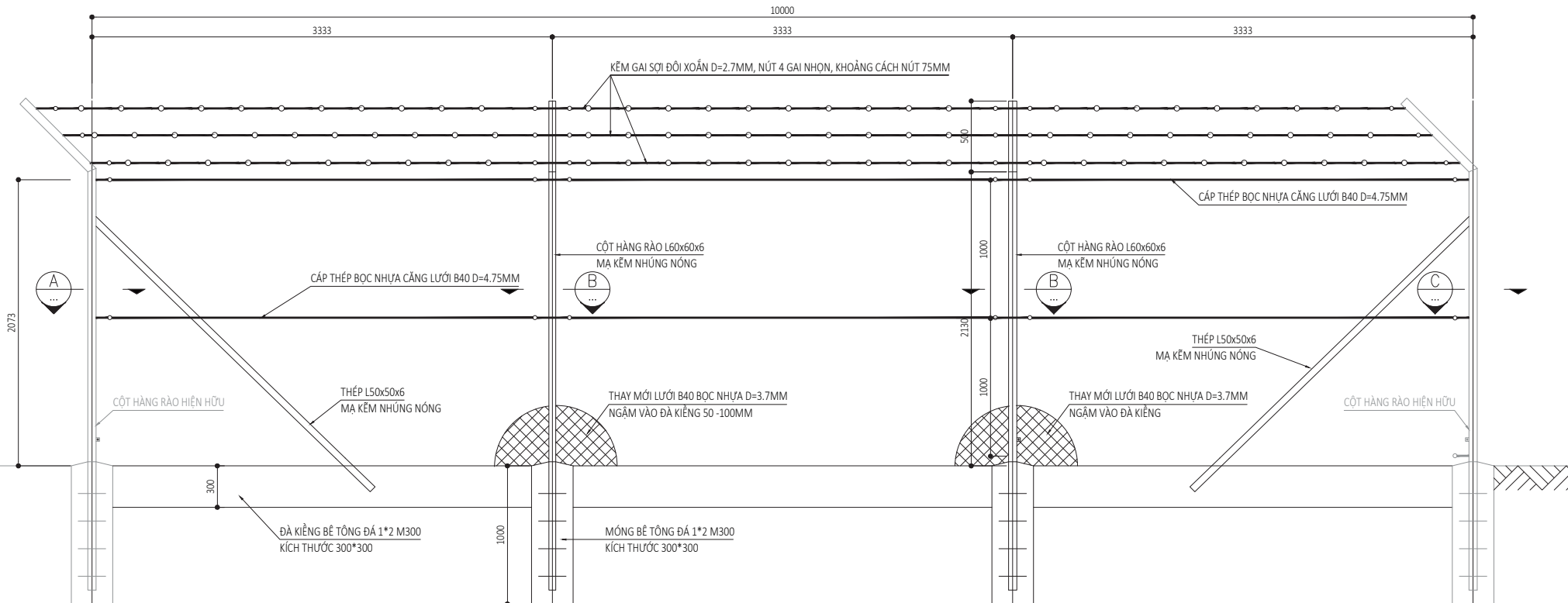
FENCING & GATE LAYOUT PLAN

NOTES:

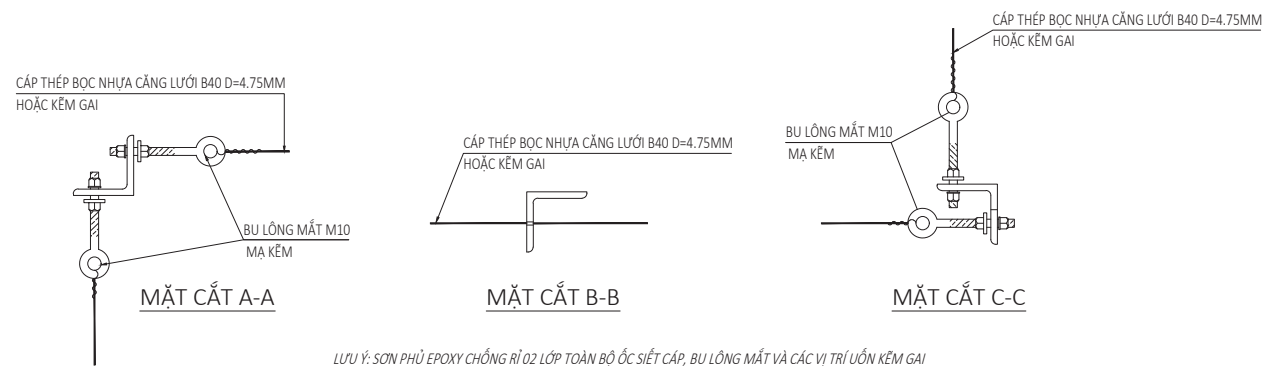
1	
2	
3	
4	

REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION
		D1	2025	ISSUE OF CONSTRUCTION
				REVISION DESCRIPTION

NAM CON SON PIPELINE				
BẢN VẼ SỬA CHỮA CỔNG THÉP (1/3)				
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.	
2025	N/A	8382-XXXX	D1	



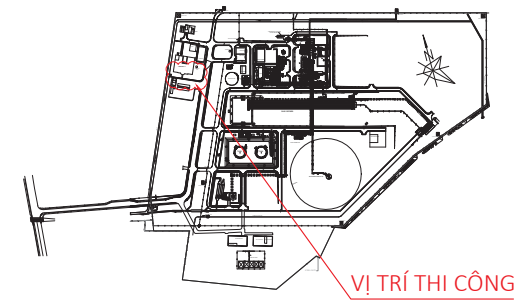
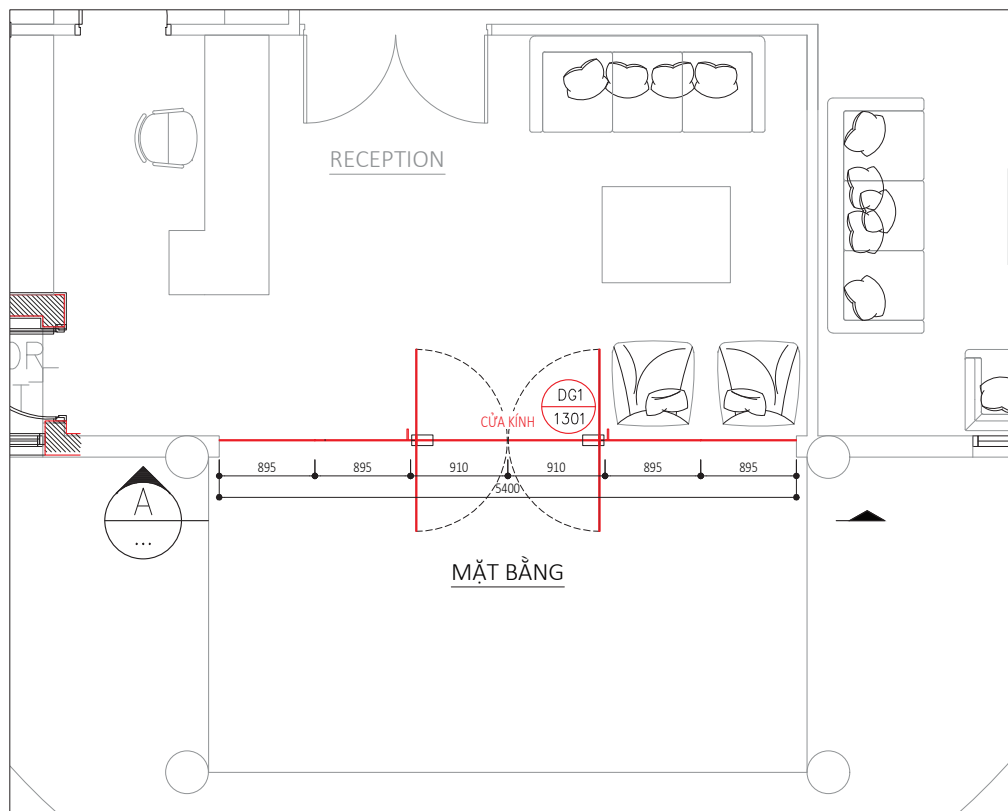
CHI TIẾT TÁI LẬP HÀNG RÀO



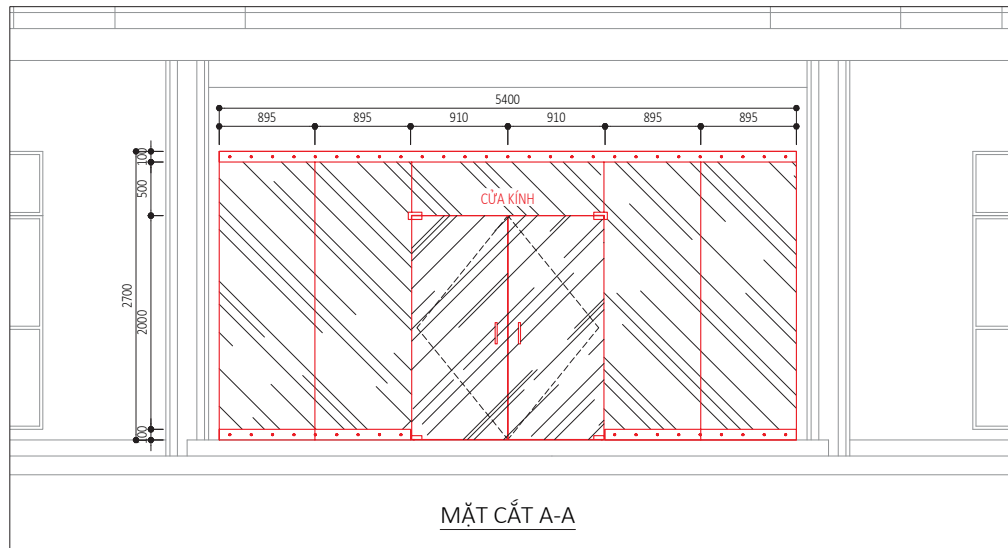
LƯU Ý: SƠN PHỤ EPOXY CHỐNG RỈ 02 LỚP TOÀN BỘ ỐC SIẾT CÁP, BU LÔNG MẮT VÀ CÁC VỊ TRÍ UỖN KẼM GAI

NOTES:												NAM CON SON PIPELINE	
												BẢN VẼ SỬA CHỮA CÔNG THÉP (3/3)	
REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT DRN	HLAT CHK	HLAT ENG	PNV LEAD ENG.	DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.	
		D1	2025						2025	N/A	8382-XXXX	D1	






ẢNH HIỆN TRẠNG CỬA KÍNH TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH

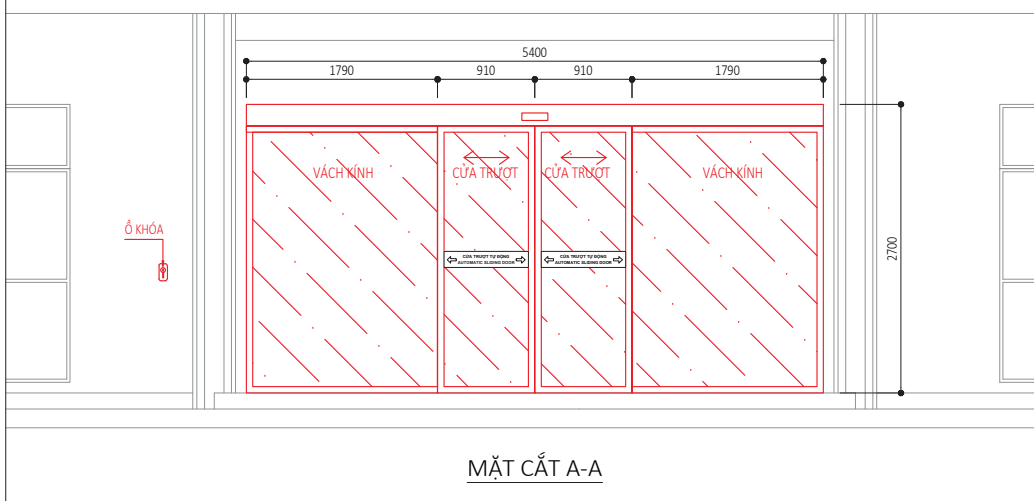
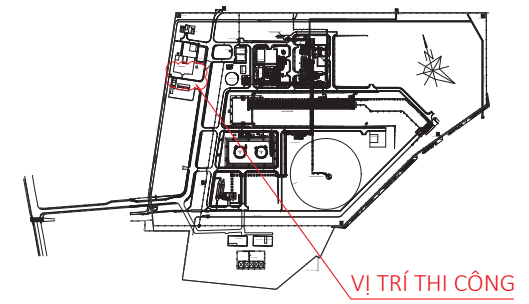
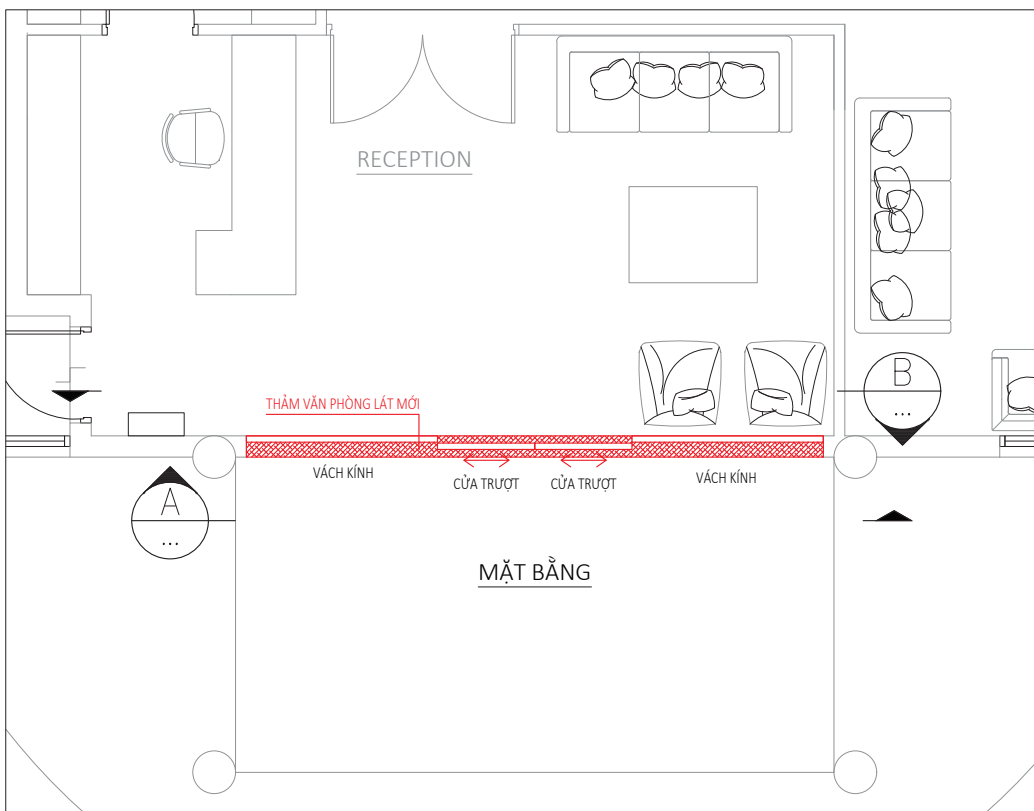


NOTES:



REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
		D1	2024	ISSUE OF CONSTRUCTION	DRN	CHK	ENG	LEAD ENG.

NAM CON SON PIPELINE			
BẢN VẼ HIỆN TRẠNG CỬA KÍNH SÂN LỀ TẦN TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH			
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2024	N/A	8382-XXXX	D1



ẢNH PHỐI CẢNH CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG

NOTES:

REFERENCE DWG. NO.	REFERENCE DWG. TITLE	REV.	DATE	ISSUE OF CONSTRUCTION	HLAT	HLAT	HLAT	PNV
		D1	2024		DRN	CHK	ENG	LEAD ENG.

NAM CON SON PIPELINE			
BẢN VẼ CẢI TẠO CỬA KÍNH SÂN LỄ TÂN			
PHƯƠNG ÁN CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG KHUNG NHÔM			
DATE	SCALE	DRAWING No.	REV.
2024	N/A	8382-XXXX	D1



Nam Con Son Pipeline

Sustain the Standards

SITE INSTRUCTION - NCSP TERMINAL AND PIPELINES, VIETNAM

OMS Element 2.5 Working with Contractors

ISO 14001:2015 and ISO 45001:2018 Clause 8.1: Operation Planning and Control

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH ĐỐI VỚI NHÀ THẦU CỦA NCSP

HỒ SƠ SỐ	HIỆU LỰC	NGƯỜI PHỤ TRÁCH	PHÊ DUYỆT
HSE-3000-MP-0044	2 năm	Trưởng nhóm PSM	Phó Giám đốc phụ trách

8	12/2024	Cập nhật theo thay đổi của pháp luật & đặc thù công việc	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Lê Minh Sơn
7	12/2022	PSCM góp ý & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
6	12/2021	Theo kết luận thanh tra & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn Dương Đình Nam	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
5	03/2019	Cập nhật phụ lục 4A, 4B và pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
4	04/2018	Cập nhật theo ND44/2016/NĐ-CP	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3.1	03/2018	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3	10/2016	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2.1	26/08/15	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2	09/06/15	Kết hợp bản dịch tiếng Anh	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
Rev.	NGÀY	CHI TIẾT	PHỔ BIẾN	BIÊN SOẠN	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT



MỤC LỤC

- 1. ĐỊNH NGHĨA**
- 2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**
- 3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM**
 - 3.1 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU
 - 3.2 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN NCSP
- 4. YÊU CẦU CHUNG**
 - 4.1 YÊU CẦU VỀ AN TOÀN
 - 4.2 YÊU CẦU VỀ SỨC KHỎE
 - 4.3 YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 - 4.4 YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ
 - 4.5 YÊU CẦU VỀ AN NINH
- 5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC**
 - 5.1 LÀM VIỆC TRÊN CAO
 - 5.2 LÀM VIỆC TRONG KHÔNG GIAN HẠN CHẾ
 - 5.3 CÔNG VIỆC SINH RA NGỌN LỬA TRẦN
 - 5.4 CÔNG VIỆC ĐÀO BƠI.
- 6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ**
 - 6.1 YÊU CẦU CỦA THIẾT BỊ ĐIỆN
 - 6.1.1 CÁC YÊU CẦU CHUNG
 - 6.1.2 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỆN CẦM TAY SỬ DỤNG NGUỒN PIN HOẶC ẮC QUY
 - 6.1.3 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ SỬ DỤNG NGUỒN ĐIỆN CỦA NCSP
 - 6.2 MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC
 - 6.2.1 YÊU CẦU VỀ MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ
 - 6.3 NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÀ MÁY MÓC NÂNG, HẠ TẢI
 - 6.4 SỬ DỤNG GIÀN GIÁO CÔNG NGHIỆP VÀ THANG
 - 6.5 PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CƠ GIỚI
 - 6.6 YÊU CẦU AN TOÀN VỚI HÓA CHẤT, VẬT TƯ ĐỘC HẠI

1. ĐỊNH NGHĨA

NCSP: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn

HSSE: An toàn – Sức khỏe – Môi trường & An ninh.

Công trường NCSP: Nhà máy xử lý khí; trạm van Long Hải & Phú Mỹ; văn phòng NCSP ở tòa nhà PVGAS, Hồ Chí Minh; hành lang an toàn đường ống khí biển và bờ.

Người đại diện của NCSP/Người bảo lãnh: Là nhân sự của NCSP được chỉ định làm việc với nhà thầu trong mỗi hợp đồng dịch vụ. Là người dùng cuối hay một người nào khác được coi là đầu mối liên hệ giữa NCSP và nhà thầu.

Người sử dụng Nhà thầu: Là nhân viên NCSP được phân công làm việc với Nhà thầu thực hiện từng hợp đồng cụ thể tại Công trường của NCSP.

Khách: Là người đến NCSP để họp, học hay khảo sát, không giới hạn những người tới làm những việc không cần xin cấp phép như khảo sát lấy thông tin cho việc thiết kế, ước tính chi phí hay chuẩn bị hồ sơ thầu, người đại diện của NCSP phải đi cùng với khách trong suốt thời gian này. Khách đến thăm quan các cơ sở của NCSP phải báo cho người quản lý trực tiếp; Trường hợp thăm quan khu vực sản xuất, các trạm van phải được sự đồng ý của Giám sát vận hành

Nhân viên nhà thầu: Là người đến các công trường của NCSP để làm việc theo hợp đồng dịch vụ đã được ký kết.

Bên thứ ba: Người thực hiện nhiệm vụ của mình cho chủ sở hữu khác bên trong công trường của NCSP như EVN, KĐN, KVT, ĐNB, v.v.

Nhà thầu dài hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng từ 12 tháng trở lên để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP.

Nhà thầu ngắn hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng dưới 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP

Các quy định của NCSP: Bao gồm các yêu cầu trong tài liệu này, và không giới hạn trong các thủ tục khác có liên quan của NCSP.

2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- NCSP thiết lập bộ các quy định và yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh (AT-SK-MT&AN) đối với Nhà thầu hướng tới mục tiêu “Không tai nạn – Không gây hại cho con người – Không làm tổn hại môi trường” khi làm việc trên Công trường của NCSP.



- Tài liệu này mô tả cụ thể các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và bằng cấp của nhân lực để có thể thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, vận hành máy móc thiết bị để hoàn thành các hạng mục hợp đồng như đã ký kết với NCSP và nhằm các mục đích sau:
- Giúp Nhà thầu hiểu rõ các yêu cầu cơ bản về nhân lực, thiết bị của Nhà thầu nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu của NCSP trước khi tham gia chào thầu cũng như việc thực hiện hợp đồng sau này.
- Giúp các bộ phận chức năng của NCSP thiết lập các yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh trong các hồ sơ mời thầu đồng thời làm cơ sở để đánh giá năng lực của Nhà thầu bao gồm việc tuân thủ pháp luật, quy định an toàn của NCSP, đảm bảo an toàn và hiệu quả, chất lượng công việc.
- Giúp bộ phận phụ trách giám sát công việc của NCSP phối hợp với Nhà thầu đạt hiệu quả cao trong việc phối hợp với Nhà thầu cả về chất lượng và tiến độ thông qua việc lập kế hoạch chi tiết, chuẩn bị nhân lực, máy móc, vật tư, thiết bị tốt hơn.
- Giúp Nhà thầu xác định đúng yêu cầu công việc tránh lãng phí thời gian và phối hợp quản lý an toàn thi công đạt hiệu quả cao hơn cho cả Nhà thầu và NCSP.

3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu

- Nhà thầu cử Cán bộ kỹ thuật/Giám sát hoặc Người thực hiện công việc đến NCSP khảo sát kỹ phạm vi công việc và yêu cầu an toàn kỹ thuật để làm hồ sơ chào thầu và xây dựng biện pháp thi công (nếu trúng thầu).
- Đọc và hiểu rõ những qui định và yêu cầu trong bộ tài liệu này (đính kèm trong HSMT) trước khi làm hồ sơ tham gia đấu thầu.
- Tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng, lập phương án thi công chi tiết gửi cho NCSP xem xét, chỉnh sửa và phê duyệt, chuẩn bị giấy phép làm việc (GPLV) và các giấy tờ liên quan, đánh giá rủi ro (ĐGRR) cho công việc.
- Phổ biến cho tất cả Nhân viên/Giám sát/Công nhân phạm vi công việc, yêu cầu về AT-SK-MT & AN trước khi vào NCSP và thường xuyên nhắc nhở trong khi thực hiện công việc.
- Phối hợp chặt chẽ với người đại diện NCSP trong việc cung cấp nhân sự, vật tư, máy móc thiết bị, quản lý an toàn, giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện công việc đảm bảo tất cả các yêu cầu được tuân thủ như hợp đồng đã ký.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về con người, môi trường, vật tư, thiết bị, tài sản bị hư hỏng do nhân sự của Nhà thầu không tuân thủ các nội quy và yêu cầu của Bộ luật Lao động (Bộ luật số: 45/2019/QH14) và Luật An toàn lao động (Luật số: 84/2015/QH13) và các quy định trong quy trình này.
- Cung cấp đúng nhân sự chủ chốt (Giám sát viên/Nhân viên kỹ thuật...vv) như đã nêu trong "Hồ sơ dự thầu". Nếu có chênh lệch, nhà thầu phải thông báo cho Phòng PSCM của NCSP trong thời gian sớm nhất để cùng nhau giải quyết.
- Phổ biến cho toàn thể nhân viên các quy định khi vào NCSP (mang CMND/CCCD và tập trung tại nhà nghỉ gần cổng chính, không xả rác, không lái xe quá nhanh...), cung cấp cho họ các yêu cầu HSSE khi thực hiện công việc, xác định các mối nguy



hiểm và biện pháp kiểm soát. Bố trí nhân sự giám sát trực tiếp tại công trường, gửi báo cáo hàng ngày, lập và gửi bản vẽ hoàn công sau khi hoàn thiện công trình, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu tự cung cấp điện, nước cho công trường ở những nơi vượt quá khả năng hỗ trợ của NCSP. Cung cấp các trang bị bảo hộ lao động cho người lao động phù hợp với công việc và yêu cầu trong giấy phép lao động bao gồm dây chống rơi, dây cứu hộ, rào chắn và biển cảnh báo để đảm bảo an toàn thi công.

Lưu ý: Công việc thực hiện trên Hành Lang Tuyển Ống (HLTO) cần tuân thủ qui trình phối hợp kiểm soát công việc (HSE-3000-MP-0055) giữa NCSP & PVGas-SE (Công ty vận chuyển Khí Đông Nam Bộ) đặc biệt là qui định về tổng tải trọng tối đa cho phép đối với các phương tiện lưu thông trên HLTO và các qui định về đào xới.

3.2 Vai trò và trách nhiệm của Người đại diện NCSP

- Cùng khảo sát hiện trường với Nhà thầu và cung cấp các hồ sơ, bản vẽ liên quan, là cầu nối giữa Nhà thầu và các Bộ phận liên quan của NCSP.
- Giới thiệu và hướng dẫn Nhà thầu trong việc hiểu rõ và đầy đủ các qui định và yêu cầu trong tài liệu này trước khi tiến hành công việc tại Công trường của NCSP.
- Hỗ trợ Nhà thầu trong việc hướng dẫn an toàn, kiểm tra máy móc thiết bị, xin giấy phép làm việc và phối hợp giám sát tại công trường.
- Hỗ trợ và hướng dẫn Nhà thầu khi có vấn đề phát sinh về phạm vi công việc theo đúng các qui trình và thủ tục về việc bổ sung hợp đồng và thanh toán của NCSP.
- Hỗ trợ giàn giáo cho nhà thầu với những công việc có yêu cầu giàn giáo mà không bao gồm trong điều khoản hợp đồng.
- Hỗ trợ nguồn điện, nguồn nước cho các vị trí thi công nằm gần nguồn điện, nguồn nước hiện có của NCSP. Đối với các công việc ở xa, nhà thầu phải tự cung cấp.

4. YÊU CẦU CHUNG

4.1 Yêu cầu về an toàn

- Nhà thầu phải đảm bảo: Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP phải có hợp đồng lao động phù hợp với công việc (Bộ luật lao động số 45/2019/QH14) và được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo luật định. Nhân viên nhà thầu phải tuân thủ tất cả các qui định về an toàn nêu trong Luật ATVSLĐ (Luật số : 84/2015/QH13).
- Nhân viên của Nhà thầu phải được đào tạo về An toàn lao động, phù hợp với công việc liên quan theo yêu cầu (Nhóm 3) và phù hợp với đặc thù công việc mà Nhà thầu thực hiện tại NCSP (Nghị định 44/2016/ND-CP và Nghị định 140/2018 /ND-CP). Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận ATVSLĐ nhóm 3 hoặc xác nhận đã tham gia khóa đào tạo trước khi làm việc tại NCSP.



Lưu ý: Quy định này không áp dụng đối với Người nước ngoài, người làm việc gián tiếp hoặc đào tạo giảng dạy.

- Nhà thầu lập danh sách nhân sự và điền đầy đủ các mục yêu cầu tại Phụ lục 1, kèm theo chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận an toàn lao động phù hợp với công việc Nhà thầu sẽ thực hiện tại NCSP theo hướng dẫn chi tiết tại **Phụ lục 3** trước khi đăng ký học an toàn
- Lập danh mục máy móc, thiết bị theo **Phụ lục 2**, điền đầy đủ các hạng mục, thông số kỹ thuật. Nhà thầu cần kiểm tra tất cả các thiết bị an toàn, vệ sinh và chạy thử trước khi mang đến NCSP kiểm tra và dán tem đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc.
- Lập danh sách vật tư hàng hóa sử dụng cho công việc theo yêu cầu trong hợp đồng với đầy đủ hóa đơn mua vật tư, chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ và chứng chỉ chất lượng (CO/CQ), phiếu bảo hành...v.v

Ghi chú: Đối với công việc có rủi ro cao (sử dụng dụng cụ/ thiết bị áp lực cao, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, làm việc trong không gian hạn chế, làm việc ở độ cao trên 50m ...v.v) thì Nhân viên nhà thầu cần được huấn luyện chuyên sâu về sự an toàn của công việc đó.

- Tất cả nhân viên Nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (BHLĐ) tối thiểu theo TCVN hoặc các tiêu chuẩn Quốc tế dùng cho ngành dầu khí để thực hiện công việc tại các công trình của NCSP
 - + Quần áo bảo hộ: TCVN 2607-1978
 - + Giày/ Ủng bảo hộ: TCVN 7653-2007
 - + Nón bảo hộ: TCVN 6407-1998 (ISO 3873 : 1997)
 - + Kính bảo hộ: TCVN 5082-1990 (ISO 4849 : 1981)
- Ngoài ra tùy đặc thù của từng công việc có rủi ro cao cụ thể mà phải được trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ tương ứng theo qui định của NCSP (Xem chi tiết các qui định đối với từng công việc cụ thể bên dưới hoặc trong bản đánh giá rủi ro của từng công việc)
- Công việc chỉ được tiến hành khi có giấy phép làm việc được cấp bởi NCSP và chỉ thực hiện nội dung công việc đã được duyệt trong giấy phép.
- Trong thời gian nghỉ giải lao, tất cả công nhân được yêu cầu rời khỏi khu vực làm việc để đến chòi nghỉ ngơi riêng bên ngoài khu vực sản xuất.
- Trong quá trình thi công nếu phát sinh vấn đề khác như thời tiết xấu (mưa, giông, sấm sét...) hoặc công việc không có trong hồ sơ biện pháp thi công được phê duyệt. Người giám sát của Nhà thầu phải dừng ngay công việc, thông báo cho Người quản lý khu vực (AA) và Người đại diện của NCSP.
- Khi tạm ngừng hoặc kết thúc ca làm việc phải:
 - ✓ Kiểm tra và tắt toàn bộ máy móc, thiết bị.



- ✓ Dụng cụ và vật tư sắp xếp gọn gàng, đúng nơi qui định.
- ✓ Luôn giữ gìn thông thoáng lối đi, cầu thang, cửa thoát hiểm.

4.2 Yêu cầu về sức khỏe

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về sức khỏe của tất cả nhân viên của mình trước khi cử họ đến địa điểm của NCSP để thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và phải xuất trình cho NCSP hoặc Cơ quan chức năng khi được yêu cầu (*tham khảo Thông tư 32/2023/TT-BYT Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh*)
- Đối với những người làm nghề, công việc được liệt kê trong Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH_Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và Thông tư 19/2023/TT-BLĐ(TBXH_Bổ sung danh mục nghề, công việc cho Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH (VD: *Làm việc ở độ cao trên 50m, làm việc trong không gian hạn chế, bôn, bể chứa khí, hóa chất, chất lỏng có khả năng gây cháy, nổ nhưng chưa được vệ sinh sạch sẽ...v.v*), nhà thầu phải nộp giấy khám sức khỏe hợp lệ. (trong vòng 12 tháng) và kết quả phân loại ở cấp độ (1-2-3), hạng mục sức khỏe 4 & 5 không phù hợp với những công việc này (tham khảo Quyết định 1613/BYT-QĐ Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám bệnh và khám định kỳ). Bác sĩ phòng y tế của NCSP sẽ kiểm tra/đánh giá lại trước khi thực hiện công việc.

Lưu ý: Chính sách kiểm soát chất có cồn và chất gây nghiện!

- NCSP nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, bán hoặc phân phối các chất có cồn, thuốc kích thích, chất gây nghiện tại nơi làm việc
- Không có nồng độ cồn (không có mùi rượu, bia) áp dụng cho tất cả nhân viên làm việc tại Công trường NCSP.

4.3 Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm giữ gìn nơi làm việc và những vùng phụ cận sạch sẽ, ngăn nắp, vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày. Trường hợp không rõ cách phân loại chất thải thì phải hỏi Giám sát của NCSP.
- Nhà thầu phải phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải phát sinh từ hoạt động của mình về kho lưu trữ chất thải của NCSP, nếu trách nhiệm được xác định trong hợp đồng, nhà thầu phải đảm bảo chất thải do công việc của mình phát sinh được thu gom, vận chuyển ra ngoài địa điểm của NCSP và xử lý đúng quy định. tuân thủ luật pháp và nhận được sự chấp thuận của Phòng an toàn của NCSP trước khi công việc xử lý bắt đầu.



4.4 Yêu cầu về phòng chống cháy, nổ

Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ PCCC do cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quận/huyện trở lên cấp (*Tham khảo Nghị định 136/2020/NĐ-CP_điều 33, khoản (d)*) cho tất cả các nhân sự vào NCSP làm việc trong các trường hợp sau:

- Các nhân sự nhà thầu làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy nổ (*khu xử lý khí và condensate, trạm van Long Hải và Phú Mỹ*) hoặc thường xuyên làm việc tiếp xúc với hàng hóa nguy hiểm về cháy nổ, tham gia trực tiếp công việc liên quan đến tháo/mở hệ thống chứa khí, chất lỏng có khả năng cháy nổ, lắp đặt giàn giáo hoặc nạo vét bùn trong bồn chứa (*hydrocarbon, methanol & condensate, diesel oil...v.v*)
- Các nhân sự nhà thầu làm công việc đơn giản trong môi trường có nguy hiểm về cháy nổ với khoảng thời gian nhiều hơn **5 ngày**.
- Các nhân sự nhà thầu làm công việc tại bất kỳ nơi nào của NCSP mà công việc sinh lửa trần như hàn điện, cắt, mài hoặc sử dụng máy gia nhiệt lớn hơn 200°C...v.v.

Chi chú: Trong mọi trường hợp nhân sự nhà thầu cần tuân thủ đầy đủ các qui định về an toàn PCCC và CNCH, các yêu cầu của bộ phận cấp phép và các biện pháp kiểm soát an toàn PCCN trong ĐGRR thực hiện công việc.

Ngoại trừ: Tham khảo công văn 187/C66-P3 Hướng dẫn thực hiện qui định pháp luật trong lĩnh vực PCCC (ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2016).

- Người thực hiện các công việc nguội không sinh lửa, sinh nhiệt, không tiếp xúc với môi chất nguy hiểm cháy nổ.
- Người thực hiện công việc đơn giản như cắt cỏ, tưới cây, giao hàng, vệ sinh lao động, thợ xây, lắp đặt giàn giáo, đo đạc quan trắc môi trường, đo kiểm tra môi trường lao động và không tiếp xúc với các môi chất nguy hiểm về cháy nổ.
- Các chuyên gia nước ngoài, cán bộ quản lý cơ quan chức năng, khách đến thăm quan và các đối tượng khác đến làm việc, liên hệ công tác.
- Các chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc trong bảo dưỡng lớn (TAR), các chuyên gia làm việc theo yêu cầu của dự án/ hợp đồng ký kết với NCSP.
- Công việc trên Hành Lang Tuyến Ống (HALT) không có lửa trần hoặc phát nhiệt không quá 200°C hoặc không mở thiết bị, đường ống có chứa chất cháy.

4.5 Yêu cầu về an ninh

- Giám đốc Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và bảo đảm rằng các nhân viên được gửi đến công trường của NCSP phải có nhân thân tốt đặc biệt là đối với các nhân viên thường xuyên làm việc trong Khu sản xuất.



- Tất cả nhân viên nhà thầu phải luôn tuân thủ quy trình kiểm soát an ninh ra/vào nhà máy và các trạm van.
- Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Đại diện NCSP hoặc Người dùng cuối trong trường hợp thẻ an toàn bị hư hỏng hoặc thất lạc.
- Nhân viên nhà thầu phải luôn đeo thẻ HSE khi vào địa điểm NCSP và phải trả lại cho nhân viên bảo vệ ở cổng chính khi rời khỏi NCSP.
- Đối với nhà thầu làm việc trên hành lang tuyến ống, thẻ an toàn được trả lại cho bảo vệ cổng chính thông qua người giám sát công việc (PA)
- Thời hạn của Thẻ an toàn là 1 tháng đối với nhà thầu ngắn hạn và 12 tháng đối với nhà thầu dài hạn. Trong khi chờ đợi làm Thẻ an toàn, Thẻ tạm sẽ được cấp và có giá trị trong 1 ngày làm việc.
- Tất cả các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ phải được khai báo tại cổng chính Nhà máy và phải có Giấy phép vật tư ra/vào cổng và bản kê khai hàng hóa đi kèm.

5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC

Tất cả các công việc thực hiện trong Công trường của NCSP đều phải được kiểm soát thông qua hệ thống kiểm soát công việc (Work Control System OPS-3000-MP-1014). Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ hệ thống quản lý này

Việc cấp phép làm việc được thực hiện thông qua quy trình cấp giấy phép làm việc (Permit to Work), Giấy phép làm việc phải được chuẩn bị và được xem xét trước khi công việc tiến hành 1 ngày

Nhằm cung cấp cho Nhà thầu hiểu biết các yêu cầu cơ bản về hệ thống quản lý an toàn công việc nêu trên, sau đây là một số nội dung cơ bản. Nhà thầu có trách nhiệm đọc kỹ và hiểu các nội dung cơ bản này. Việc hiểu những nội dung cơ bản này không có nghĩa là Nhà thầu đã hiểu toàn bộ các quy định về quản lý an toàn của NCSP:

5.1 Làm việc trên cao

Tất cả các công việc liên quan đến làm việc ở độ cao trên 2 mét so với mặt đất/sàn làm việc mà không có thiết kế bảo vệ tiêu chuẩn được xác định là làm việc trên cao và chỉ được phép thực hiện khi

- Sử dụng giàn giáo, sàn thao tác hoặc thang theo đúng yêu cầu an toàn, kỹ thuật được mô tả ở mục (6.4)
- Sử dụng thiết bị chống rơi bao gồm:
 - ✓ Móc treo tại vị trí thuận tiện, tốt nhất là cao hơn đầu người
 - ✓ Dây đeo toàn thân có khóa then kẹp tự động, dụng cụ giảm sóc.
 - ✓ Thiết bị chống rơi phải đảm bảo không để rơi tự do quá 2 mét.
- Đối với công việc làm ở độ cao trên 50m
 - ✓ Nhà thầu phải cung cấp giấy khám sức khỏe của nhân viên cho phòng y tế NCSP ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành công việc (*xem chi tiết tại mục 4.2*)

- ✓ Phòng y tế NCSP sẽ tiến hành kiểm tra thực tế một số hạng mục theo yêu cầu về sức khỏe đối với công việc đặc biệt này.

5.2 Làm việc trong không gian hạn chế

- Tuân thủ các yêu cầu trong Thông tư 29/2018/TT-BLĐTBXH (QCVN 34:2018) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động khi làm việc trong không gian hạn chế.
- Công việc trong không gian hạn chế phải được tiến hành đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.
- Người làm việc trong không gian hạn chế phải
 - ✓ Thẻ An toàn lao động cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trong không gian hạn chế
 - ✓ Phải có giấy khám sức khỏe phù hợp và được kiểm tra xác nhận của phòng y tế NCSP.
 - ✓ Phải được đào tạo về sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA) và bộ khí thở có dây nối dài (BA airline) nếu công việc yêu cầu.
 - ✓ BA airline nên được sử dụng để vào không gian hạn chế cho những người làm việc trong thời gian dài hoặc những nơi chật hẹp.

5.3 Công việc sinh ra ngọn lửa trần

- Không sử dụng bình khí acetylene (gió đá) trong công tác hàn, cắt. Chỉ được phép sử dụng bình khí Propane hoặc khí hóa lỏng (LPG).
- Tại một thời điểm, chỉ cho phép một công việc sinh ra ngọn lửa trần, ngoại trừ trường hợp công việc phát sinh tia lửa trần được tiến hành trong buồng có áp suất dương (habitat).
- Thường xuyên có người giám sát tại nơi làm việc.
- Trang bị đầy đủ PTBVVN cho công việc hàn, cắt (mặt nạ hàn, kính hàn, găng tay chịu nhiệt...vv).
- Công việc sinh ra ngọn lửa trần phải được tiến hành hợp đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.

5.4 Công việc đào bới.

- Tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống kiểm soát công việc của NCSP (OPS-3000-MP-1014) tại Phụ lục C: Quy trình và Hướng dẫn cho công việc đào bới và phụ lục 1: Danh Sách Kiểm Tra Các Mối Nguy Cho Công Việc Đào Bới phải được hoàn thành và đính kèm trong Giấy phép làm việc.
- Công việc đào bới, khoan cắt sâu hơn 0,15m so với mặt đất cần phải có chứng chỉ đào bới "Excavation Certificate" do người có thẩm quyền của NCSP cấp.
- Phải kiểm soát sự dịch chuyển của các lớp đất đá, tránh sụt đất bằng các biện pháp chống đỡ, kè bờ, làm dốc theo qui định.



- Điền đầy đủ phụ lục C của Hệ thống kiểm soát công việc: Liệt kê tất cả các tài liệu yêu cầu, bản vẽ cho công việc đào đất bao gồm các công việc trong RoW, đặc biệt là phụ lục 1: Danh sách kiểm tra nguy cơ khi đào bới, xáo trộn mặt đất.
- QCVN 34:2018/BLĐTBXH phải được xem xét và áp dụng cho các công việc đào bới để kiểm soát an toàn khi khu vực làm việc có khả năng trở thành không gian hạn chế.

6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ

6.1 Yêu cầu của thiết bị điện

6.1.1 Các yêu cầu chung

- Tất cả các thiết bị điện phải được kiểm tra và dán tem đạt yêu cầu bởi nhân viên có chuyên môn điện của NCS trước khi sử dụng và tem có hiệu lực trong vòng **7 ngày**. Khi hết hạn, thiết bị phải được kiểm tra lại và dán tem mới
- Người thực hiện sửa chữa bảo trì các thiết bị điện phải được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp.
- Nhân viên vận hành thiết bị điện cao thế (>1000V) phải có chứng chỉ hợp lệ do đơn vị có chức năng và thẩm quyền cấp.
- Khi tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng, vận hành thiết bị điện cao thế phải trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ như: Gậy móc cứu hộ, thảm cách điện, găng tay cách điện, ủng cách điện các trang thiết bị này phải có tem/chứng chỉ kiểm định/ thử nghiệm hợp lệ.
- Đối với máy phát điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, quá áp
- Đối với các tủ phân phối nguồn điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, chống dòng rò (CB chống giật)

6.1.2 Các yêu cầu đối với thiết bị điện cầm tay sử dụng nguồn Pin hoặc Ắc quy

- Hộp chứa Pin/Ắc quy phải có nắp che kín và cố định vào các điện cực chắc chắn
- Đối với bình Ắc quy: Tại các điểm nối vào điện cực phải được cố định bằng Bu-lông chắc chắn.
- Dây dẫn nguồn phải đạt cấp điện áp phù hợp và có lớp vỏ cách điện không bị hư hỏng, chấp nối.


6.1.3 Các yêu cầu đối với thiết bị sử dụng nguồn điện của NCSP

a) Ổ cắm và phích cắm

- Khi sử dụng nguồn điện trong các tòa nhà phải dùng phích cắm loại 3 chấu có dây nối đất theo tiêu chuẩn **BS1363** phù hợp nguồn 240V AC, 50hz, 13 A
- Có thể sử dụng loại ổ cắm dạng đa năng universal nhưng phải đảm bảo ổ cắm có cửa sổ (shutter) đóng khi không sử dụng, không lộ phần đồng dẫn điện nhìn thấy được, tất cả ổ cắm đều được cấp từ nguồn điện có CB chống giật 30mA





- Khi sử dụng nguồn điện trong khu sản xuất phải dùng ổ cắm và phích cắm phù hợp tiêu chuẩn IEC/EN 60309-1/-2 (CEE), IEC/EN 60079-0, IEC/EN 60079-1 và IEC/EN 60079-7 đạt yêu cầu chống cháy nổ . Có 2 loại chính:
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 3 chấu (2P+E) loại SolConeX 16 A Series SolConeX 8570 cho nguồn 240VAC, 50Hz, 16A (Hình: 1)
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 5 chấu (3P+N+E) loại SolConeX, 63 A Series 8579 cho nguồn 415VAC, 50Hz, 63A (Hình: 2)
 - ✓ Trường hợp dùng thêm ổ cắm nối dài sau phích cắm phải đảm bảo ổ cắm nối dài được che chắn chống nước và tuân thủ biện pháp kiểm soát trên giấy phép **c/ Dụng cụ điện cầm tay** : Tuân thủ quy chuẩn quốc gia QCVN 09: 2012/BLĐTBXH



Hình: 1



Hình: 2

b) Dây dẫn nguồn:

- Dây dẫn từ nguồn cấp hiện hữu đến thiết bị cầm tay phải có:
 - ✓ Dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị



- ✓ Dây có lớp giáp bảo vệ (steel wire amour hoặc wire braided). Trường hợp dây không có lớp bảo vệ trên, phải sử dụng các biện pháp khác để bảo vệ chống va đập cơ khí như: dùng ống bảo vệ (conduit), chạy trong mương cáp tạm, căng dây cảnh báo dọc theo dây.

6.2 Máy móc và thiết bị áp lực

6.2.1 Yêu cầu về máy móc và thiết bị

- Các máy móc và thiết bị áp lực (máy nén khí, thiết bị nước cao áp, thiết bị thủy lực, thiết bị dùng khí nén, chai khí, bình áp lực, ống áp lực vv...) phải được kiểm tra bởi nhân viên chuyên trách của NCSP trước khi đưa vào khu vực thi công.
- Nhân viên Nhà thầu vận hành máy móc và thiết bị áp lực phải được huấn luyện và được cấp chứng chỉ bởi các đơn vị có chức năng theo luật định.
- Các bình áp lực, chai khí phải có kiểm định còn hiệu lực, có lắp van an toàn đã được kiểm định còn hiệu lực. Van an toàn có giá trị cài đặt phù hợp với áp suất làm việc và thiết bị áp lực được bảo vệ.
- Áp kế gắn trên bình áp lực phải có thang đo phù hợp và được kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các ống mềm áp lực phải được kiểm tra bởi đơn vị/ tổ chức có năng lực và còn trong thời hạn.
- Hệ thống khí nén của nhà máy khí Dinh Cố có áp suất là 10barg các thiết bị khí nén của Nhà thầu phải có khả năng hoạt động ở áp suất này hoặc có lắp thiết bị giảm áp thích hợp.
- Các máy móc thiết bị khí nén nên có khớp nối nhanh kiểu Macdonald, khớp nối kiểu 4 vấu (Chân Quạ) có thể sử dụng với điều kiện chúng được khóa lại bằng dây thép hoặc chốt chẻ và khớp nối được bắt chắc chắn vào ống mềm bằng kẹp ống hoặc dùng phương pháp bấm. Không sử dụng kết nối bằng cổ-giê.



Macdonald quick action couplings



Four-Claw Couplings



Worm Gear

- Thiết bị an toàn chống vung (whip check) phải được sử dụng khi kết nối các ống mềm áp lực hoặc kết nối ống mềm vào các thiết bị áp lực khác.
- Các thiết bị sử dụng khí nén phải có cơ cấu dừng khẩn cấp khi có hỏng hóc hoặc sự cố.
- Các ống mềm phải được tiếp địa chống tĩnh điện.
- Các thiết bị bắn cát và phun sơn phải luôn luôn được tiếp địa trong quá trình sử dụng.
- Dây tiếp địa phải là loại dây đồng mềm hoặc cứng nhiều lõi có tiết diện 4mm² bọc nhựa PVC. Dây tiếp địa được bắt chặt vào thiết bị bằng bu lông và có đầu còn lại là kẹp (ví dụ kẹp cá sấu) để bắt vào hệ thống tiếp địa của NCSP
- Các máy móc và thiết bị áp lực sau khi lắp đặt, kết nối xong phải được thử kiểm tra áp lực toàn bộ hệ thống để đảm bảo không rò rỉ và không có hư hỏng trước khi sử dụng.
- Các máy móc và thiết bị áp lực phải được kiểm tra hàng ngày bởi nhân viên Nhà thầu trước khi sử dụng.

6.2.2 Yêu cầu về trang bị bảo hộ lao động

- Bắn cát làm sạch:
 - ✓ Mặt nạ thở: Trường hợp bắn cát trong buồng kín, khi sử dụng thiết bị bắn cát cầm tay không có buồng che kín hoặc khi người bắn cát không tách biệt khỏi vật liệu cát nhờ buồng che kín có hút khí thì phải dùng mặt nạ thở có ống cung cấp khí.
 - ✓ Găng tay là loại vải bạt, da hoặc bằng vật liệu Kevlar
 - ✓ Giáp bảo vệ thân (tạp dề).
 - ✓ Trang bị thêm mặt nạ lọc khí nếu bắn cát khô.
- Khi sử dụng súng phun nước hoặc máy rửa xe phải mặc đồ bảo hộ cá nhân thông thường (áo khoác, mũ bảo hộ, kính an toàn/ kính bảo hộ, ủng/ giày chống trượt), có thể sử dụng thêm áo mưa hoặc tạp dề.
- Phun nước áp lực cao lên đến 4500 psi (310 Barg) để làm sạch rỉ sét, lớp sơn cũ trên bề mặt kim loại súng phun phải có chức năng tự ngắt khi ngừng phun và thay thế kính an toàn thông thường bằng mặt nạ (mica) hoặc tối thiểu phải dùng kính bảo hộ che kín toàn bộ mắt (goggles)



- Phun nước áp lực rất cao (310barg – 1700barg) sử dụng làm sạch bề mặt và siêu cao (trên 1700barg) sử dụng trong công việc cắt thép hoặc bê tông phải trang bị PTBVVN
 - ✓ Giáp bảo vệ thân và chân
 - ✓ Tấm chắn bảo vệ mặt
 - ✓ Găng tay vải bạt, da hoặc kevlar

Lưu ý: *Cấm dùng cát thạch anh trong bắn cát vì ảnh hưởng đến sức khỏe
Phải dùng loại súng bắn có 2 cò đạt chuẩn an toàn (Deadman Trigger)*

6.3 Những yêu cầu đối với thiết bị và máy móc nâng, hạ tải

- Đối với Nhân viên vận hành và hỗ trợ vận hành:
 - ✓ Phải được huấn luyện và có chứng chỉ còn thời hạn cho việc vận hành máy móc và thiết bị nâng hạ tải tương ứng.
 - ✓ Phải có chứng chỉ Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, hạ do Trung tâm kiểm định & huấn luyện an toàn lao động cấp.
- Đối với máy móc và thiết bị nâng, hạ
 - ✓ Phải có chứng chỉ kiểm định cần cẩu/ thiết bị nâng hợp lệ, có tem kiểm định được dán trên buồng lái hoặc nơi chỉ định trong biên bản kiểm định.
 - ✓ Tất cả các thiết bị dùng cho công việc nâng hạ (palăng xích, cùm, dây, kẹp...vv) phải có chứng chỉ kiểm định và kiểm tra trực quan.
 - ✓ Phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng bởi Nhân viên kỹ thuật của NCSP.

6.4 Sử dụng giàn giáo công nghiệp và thang

6.4.1 Sử dụng giàn giáo công nghiệp

- Tất cả các loại vật tư sử dụng để lắp đặt giàn giáo phải đạt chuẩn của Anh (BS1139) hoặc châu Âu (EN39) hoặc Úc/ Newzeland (AS/NZS1576.3) hoặc TCVN13662 : 2023
- Giám sát/Thanh tra giàn giáo và Công nhân giàn giáo phải được đào tạo theo quy định của Nhà nước (Nghị định số 44/2016/ND-CP) và có chứng chỉ phù hợp còn giá trị; Các chứng chỉ theo tiêu chuẩn BS 5973:1993 hoặc tiêu chuẩn Châu Âu BS EN 12811-1:2003 hoặc AS/NZS 4576:1995 vẫn được chấp nhận nếu được đào tạo tại các cơ sở/trung tâm được nhà nước phê duyệt.
- Tuân thủ các qui định và yêu cầu về an toàn kỹ thuật trong QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng và TCVN13662_2023: Giàn giáo – Yêu cầu an toàn.
- Giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm tra đạt chuẩn an toàn kỹ thuật
- Hàng tuần phải kiểm tra định kỳ bởi người giám sát giàn giáo.



- Giàn giáo phải được treo thẻ an toàn và cho phép sử dụng như hình.



6.4.2 Sử dụng thang

- Chỉ được sử dụng thang chữ A, thang bậc (mobile Platform) có tem kiểm định còn hạn.
- Không được dùng thang tre, thang gỗ, thang tự chế, thang đã bị hỏng hoặc sửa chữa sơ sài, chấp vá.

6.5 Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới

6.5.1 Các yêu cầu chung đối với xe và người lái xe.

- Xe phải có đầy đủ giấy đăng ký sử dụng xe, kiểm định và bảo hiểm còn hạn.
- Lái xe phải có bằng lái phù hợp với chủng loại xe và còn hiệu lực.
- Dây đai an toàn (seatbelt) phải được trang bị đầy đủ và được sử dụng cho tất cả mọi người trên xe.
- Tất cả các phương tiện đi vào Công trường của NCSP phải được kiểm tra bởi Bảo vệ.
- Các phương tiện vào khu sản xuất, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ phải được gắn chụp ống xả dập lửa và kiểm tra thêm bởi kỹ thuật viên NCSP.
- Lái xe phải tuân thủ các qui định giới hạn tốc độ trong các cơ sở của NCS (Ngoài khu sản xuất tối đa 25Km/giờ; trong khu sản xuất là 15Km/giờ).
- Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe.
- Luôn tắt động cơ khi rời khỏi xe (để lại chìa khóa trong ổ nếu xe ở trong khu sản xuất).

6.5.2 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hành khách

- Không được chở vượt quá số hành khách qui định của nhà sản xuất.
- Phải được bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Tất cả các bộ phận thiết yếu và cơ cấu an toàn phải được bảo hành và sửa chữa chính hãng bao gồm (hệ thống lái, hệ thống phanh hãm, hệ thống cân bằng, hệ thống điều khiển điện tử)

6.5.3 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hàng hóa

- Phải được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa trên xe phải được cố định chắc chắn, che chắn tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ và hướng dẫn bảo quản của nhà sản xuất.
- Phải có khung bao bảo vệ phía sau và hai bên sườn xe chống thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông.
- Không được chở hàng quá khổ, quá tải.
- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với phương thức bốc dỡ tại Công trường của NCSP (thông thường là xe nâng)

6.5.4 Yêu cầu đối với xe cơ giới thi công

- Người lái xe phải có các chứng chỉ vận hành phù hợp với chủng loại xe được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Nếu có hoán cải chức năng, mục đích sử dụng thì phải có hồ sơ hoán cải và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Phải sử dụng phương tiện đúng theo mục đích thiết kế của nhà sản xuất.

6.5.5 Yêu cầu đối với việc phân loại rác và xe chở rác thải tại NCSP

Rác thông thường

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải thông thường phải tuân thủ các yêu cầu nêu tại mục 6.5.1 - Yêu cầu chung đối với phương tiện và người điều khiển.
- Hiện tại NCSP phân loại rác thải sinh hoạt thành 3 loại bao gồm (rác thông thường, rác tái chế và rác thực phẩm) Tất cả các nhân viên nhà thầu đến làm việc trong NCSP phải tuân thủ tuyệt đối qui định này.

Rác nguy hại

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải nguy hại có thể ở dạng rắn, lỏng, bùn thải phải được ghi trong giấy phép xử lý của nhà thầu và được kiểm tra bởi Cố vấn an toàn phụ trách về môi trường trước khi chuyển chất thải nguy hại cho nhà thầu đủ năng lực để xử lý.
- Khi phương tiện của nhà thầu xử lý đạt yêu cầu về an toàn kỹ thuật đến khu vực làm việc của NCSP để tiếp nhận chất thải cũng phải tuân thủ các yêu cầu và biện pháp kiểm soát về an toàn, an ninh nêu trong giấy phép làm công việc này do Bộ phận kho lập theo quy định.



6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại

6.6.1 Yêu cầu về an toàn lao động khi làm việc với hóa chất, vật tư độc hại

- Tuân thủ theo các quy trình/hướng dẫn đã ban hành và thực hiện đúng nhiệm vụ của công việc mà bạn được đào tạo (bao gồm sử dụng đúng hóa chất cho đúng nhiệm vụ).
- Trước khi làm việc với hóa chất cần thận trọng và có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp khẩn cấp xảy ra.
- Đảm bảo các biện pháp kỹ thuật an toàn được thực hiện và trang bị sẵn sàng các trang bảo hộ cá nhân và trong tình trạng sử dụng tốt.
- Kiểm tra các thùng chứa hóa chất có nhãn mác rõ ràng của nhà sản xuất và trong tình trạng tốt.
- Đọc và tuân thủ các khuyến cáo trên nhãn mác của bao bì và phiếu an toàn hóa chất đi kèm.
- Đảm bảo việc thực hiện vệ sinh công nghiệp tốt trước, trong quá trình và sau khi sử dụng quá chất.

Chú thích:

- Đối với các vật tư nguy hiểm/độc hại (chất phóng xạ, thuốc diệt cỏ/trừ sâu..) tuân thủ theo các yêu cầu của Luật định và Bộ ngành quản lý liên quan.
- Lái xe, nhân viên áp tải hàng nguy hiểm/độc hại phải có chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ vận chuyển hóa chất nguy hiểm tương đương theo quy định tại Nghị định 34/2024/NĐ-CP.

6.6.2 Yêu cầu về vật tư, hóa chất độc hại

- Tất cả hóa chất sử dụng tại công trường của NCSP phải có phiếu an toàn hóa chất (SDS – Safety Data Sheet) tương ứng kèm theo.



- Phiếu an toàn hóa chất (SDS) phải được gửi cho người phụ trách quản lý hóa chất của NCSP đánh giá rủi ro và phê duyệt trước khi mang vào công trường của NCSP.
- Chai, lọ, bình chứa, thùng chứa hóa chất phải có nhãn mác rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thông tư 32/2017/TT-BCT.
- Hóa chất sử dụng không được nằm trong danh mục hóa chất cấm theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP (Trong trường hợp công việc bắt buộc phải sử dụng

thì phải có hồ sơ, bằng chứng được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước cho phép sử dụng hóa chất cấm).

- Khi làm việc trực tiếp với hóa chất phải tuân thủ tất cả các biện pháp kiểm soát đề cập SDS và bản đánh giá rủi ro của NCSP (nếu có), bao gồm việc sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

6.6.3 Yêu cầu đối với thiết bị

- Thiết bị sử dụng trực tiếp, tồn chứa hóa chất phải là loại chuyên dụng, tương thích với hóa chất đó, đảm bảo kín và chắc chắn.
- Bồn chứa/thiết bị chứa phải có hình đồ cảnh báo an toàn phù hợp theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) và vị trí dán hình đồ cảnh báo dễ quan sát.
- Mỗi thiết bị hay cụm thiết bị trực tiếp liên quan đến công việc hóa chất phải có qui trình, hướng dẫn vận hành tương ứng và có biện pháp ứng phó trong trường hợp khẩn cấp xảy ra (chảy tràn...).
- Thiết bị chứa hóa chất lỏng phải giữ đúng hệ số điền đầy quy định theo đặc tính hóa lý của hóa chất đó.
- Phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu nguy hiểm trên đường bộ phải có Giấy phép vận chuyển do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Nghị định 34/2024/NĐ-CP.

6.6.4 Yêu cầu về trang thiết bị bảo hộ lao động

Phải trang bị đầy đủ BHLĐ khi làm việc trực tiếp với hóa chất, vật tư độc hại theo yêu cầu trong bảng đánh giá rủi ro của NCSP (nếu có) và phiếu an toàn hóa chất (SDS).

Theo một số hướng dẫn cụ thể sau: Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn). Khi làm việc với hóa chất nguy hiểm có tính ăn mòn, có nhiệt độ cao ở dạng khí, hơi, khói, dạng bình xịt, bụi và những hóa chất phản ứng hóa học tạo ra môi trường có cường độ ánh sáng cao, bức xạ nhiệt phải sử dụng thiết bị bảo vệ mắt (kính chống hóa chất dạng kính bơi - goggle). Phải sử dụng tấm chắn bảo vệ mặt (face shield) khi làm việc với những hóa chất lỏng nguy hiểm có nhiệt độ cao, có tính ăn mòn, có khả năng phản ứng hóa học mạnh, gây nổ, vung, bắn tóe.
- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất. Trong một số trường hợp làm việc với hóa chất có tính ăn mòn, hóa chất có khả năng gây nổ, văng, bắn, phải trang bị tạp dề chống hóa chất.
- Bảo vệ tay: Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày, độ dẻo của găng tay. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Khi tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm



từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Cao su nitrile, PVC viton.

- Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.
- Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxy, không gian hạn chế) sử dụng thiết bị thở có áp suất.

NCSP CAM KẾT SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CÓ THỂ VÀ HỢP TÁC VỚI NHÀ THẦU TRONG VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC YÊU CẦU VÀ QUI ĐỊNH NÀY

CÁC QUY TRÌNH BỔ TRỢ

- OPS-3000-MP-1208 NCSP HSSE Induction Process;
- HSSE-3000-MP-0006 NCSP Security Access Control Procedure
- OPS-3000-MP-1014 NCSP Work Control System;
- HSSE-3000-MP-0013 NCSP Gas Cylinder Management;
- OPS-3000-MP-1405 NCSP Abrasive Wheel Guidelines;
- OPS-3000-MP-1117 NCSP Manual Handling and Lifting Operations;
- HSSE-3000-MP-0015 NCSP Scaffolding Procedure;
- OPS-3000-MP-1116 Entry to NCSP Site's for Vehicles & Portable Diesel Powered Equipment;
- OPS-3000-MP-2016 NCSP PPE Policy;
- SCM-3000-MP-0015 NCSP Contractor Performance Management Procedure.



Phụ lục 1 – Danh sách Nhân sự nhà thầu làm việc tại NCSP

TT	Họ và Tên	Số Căn Cước Công dân/ CMND (1)	Thư cử người (2)	Giấy khám sức khỏe (3)	Thẻ An toàn (4)	Chứng nhận PCCC (5)	Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp (6)
1	Nguyễn Văn A						
2	Trần Văn B						
3						

Ghi chú:

- (2) Thư cử người tới NCSP làm việc có kí tên và đóng dấu của đại diện Ban giám đốc nhà thầu hoặc một email trực tiếp từ người đại diện BGD nhà thầu;
 - (3) Giấy khám sức khỏe chỉ áp dụng cho các công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm
 - (4) Được huấn luyện ATVSLĐ cho những công việc theo yêu cầu của pháp luật và được xác nhận hoặc cấp thẻ bởi cơ quan huấn luyện được nhà nước cho phép
 - (5) Chứng nhận PCCC áp dụng với người làm việc trong khu công nghệ, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ và các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
 - (6) Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp liên quan theo các ngành nghề pháp luật qui định (Xem chi tiết trong Phụ lục 3)
- * Đối với người lao động nước ngoài chỉ cần bản photo passport hay VISA và không áp dụng các yêu cầu còn lại.



Phụ lục 2 – Danh sách máy móc, thiết bị của nhà thầu sử dụng tại công trường của NCSP

Nhà thầu:.....

Công việc:.....

Ngày..... Tháng.....năm:.....

TT	Tên thiết bị / dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu	Số lượng	Chứng nhận liên quan
1					
2					
3					
4	...				
5					

Người chuẩn bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3 – Chứng chỉ/ Chứng nhận được yêu cầu đối với Nhà thầu



TT	Công việc	Chứng chỉ/ Chứng nhận được yêu cầu đối với Nhà thầu
1	Các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ An toàn cho người được huấn luyện ATVSLĐ - Nhóm 3 cho các công việc tương ứng với 32 đầu mục công việc được liệt kê trong Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH (Nghị định số 44/2016/ND-CP). Các trường hợp sau cần chú ý: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: Thẻ an toàn ghi tên khóa học phù hợp với công việc, còn hạn và do NSDLĐ/ Tổ chức huấn luyện cấp (khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2016/ND-CP). - Trường hợp 2: Thẻ an toàn không ghi hoặc ghi không đúng như công việc yêu cầu hoặc ghi chung chung "đã được huấn luyện an toàn nhóm 3" thì yêu cầu họ cung cấp Nội dung huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2016/ND-CP. - Trường hợp 3: Thẻ an toàn do NSDLĐ tự huấn luyện thì yêu cầu cung cấp thêm: (1) Nội dung huấn luyện; (2) Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn huấn luyện theo Điều 27 Nghị định số 44/2016/ND-CP và (3) Các yêu cầu về người huấn luyện của doanh nghiệp theo Điều 26 Nghị định số 44/2016/ND-CP.
2	Nâng hạ	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận cho người vận hành cầu và người móc cáp (điểm 3.4.6 QCVN 07:2012/BLĐTBXH); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Vận hành thiết bị nâng hạ (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra cho các thiết bị và phụ kiện nâng hạ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 10-20 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH).
3	Trong Không gian hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trong không gian hạn chế (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 13 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH). - Giấy khám sức khỏe. - Các chứng nhận, chứng chỉ khác theo yêu cầu của công việc liên quan được thực hiện (nếu có).



4	Đào đất sử dụng thiết bị thi công	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận cho người vận hành thiết bị thi công theo điểm 2.5.1.2 QCVN 18:2021/BXD; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Vận hành máy xây dựng (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 4 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng (Quy định tại văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT).
5	Phương tiện vào Khu sản xuất và Trạm van	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép lái xe phù hợp. - Đăng kí xe, đăng kiểm xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc. - Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm: tuân thủ thêm về giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm, an toàn lao động đối với người và phương tiện (Điều 9&10 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP).
6	Bắn rí	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề bắn nước/ cát; chứng nhận vận hành thiết bị thiết bị bắn nước /cát áp lực, chứng nhận vận hành bơm cao áp, ...v.v; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc bắn rí và làm việc trên cao (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 4, 5 & 6 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kì hàng năm. <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn các thiết bị áp lực và phụ kiện đi kèm như máy nén khí, bộ chia khí, ống mềm, van an toàn, áp kế, ... (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 4-7 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCHN).



7	Sơn	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề sơn; chứng nhận vận hành thiết bị thiết bị sơn, máy phun sơn, ...; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc sơn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1-2 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kỳ hàng năm. <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn các thiết bị áp lực và phụ kiện đi kèm như máy nén khí, bộ chia khí, ống mềm, van an toàn, áp kế, ... (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 4-7 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCN).
8	Cách nhiệt	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề cách nhiệt; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc cách nhiệt (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 11-12 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). - Giấy khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
9	Giàn giáo	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận lắp dựng cho thợ (cấp 1, 2 &3), Chứng nhận giám sát giàn giáo/ Chứng nhận giàn giáo nâng cao; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trên cao (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 7 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kỳ hàng năm. <p>Vật tư giàn giáo và dụng cụ làm việc (Quy trình giàn giáo của NCSP):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật tư giàn giáo theo tiêu chuẩn châu Âu, chuẩn mực Anh quốc; - Dụng cụ cầm tay phải được neo giữ phòng rơi từ trên cao (túi đeo, đai lưng); - Các vật tư lớn, nặng phải sử dụng dây và dụng cụ đưng hợp lý khi cần di chuyển lên xuống.



10	Hàn điện hay Hàn khí (LPG)	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu Chứng chỉ sơ cấp nghề hàn (điểm 3.4.2.1 QCVN 03:2011/BLĐTBXH, điểm 4.1 QCVN 17:2013/BLĐTBXH); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc hàn ((khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 15 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vỏ chai Oxy và LPG phải được kiểm định và có nhãn theo quy định pháp luật (khoản 2 Điều 10 QCVN 04:2013/BCT chai vỏ thép, điểm 11.4.2 QCVN 16:2022/BCT chai vỏ composite). - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra của các thiết bị đo như đồng hồ, van giảm áp, van một chiều của thiết bị hàn (điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCHN).
11	Kiểm tra không phá hủy sử dụng nguồn phóng xạ (RT)	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận Kiểm tra không phá hủy bậc 2 về chụp ảnh phóng xạ; - Chứng nhận Nhân viên bức xạ theo Điều 28/ Luật Năng lượng nguyên tử; - Chứng nhận An toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ theo điểm 1a, Điều 5 Nghị định 142/2020/ND-CP; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc bức xạ (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 9 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH); - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).
12	Kiểm tra các đường ống và kết cấu nhà máy	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư kiểm tra: Chứng nhận kiểm định viên API 510 & API 570, đã qua đào tạo về API 653 và Chứng nhận NDT tối thiểu bậc 2; - Kỹ thuật viên Kiểm tra không phá hủy: Chứng nhận Kiểm tra không phá hủy bậc 2 về siêu âm, từ tính và thẩm thấu; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trên cao, không gian hạn chế (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 7 & 13 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH); - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).



13	Kiểm tra và thử nghiệm các thiết bị nâng hạ	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định viên: Chứng nhận của Hiệp hội các kỹ sư thiết bị nâng - LEEA; - Kỹ thuật viên: Chứng nhận của ASNT bậc 2 về từ tính và thẩm thấu; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).
14	Kiểm định thiết bị nâng hạ (cầu trục, palăng, xe nâng hàng và nâng người) theo yêu cầu Pháp luật.	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH).
15	Kiểm định bình áp lực	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công thương (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH).
16	Chứng giám và cấp chứng nhận van an toàn áp lực	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc với thiết bị áp lực (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH) nếu có chứng kiến/ quan sát quá trình kiểm tra PSV.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG và BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

(Xem tài liệu đính kèm)



LƯU Ý:

1. Hợp đồng này được thực hiện trên cơ sở Những Điều kiện chung về Mua, Thuê Hàng hóa / Dịch vụ của NCSP và bản Hướng dẫn riêng đính kèm. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản của các tài liệu này thì các điều khoản như qui định trong Bản Hướng dẫn riêng đính kèm theo đây sẽ được áp dụng.
2. Phải ghi rõ số Đơn hàng trên mọi văn bản giao dịch có liên quan, giấy tờ vận chuyển hàng hóa, và hóa đơn.
3. Gửi mọi văn bản, tài liệu đến:
VŨ THỊ MỸ HỒNG
NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Tam An, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Tel.: +84 (254) 3864100; Fax: +84 (254) 3864099
4. Đề nghị ký xác nhận việc chấp thuận các điều khoản của Đơn đặt hàng này và Fax lại các trang của Đơn đặt hàng cho Người mua hàng ghi ở mục 3 (ở trên).

T/M. NAMCONSON PIPELINE CO

Chữ ký: _____

Chức vụ: _____

Ngày: _____

Chúng tôi xác nhận chấp thuận Đơn hàng này.

T/M.

Chữ ký: _____

Chức vụ: _____

Ngày: _____



NHỮNG CHỈ DẪN RIÊNG

GIÁ TRỊ CỦA ĐƠN HÀNG DỊCH VỤ

Tổng giá trị trọn gói của ĐƠN HÀNG Dịch vụ (ĐƠN HÀNG) là VNĐ (**Bảng chữ: đồng Việt Nam**) bao gồm VAT, chi phí quản lý, nhân lực, vật tư thiết bị, vận chuyển và toàn bộ các chi phí liên quan khác để thực hiện toàn bộ công việc theo Phụ lục 01 đính kèm.

Nếu không có văn bản điều chỉnh chính thức của NCSP, mọi hóa đơn của Nhà thầu có giá trị cao hơn giá trị ghi trên sẽ không được chấp nhận thanh toán.

ĐƠN HÀNG có hiệu lực kể từ ngày mở Bảo lãnh thực hiện ĐƠN HÀNG như Phụ lục số 03 đính kèm sau đây.

Các tài liệu hình thành nên đơn hàng này, có thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- a. Văn bản hợp đồng/ đơn hàng này, bao gồm các Phần sau đây:
 - Nội dung đơn hàng, bao gồm những những chỉ dẫn riêng, và những điều kiện chung và các Phụ lục đi kèm:
 - +/ Phụ lục 1: Phạm vi công việc
 - +/ Phụ lục 2: Bảng giá chi tiết
 - +/ Phụ lục 2: Mẫu Bảo lãnh thực hiện đơn hàng
 - +/ Phụ lục 3: Mẫu Biên bản nghiệm thu
 - +/ Phụ lục 4: Mẫu bản đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Nhà thầu
- b. Biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo;
- c. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ngày ... tháng năm 20...;
- d. E-HSDT ;
- e. E-HSMT.

THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Thời gian thực hiện ĐƠN HÀNG: Tối đa ... ngày tính từ ngày ký kết hợp đồng và bàn giao mặt bằng sẵn sàng thi công, bao gồm cả thứ 07, chủ nhật và ngày lễ. Dự kiến bắt đầu từ ngày Chi tiết về thời gian làm việc như mô tả trong Phạm vi công việc.

Địa điểm thực hiện Dịch vụ:

Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn

Tỉnh lộ 44, xã Tam An, huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: 0254-38640100 Fax: 0254-3864099

PHẠM VI CÔNG VIỆC

Theo ĐƠN HÀNG này, Nhà thầu sẽ cung cấp vật tư, thiết bị và nhân công để **CUNG CẤP DỊCH VỤ** **TẠI NCSP** với Phạm vi công việc như trong Phụ lục 01 đính kèm.

ĐẠI DIỆN CỦA NCSP

Đại diện của NCSP cho ĐƠN HÀNG này là:

Ông

Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn

Tỉnh lộ 44, Xã Tam An, huyện Long Đất
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Tel.: 0254-3864100 Fax: 0254-3864099

Liên hệ kỹ thuật:

Ông
Tel.: 0254-3864100 Số máy lẻ:

Liên hệ ĐƠN HÀNG:

Bà Vũ Thị Mỹ Hồng – Chuyên viên mua hàng
Tel: 0254-3864100 Số máy lẻ: 2381

ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU

Đại diện của Nhà thầu cho ĐƠN HÀNG này là:

.....

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐƠN HÀNG

Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký Đơn hàng này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu Nhà cung cấp phải thông báo bằng fax/trực tiếp bằng văn bản cho NCSP về việc phát hành Bảo đảm thực hiện Đơn hàng (theo mẫu trong Phụ lục số 01 dưới đây là bộ phận không tách rời của Đơn hàng này) có giá trị tương đương với 3% giá trị Đơn hàng. Bảo đảm này được phát hành bởi Ngân hàng lớn, được thành lập hợp pháp tại Việt Nam và được NCSP chấp nhận. Nhà cung cấp cũng phải thông báo cho NCSP số, ngày và toàn bộ nội dung của Bảo đảm. Nhà cung cấp chịu tất cả chi phí liên quan đến việc phát hành Bảo đảm thực hiện Đơn hàng.

Nếu NCSP không nhận được Bảo đảm có hiệu lực trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký Đơn hàng (hoặc bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu), NCSP có quyền hủy bỏ Đơn hàng vào bất cứ lúc nào và rút Bảo đảm dự thầu hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm mà không cần có sự can thiệp của tòa án hoặc trọng tài.

Nếu phải gia hạn thêm hiệu lực Bảo đảm thực hiện Đơn hàng, Nhà cung cấp phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi Bảo đảm. Ngân hàng Phát hành phải thông báo cho NCSP tất cả các sửa đổi này thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu.

PHẠT VI PHẠM

Nếu Nhà thầu không thực hiện điểm sau: hoàn thành công việc theo tiến độ đã được NCSP phê duyệt, thì NCSP có quyền phạt Nhà thầu với mức phạt 1,5% giá trị Đơn hàng cho mỗi tuần chậm. Khi tính toán phạt vi phạm, 4 đến 7 ngày sẽ được tính là 1 tuần, 3 ngày trở xuống sẽ không được tính.

Nếu việc chậm trễ như nêu trên vượt quá 02 tuần, NCSP sẽ xem xét việc quyết định chấm dứt Đơn hàng hay không. Nếu chấm dứt ĐƠN HÀNG, toàn bộ giá trị của Bảo lãnh thực hiện ĐƠN HÀNG sẽ bị rút.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền phạt vi phạm theo ĐƠN HÀNG này sẽ không vượt quá 8% giá trị ĐƠN HÀNG.

Mức phạt vi phạm đã được hai bên thỏa thuận và không cần sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng Tài. Số tiền phạt sẽ được NCSP trừ vào số tiền mà NCSP còn đang tạm giữ của Nhà thầu trong các Đơn hàng/hợp đồng đang có hiệu lực giữa các bên vào thời điểm đó và/hoặc Nhà thầu phải thanh toán ngay (nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày yêu cầu đầu tiên của NCSP) bằng cách chuyển khoản vào tài khoản do NCSP chỉ định, và/hoặc NCSP sẽ rút Bảo lãnh thực hiện ĐƠN HÀNG.

Nhà thầu vi phạm trong việc thực hiện các ĐƠN HÀNG với NCSP 02 lần trở lên (từ chối thực hiện ĐƠN HÀNG khi trúng thầu, trì hoãn công việc, hủy bỏ ĐƠN HÀNG, chậm tiến độ...) sẽ bị NCSP



xem xét về việc không được tham gia các gói thầu tiếp theo của NCSP.

THANH TOÁN

NCSP sẽ thanh toán 95% giá trị ĐƠN HÀNG trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán của Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn tất DỊCH VỤ một cách trọn vẹn theo đúng yêu cầu của NCSP.

Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- Bản gốc hóa đơn VAT hợp lệ.
- Biên bản nghiệm thu và quyết toán

5% giá trị ĐƠN HÀNG còn lại sẽ thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định của ĐƠN HÀNG này.

Việc thanh toán sẽ không ảnh hưởng đến việc về sau này NCSP có quyền yêu cầu kiểm chứng sự chính xác của Hoá đơn của Nhà thầu.

HÓA ĐƠN

Bản gốc Hóa đơn VAT (HÓA ĐƠN) và các chứng từ khác của Nhà cung cấp phải ghi rõ những chi tiết sau:

Tên Công ty : NAMCONSON PIPELINE CO.
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Tam An, Huyện Long Đất,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Mã số thuế : 3500410112-001
Số Đơn hàng : ...

HÓA ĐƠN và các tài liệu chứng từ khác phải được gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện ngay sau khi hoàn tất việc giao hàng tới địa chỉ dưới đây để giải quyết mọi yêu cầu về việc thanh toán:

NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Tam An, Huyện Long Đất,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

Người nhận: KẾ TOÁN THANH TOÁN – Phòng Kế toán
Điện thoại: +84 254 3864100
Fax: +84 254 3864099
Email: ncsp.accountant@ncsp.com.vn

Việc không tuân thủ các hướng dẫn nói trên sẽ dẫn đến việc HÓA ĐƠN bị hoàn trả hoặc thanh toán chậm trễ. Nếu Nhà thầu xuất hóa đơn không đúng quy định gây thiệt hại cho NCSP về thuế thì Nhà thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho NCSP.

Nếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc mỗi đợt (30 ngày làm việc) mà NCSP không nhận được hóa đơn tài chính hợp pháp, hợp lệ của Nhà thầu, NCSP sẽ có quyền từ chối thanh toán cho công việc đó.

Nhà thầu phải đảm bảo các hóa đơn tài chính xuất cho NCSP là hóa đơn hợp pháp. Trường hợp hóa đơn của Nhà thầu đã xuất cho NCSP bị cơ quan chức năng tuyên bố không hợp pháp dẫn đến phát sinh các tổn thất về pháp lý, về thuế cho NCSP, Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho NCSP toàn bộ các tổn thất đó.



BẢO HÀNH

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bảo hành toàn bộ công trình (bao gồm cả các trang thiết bị, vật tư) trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Với các sản phẩm, trang thiết bị, vật tư có chính sách bảo hành từ phía nhà sản xuất lớn hơn 12 tháng thì thời gian bảo hành lấy theo nhà sản xuất.

Trong thời gian bảo hành, nếu phát sinh sự cố liên quan đến việc thi công không đúng kỹ thuật hoặc do chất lượng công trình thì nhà thầu phải có trách nhiệm cử nhân sự đến hiện trường để xem xét tìm nguyên nhân và khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ NCSP.

NGHĨA VỤ PHÁP LÝ

Bất kể các qui định tại Điều 10 của phần Các Điều khoản Chung đính kèm, Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về bất kỳ sự mất mát và/ hoặc hư hại đến tài sản của NCSP được mang đến địa điểm của Nhà thầu và dưới sự trông coi của Nhà thầu trong suốt thời hạn của ĐƠN HÀNG này.

QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

NCSP tuân thủ nghiêm ngặt Qui định về An toàn – Sức khỏe – Môi trường, và yêu cầu Nhà thầu cung cấp trong quá trình thực hiện ĐƠN HÀNG này phải chấp hành mọi qui định trong và ngoài nước liên quan đến các vấn đề này.

Trong quá trình cung cấp dịch vụ và/hoặc hoàn thành công việc theo ĐƠN HÀNG này tại các địa điểm thuộc phạm vi quản lý của NCSP, Nhà thầu phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn từ Đại diện của NCSP và các qui định về an toàn của NCSP.

Khi giao nhận hàng hóa/dịch vụ tại địa điểm của NCSP, ngoài các qui định và luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam về an toàn đường bộ, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn của NCSP được liệt kê dưới đây và trong phần 3 của Phạm Vi Dịch Vụ:

Yêu cầu đối với xe:

1. Xe chuyên chở phải phù hợp với mục đích sử dụng, đang trong điều kiện hoạt động tốt, được trang bị dây đeo an toàn (seatbelt) và những dây đeo này phải sử dụng được;
2. Số lượng người trên xe không được vượt quá tiêu chuẩn qui định của nhà sản xuất;
3. Hàng hóa chuyên chở phải được chằng buộc an toàn và không vượt quá tải trọng, giới hạn cho phép của nhà sản xuất.

Yêu cầu đối với lái xe:

1. Lái xe phải có bằng lái và sức khỏe phù hợp để vận hành xe;
2. Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe;
3. Khi xe đang chạy, nội người ngồi trên xe phải thắt dây an toàn;
4. Lái xe không được sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác;
5. Người lái và khách đi xe mô-tô hoặc các phương tiện gắn máy phải đội mũ bảo hiểm.



PHỤ LỤC 01

PHẠM VI CÔNG VIỆC



PHỤ LỤC 02

BẢNG GIÁ CHI TIẾT



PHỤ LỤC 03

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên công ty]
(sau đây gọi là công ty)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hợp đồng cung cấp _____ [mô tả hàng hóa/dịch vụ] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho công ty bảo đảm của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] ở _____ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là VND (Bằng chữ: _____), tương đương 3% giá trị Hợp đồng.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho công ty bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo đảm] như đã nêu trên, khi có văn bản của công ty thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bảo đảm này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm _____. (ngày kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng cộng 60 ngày)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHỤ LỤC 04 - MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

ĐƠN HÀNG/ ĐƠN HÀNG số:

Nhà thầu:

I. Địa điểm nghiệm thu:

Vào hồigiờphút, ngày.....thángnămchúng tôi gồm:

II. Các bên tham gia nghiệm thu:

Ông (Bà):Chức danh.....Công ty.....

Ông (Bà):Chức danh.....Công ty.....

Ông (Bà):Chức danh.....Công ty.....

Sau khi kiểm tra các hạng mục công trình mà Nhà thầu đã thực hiện theo ĐƠN HÀNG/ĐƠN HÀNG sốcủa Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP),

Hai bên cùng tiến hành lập Biên bản nghiệm thu với nội dung như sau:

1- NGHIỆM THU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC (*Cán bộ chuyên môn phòng ban chức năng (End-user)*).

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng đã thực hiện	Đạt tiêu chuẩn kỹ thuật
1				
2				
3				
4				
	Kết luận chung			

Ý kiến (nếu có):

.....

.....

2- NGHIỆM THU CÁC YÊU CẦU KHÁC:

2.1- Vật tư, hàng hóa (nếu có):

2.2- Nhân sự Nhà thầu/nhà thầu (nếu có):

2.3- Tài liệu (nếu có):

2.4- Hướng dẫn vận hành (nếu có):



STT	Nội dung hướng dẫn	Ghi chú	Chữ ký	
			Người hướng dẫn	Người được hướng dẫn
1			Ngày:..... Chức danh:.....	Ngày:..... Chức danh:.....
2			Ngày:..... Chức danh:.....	Ngày:..... Chức danh:.....

III.Kết luận: Công việc/ Dịch vụ đã được hoàn thành *đầy đủ (hoặc các phần...)* theo quy định trong ĐƠN HÀNG/ ĐƠN HÀNG số:

Nhận xét khác (nếu có):.....

Việc ký kết Biên bản nghiệm thu này không miễn trừ Nhà thầu khỏi nghĩa vụ bảo hành và các trách nhiệm như quy định trong ĐƠN HÀNG/ĐƠN HÀNG số.:

Đại diện của hai bên ký kết Biên bản nghiệm thu này thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ một bản.

NCSP
Phụ trách kỹ thuật (End-User): Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
Trưởng nhóm (User's Line Manager) Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
Đại diện NCSP (FAL* Approver) Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....

NHÀ THẦU
Giám sát của Nhà thầu: Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
Đại diện Nhà thầu: Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....



PHỤ LỤC 05

**BẢN ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC CỦA NHÀ THẦU**

ĐƠN HÀNG/ Đơn hàng số:
Nhà thầu:

Sau khi kiểm tra tất cả các hạng mục công trình mà Nhà thầu đã thực hiện theo ĐƠN HÀNG/Đơn hàng số (Mô tả đơn hàng:.....) của Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP), NCSP nhận xét, đánh giá về mức độ hoàn thành công việc của Nhà thầu như sau:

STT	Nội dung đánh giá	Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	Kém	Nhận xét chi tiết
1	Công tác chuẩn bị tài liệu của Nhà thầu						
1.1	Nội dung tài liệu phù hợp với yêu cầu công việc						
1.2	Thời hạn đệ trình và phê duyệt						
2	Quản lý kế hoạch và tiến độ thực tế						
3	Chất lượng vật tư Nhà thầu cung cấp						
4	Quản lý công việc						
4.1	Sự hợp tác, phối hợp của Nhà thầu						
4.2	Chất lượng Nhân viên giám sát của Nhà thầu						
4.3	Chất lượng Nhân viên của Nhà thầu						
4.4	Chất lượng Công việc của Nhà thầu						
4.5	Chất lượng công việc của Nhà thầu phụ (nếu có)						
5	Quản lý An ninh, An toàn, SKMT						
5.1	Mức độ tuân thủ các qui định liên quan an ninh, an toàn, SKMT						
5.2	Mức độ tuân thủ các yêu cầu trong Giấy phép làm việc						
5.3	Nhận thức về an toàn trong công việc của Nhà thầu và Nhân viên Nhà thầu						
6	Kết quả chung						



Ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....

Ghi chú: Trường hợp có nội dung bị đánh giá là Không đạt yêu cầu hoặc Kém, cần ghi rõ lý do và các thông tin liên quan. NCSP sẽ xem xét việc mời Nhà thầu tham gia các gói thầu tiếp theo nếu như Nhà thầu bị đánh giá là Không đạt yêu cầu hoặc Kém.

Nhóm Đánh giá:

Phụ trách kỹ thuật (End-User): Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....	Phụ trách HSSE (HSSE rep): Agreed via attached email Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....	Phòng ban khác (other): nếu End-user thấy cần thiết Agreed via attached email Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
--	---	--

Nhóm phê duyệt :

Trưởng nhóm (User's Line Manager) Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....	Người phê duyệt (FAL): Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
---	--

Người phụ trách mua sắm (Buyer) của ĐƠN HÀNG/ Đơn hàng: Xác nhận đã nhận và lưu thông tin

Tên:.....
Ngày:.....
Chức vụ:.....

Lưu ý:

Biên bản đánh giá này là bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các cán bộ chuyên môn NCSP về năng lực thi công và mức độ hoàn thành/đáp ứng công việc của Nhà thầu Lưu:

- Bản gốc: người phụ trách kỹ thuật (end-user)
- Copy: Người phụ trách mua sắm (buyer), nhà thầu.



1. ĐỊNH NGHĨA

"Bên Mua" hoặc "NCSP"	Có nghĩa là Công ty Đường ống Khí NAM CÔN SƠN.
"Nhà cung cấp"	Có nghĩa là người hoặc những người, hãng hoặc công ty mà tài liệu này được gửi tới và thông qua Hợp đồng, cam kết cung cấp, giao hoặc cho thuê các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ cho NCSP.
"Các Bên"	Có nghĩa là Bên Mua và Nhà cung cấp và "Bên" có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số họ.
"Hợp đồng"	Có nghĩa là hợp đồng giữa Bên Mua và Nhà cung cấp gồm có Đơn đặt hàng/Dịch vụ, các Chỉ dẫn riêng đối với Nhà cung cấp và các Điều kiện chung này về Mua, thuê hàng hóa, dịch vụ bao gồm bất kỳ bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi nào từ đó được các Bên thỏa thuận bằng văn bản và ký.
"Đơn đặt hàng / Dịch vụ"	Có nghĩa là đơn đặt hàng/dịch vụ do NCSP lập cho Nhà cung cấp, mà các Chỉ dẫn riêng và các Điều kiện Chung này được đính kèm theo đó và tạo thành một phần không thể tách rời.
"Các Chỉ dẫn riêng"	Có nghĩa là các hướng dẫn bằng văn bản do NCSP đưa ra cho Nhà cung cấp, được đính kèm theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ, quy định việc Nhà cung cấp phải tuân thủ, trong số những điều khác, phạm vi các Dịch vụ sẽ được thực hiện, và/hoặc các chi tiết của các hàng hóa sẽ được cung cấp, bởi Nhà cung cấp theo Hợp đồng, bao gồm các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong đó hoặc tạo thành phần đính kèm theo đó.
"Đại diện của NCSP"	Có nghĩa là người được chỉ định trong các Chỉ dẫn riêng cho Nhà cung cấp và do NCSP chỉ định hiện thời hoặc tùy từng thời điểm để thực hiện (các) chức năng được giao cho người đó liên quan đến Hợp đồng này.
"Hàng hóa"	Có nghĩa là hàng hóa sẽ do Nhà cung cấp cung cấp như mô tả trong Đơn đặt hàng/ Dịch vụ.
"Dịch vụ"	Có nghĩa là các dịch vụ sẽ do Nhà cung cấp thực hiện và hoàn thành, bao gồm nhưng không giới hạn cho thuê, cung cấp và/hoặc giao các Hàng hóa, được mô tả trong Đơn đặt hàng/Dịch vụ.

2. HỢP ĐỒNG

- (a) Hợp đồng ký kết giữa Bên Mua và Nhà cung cấp được dùng cho việc cho thuê, mua bán và giao các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ được mô tả trong Hợp đồng và trong các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong Hợp đồng và bao gồm tất cả các dụng cụ thiết bị bảo vệ, việc sơn, đóng gói, đóng dấu, dán nhãn, in khắc, in dấu và/hoặc đánh dấu trên hoặc của các Hàng hóa. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, việc lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào khác trên công trường đều được loại trừ.
- (b) Các Điều kiện Chung này sẽ tạo thành một phần của Hợp đồng. Không phần nào của các Điều kiện Chung này được thay đổi và/hoặc bãi bỏ bởi bất kỳ điều kiện nào có trong các bản chào giá, thư, thông báo, hóa đơn, chỉ thị hoặc các thông tin liên lạc khác do mỗi bên phát hành trừ khi do các Bên cùng thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản.

3. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ HỢP ĐỒNG PHỤ

- (a) Nhà cung cấp sẽ không chuyển nhượng Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua.
- (b) Nhà cung cấp sẽ không hợp đồng lại Hợp đồng hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng mà không có thông báo trước bằng văn bản cho Bên mua về việc hợp đồng lại đó, trong đó nêu đầy đủ các chi tiết của mỗi hạng mục sẽ được hợp đồng lại và nhà thầu phụ dự kiến. Bên Mua giữ quyền bác bỏ bất kỳ việc sắp đặt hợp đồng lại nào mà Bên Mua từ chối, trong thời hạn hợp lý từ khi nhận thông báo về việc hợp đồng lại. Quyền của Nhà cung cấp được hợp đồng lại sẽ không giảm trừ bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào.

4. CÁC BẢN VẼ VÀ DỮ LIỆU KỸ THUẬT

- (a) Bất kỳ sai lệch hoặc thay đổi nào về bất kỳ các quy cách hoặc bản vẽ nào tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng đều tùy thuộc sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua. Nếu Nhà cung cấp cho rằng có bất kỳ sai sót hoặc mâu thuẫn nào trong các quy cách hoặc bản vẽ đó hoặc bất kỳ thay đổi nào cần thực hiện trong đó, Nhà cung cấp sẽ ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Mua. Các quy cách hoặc bản vẽ do Bên Mua cung cấp liên quan đến Hợp đồng sẽ được Nhà cung cấp giữ bí mật, và sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua, hoặc được Nhà cung cấp sử dụng trừ khi để thực hiện Hợp đồng.
- (b) Khi Bên Mua yêu cầu, Nhà cung cấp phải cung cấp các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật cho Bên Mua phê chuẩn và/hoặc cho các mục đích xác nhận. Tuy nhiên, bất kỳ việc chấp thuận nào như trên sẽ không ngụ ý rằng Bên Mua đã kiểm tra, xác minh, hoặc chịu trách nhiệm về tính chính xác của các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật ngoài các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật của Bên Mua.

5. QUYỀN SÁNG CHẾ

Nhà cung cấp sẽ hoàn toàn bảo đảm cho Bên Mua không phải chịu tất cả các khiếu nại, trách nhiệm, hư hại, mất mát, chi phí và phí tổn liên quan đến sự vi phạm hoặc vi phạm bị quy kết của bất kỳ bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, nhãn hiệu thương mại, nhãn dịch vụ, bản quyền, hoặc bảo hộ tương tự nào phát sinh từ bất kỳ việc nào do Nhà cung cấp hoặc các nhà cung cấp phụ hoặc nhà thầu phụ của Nhà cung cấp thực hiện có liên quan đến Hàng hóa hoặc Dịch vụ theo Hợp đồng hoặc bất kỳ việc sử dụng nào từ đó, hoặc việc Bên Mua bán lại các Hàng hóa.

6. KIỂM SOÁT QUI TRÌNH, KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

- (a) Bên Mua sẽ được quyền theo ý muốn của mình và sau khi gửi thông báo hợp lý đến Nhà cung cấp, kiểm soát tiến trình của Nhà cung cấp trong việc thực hiện Hợp đồng, kiểm tra hàng hóa và/hoặc các vật tư được sử dụng liên quan đến việc đó, và thực hiện các thử nghiệm như được hoặc có thể được mô tả trong Hợp đồng trong khi chế tạo các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ và trước khi giao các Hàng hóa đó, hoặc hoàn tất các Dịch vụ đó. Nhà cung cấp phải cấp cho Đại diện của Bên mua mọi phương tiện cho các mục đích như vậy kể cả việc tiếp cận các công việc của Nhà cung cấp (hoặc các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp) tại tất cả các thời điểm hợp lý. Bất kỳ việc kiểm soát, kiểm tra và thử nghiệm như trên sẽ không giảm trừ cho Nhà



cung cấp bất kỳ nghĩa vụ nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào, hoặc khỏi các nghĩa vụ hiện có theo luật hiện hành của Việt Nam.

- (b) Tất cả các Hàng hóa sẽ được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm chức năng để bảo đảm rằng chúng ở trong điều kiện thỏa đáng trước khi giao. Bất kỳ các Hàng hóa nào nhận tại Việt Nam mà bị phát hiện không được cung cấp theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ hoặc bị khiếm khuyết hoặc trong tình trạng không thỏa đáng do thiết kế sai, vật tư kém chất lượng hoặc tay nghề không đạt chuẩn sẽ được trả lại cho Nhà cung cấp bằng chi phí và phí tổn của Nhà cung cấp và Nhà cung cấp phải cố gắng hết sức để cung cấp hàng thay thế tương đương hoặc tốt hơn không chậm trễ và không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên Mua.

7. GIAO HÀNG

Việc giao các Hàng hóa và/hoặc hoàn thành các Dịch vụ sẽ tuân thủ những yêu cầu và chỉ dẫn của Hợp đồng.

8. CÁC QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN

Nhà cung cấp phải tuân thủ những nội quy an toàn của Bên Mua khi tiến hành việc giao hàng tới hoặc thực hiện công việc tại cơ sở của Bên Mua hoặc khi Hợp đồng yêu cầu lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc hoặc thiết bị hoặc hay vật tư nào khác tại cơ sở của Bên Mua (kể cả các cơ sở do Bên Mua thuê).

9. BẢO HÀNH

Hàng hóa được cung cấp cho Bên Mua sẽ mới nguyên với bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà cung cấp bao gồm các chi phí sửa chữa/thay thế cho hàng hóa đó. Trong thời gian bảo hành, trừ khi được quy định rõ trong các Chỉ dẫn riêng, hàng hư hỏng, thiếu hụt hoặc khiếm khuyết sẽ được gửi trả cho Nhà cung cấp để sửa chữa và/hoặc thay thế với toàn bộ cước phí (đến và từ Nhà cung cấp) sẽ do Nhà cung cấp tự chịu.

10. TRÁCH NHIỆM

- (a) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi tất cả các thiệt hại và khiếu nại về thương tích hoặc hư hại đối với các bên thứ ba hoặc bất kỳ tài sản nào của các bên thứ ba có thể phát sinh từ hoặc do hậu quả của việc cung cấp các Hàng hóa và/hoặc các Dịch vụ theo Hợp đồng, và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, chi phí, tiền thù lao và phí tổn khác phát sinh liên quan đến hoặc thuộc về việc cung cấp các hàng hóa và/hoặc dịch vụ.
- (b) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi bất kỳ thiệt hại hay bồi thường nào phải trả theo luật liên quan đến hoặc do hậu quả của bất kỳ tai nạn hoặc thương tích nào đối với các nhân viên của Nhà cung cấp hoặc các nhân viên của các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp, và liên quan đến bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào đối với tài sản, thiết bị và dụng cụ của họ trừ khi các thiệt hại hoặc mất mát là do sự cố của Bên Mua.
- (c) Không giới hạn những nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà cung cấp theo Hợp đồng, Nhà cung cấp phải thu xếp và duy trì với một công ty bảo hiểm có danh tiếng, khoản bảo hiểm đầy đủ để trang trải cho các trách nhiệm nói trên.

11. CHẤM DỨT

Bên Mua có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào trong trường hợp Nhà cung cấp vi phạm hoặc vi phạm không có nguyên nhân. Nếu Bên Mua chấm dứt Hợp đồng không có nguyên nhân, Bên Mua phải hoàn trả cho Nhà cung cấp mọi chi phí đã phát sinh theo Hợp đồng và các chi phí có thể tính cho Bên mua (trên cơ sở trả thù lao công bằng) cho tới và kể cả thời điểm chấm dứt đó, cộng một số tiền sẽ do các Bên thỏa thuận, tương trưng cho lợi tức hợp lý của Nhà cung cấp đến thời điểm đó.

12. NHÂN SỰ CỦA NHÀ CUNG CẤP

Trừ khi được quy định riêng biệt trong Hợp đồng, Nhà cung cấp phải tự mình chịu trách nhiệm về và đáp ứng mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc Nhà cung cấp tuyển dụng nhân sự cần cho việc hoàn thành Hợp đồng.

13. VẬN CHUYỂN

Việc vận chuyển nhân sự, hàng hóa, máy móc và thiết bị sẽ do Nhà cung cấp chi trả và chịu trách nhiệm trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng.

14. KHÔNG CUNG CẤP

Nếu Nhà cung cấp không cung cấp các Hàng hóa hay các Dịch vụ quy định trong Hợp đồng, thì, cho dù Nhà cung cấp có thực hiện bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác đối với Bên Mua, tất cả các khoản tiền Bên Mua phải trả theo Hợp đồng sẽ bị ngừng lại kể từ khi bắt đầu không cung cấp và trong suốt thời gian không cung cấp.

15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (a) Hợp đồng được điều chỉnh bởi và sẽ được giải thích theo luật pháp Việt Nam.
- (b) Các Bên phải cố gắng giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền, nhiệm vụ hoặc trách nhiệm của bất kỳ Bên nào liên quan đến Hợp đồng bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên không đạt được giải pháp bằng thương lượng và hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra, và giải quyết theo các quy tắc trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để phân xử tại Việt Nam. Các Bên thỏa thuận tuân thủ bất kỳ quyết định hoặc lệnh trọng tài nào được đưa ra theo việc phân xử đó và quyết định hoặc lệnh đó sẽ là chung thẩm và ràng buộc các Bên.
- (c) Việc bắt đầu các thủ tục trọng tài theo Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc các Bên tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào. Khi bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc khi tranh chấp đang được trọng tài phân xử, trừ những vấn đề đang tranh chấp, các Bên phải tiếp tục thực thi các quyền tương ứng còn lại, và thực hiện các nghĩa vụ tương ứng còn lại theo Hợp đồng.

16. THUẾ

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Nhà cung cấp được xem là đã biết và đã tự tìm hiểu đầy đủ về các nghĩa vụ của Nhà cung cấp theo luật thuế Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.
- (b) Nhà cung cấp phải nộp bất kỳ khoản thuế nào tính cho Nhà cung cấp một cách thích hợp và hợp pháp. Hơn nữa, Nhà cung cấp phải bảo đảm việc bất kỳ nhà thầu phụ nào của Nhà cung cấp nộp các khoản thuế liên quan đến các hoạt động theo Hợp đồng.



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu qui định tại Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại “Biểu mẫu hợp đồng” thuộc E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

